Số 140 / 5.2004 ISSN 1164-2378

F O R U M

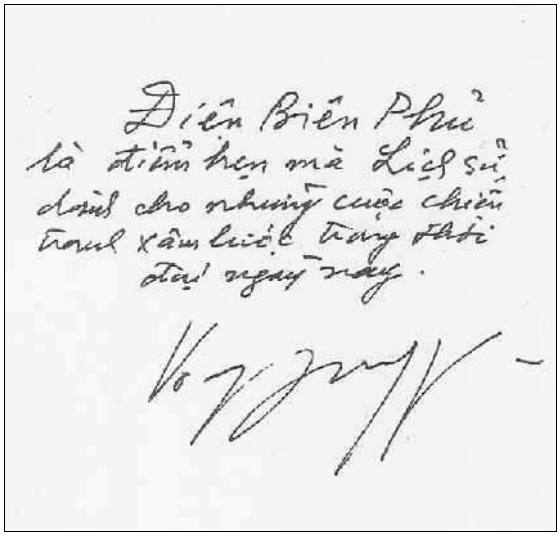
Điện Biên Phủ
là điểm hẹn mà Lịch sử
dành cho những cuộc chiến
tranh xâm lược Tây phương
đại ngày nay.

Kỉ niệm 50 năm chiến thắng

ĐIỆN BIÊN PHỦ

(thủ bút của Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

1 Tình hình Tây Nguyên — Diễn Đàn
4 Tin tức
10 Đi qua những cơn bão khô — Nguyễn Ngọc Tư
12 'Mẹ Sề' trấn áp mạng internet — Paul Mooney

Hồ sơ đặc biệt : 50 năm Điện Biên Phủ

14 *Tiens ! Bien fou !* — Nguyễn Bắc
16 Nhớ lại từ nước ngoài — Đặng Tiến

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

18 Tranh Phan Ngọc Minh — Đặng Tiến
19 Thơ — Nguyễn Thế Hoàng Linh
20 Gióng — Lê Minh Hà
22 Phát hiện mới về Sa Huỳnh — Nguyễn Q. Trọng
25 Xây nhà bằng đất — Văn Ngọc
29 Chinh phục vũ trụ — Nguyễn Quang Riệu

Tình hình Tây Nguyên :

Cây và Rừng

Chưa thể biết rõ chuyện gì đã xảy ra ở Tây Nguyên ngày thứ bảy 10.4 vừa qua. Một bên là những thông cáo và con số tuỳ hứng của tổ chức Montagnard Foundation, Inc (đặt tại bang South Carolina, Mỹ) mà chủ tịch là Kok Ksor, thủ lãnh còn sót của FULRO, là người, theo tiểu sử công bố trên mạng, đã nhiều năm làm việc cho quân đội Mỹ, CIA và quân đội Lon Nol, nay chủ xướng một « nước Degar tự trị » huyễn hoặc (các báo lớn ở Mĩ như *New York Times*, *Washington Post*, do có kinh nghiệm về ông Ksor, nên đã đưa tin rất thận trọng). Một bên là chính quyền Việt Nam, trong suốt một tuần, cấm báo chí trong nước đưa tin, và tuy đã để du khách trở lại Tây Nguyên, vẫn không cho các nhà báo quốc tế tới quan sát tại chỗ.

Với chính sách ngăn chặn thông tin ấy, các tuyên bố của chính quyền, dù có đúng sự thực, đều trở thành khó tin. Song ngay những con số mà chính quyền đưa ra (10 000 đồng bào các dân tộc Tây Nguyên biểu tình, 2 người chết) cũng cho thấy mức độ nghiêm trọng của sự cố mùa Phục Sinh 2004, xảy ra 3 năm sau vụ náo động 2001.

Sự xúi giục từ bên ngoài lần này rõ ràng là có. Nhưng đó chỉ là cái « cây », mà cái cây có lớn như cây *sequoia* ở Mĩ, cũng không che được rừng. Rừng đây là những thực tế mà mọi người đều biết. Về dân số, ở Tây Nguyên hiện nay, 70 % là người Kinh, 30 % là người các dân tộc, nhưng một nửa là đồng bào Việt Bắc và Tây Bắc ; các dân tộc Tây Nguyên chỉ còn 15 % (con số này cũng tương ứng với tỉ số hộ nghèo đói ở đây là 17 %). Gắn liền với dân số là đất đai và sinh kế : theo ông Phạm Thế Duyệt (chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc), ở tỉnh Gia Lai, mới chỉ có 400 trên 15 000 hộ (dưới 3 %) đồng bào được « giải quyết vấn đề đất » (*Đại Đoàn Kết*, 21-4) ; phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho biết ở huyện Chư Sê (tỉnh Gia Lai), 65 % hộ có điện dùng, nhưng chỉ có 12 % các hộ đồng bào dân tộc ở trong diện này (*Tuổi Trẻ*, 22-4). Bên cạnh những con số chính thức vừa nêu trên, liệt kê và trích dẫn các chính sách « đoàn kết dân tộc, tự do tôn giáo, xoá đói giảm nghèo » trở thành một trò ảo thuật ngôn từ vô trách nhiệm.

Rừng núi Tây Nguyên là nơi nhiều dân tộc đã sát cánh với dân tộc Việt trong suốt hai cuộc kháng chiến. Bên cạnh câu chuyện tình nghĩa đã trở thành quá hiếm, ngày nay nó là thử thách về bản lĩnh và ý thức quốc gia của chính quyền.

Diễn Đàn

Bạn đọc và Diễn Đàn

Tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh trả lời ông N. Chi

Diễn Đàn số trước đã đăng thư của ông N. Chi góp ý kiến về những trích dẫn trong bài ***Tết này có lẽ không về được*** *của Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Nguyên văn lá thư này dài, nên chúng tôi đã mạn phép chỉ trích đăng một số đoạn chính. Vì khuôn khổ trang* ***Bạn đọc và Diễn Đàn****, những đoạn dẫn cũng không được trích nguyên vẹn. Chúng tôi đã nhận được thư trả lời của tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Cũng trong tinh thần nêu trên, Diễn Đàn mạn phép chỉ trích đăng một số đoạn. Mong các tác giả thông cảm và lượng thứ :*

« Trong Diễn Đàn số 139 (tháng 4.2004, trang 2 và 3) có bài *Trích dẫn, văn bản gốc và trí nhớ* của ông N. Chi « mách » tôi là trong bài *Tết này có lẽ không về được* (Diễn Đàn số Xuân Giáp Thân), tôi đã « *trích dẫn nhiều thơ, mỗi lần đều có ghi xuất xứ, nhưng thường là sai* », và ông sửa chữa những chỗ sai lầm của tôi « *để tác giả rà lại, trường hợp in thành sách* ».

Trước hết, xin cảm ơn ông đã có nhã ý chỉ cho những chỗ tôi sai sót. Tuy nhiên, tưởng cũng nên nói rõ tôi viết bài ấy trong trường hợp nào, hoạ may ông thông cảm, cho trường hợp « giảm khinh ». (...) Tôi viết đến đâu ngẫu nhiên liên tưởng đến một vài câu thơ phảng phất phù hợp với những chi tiết trong đoạn đang viết liền chép ra chứ không phải tôi đi tìm thật nhiều những câu thơ liên hệ đến Tết để đưa vào bài. Viết xong mới thấy cần đề rõ tên tác giả, những câu thơ trích dẫn (...), đề tên tác giả xong lại phải tìm năm sinh, năm mất của tác giả (...), rồi điều tra lại xem bài thơ ấy nằm ở đâu, để độc giả có muốn đọc toàn bài tìm cho dễ. Thành thử tuy chỉ là một bài viết chơi chứ không phải nghiên cứu mà cũng mất khá nhiều thì giờ (...). Tuy nhiên, tôi nhìn nhận « sai sót » vẫn là « sai sót » ».

Trong một đoạn tiếp theo, tác giả nói thêm :

« Tuy tôi có nhận thấy vài chỗ khác với trí nhớ và có đánh dấu bút chì nhưng vì phải gửi bài đi cho kịp số Tết nên quên mất không điều tra thêm ».

Tác giả kể ra các trường hợp cụ thể. Thí dụ như bài thơ của Vũ Hoàng Chương :

« Bài này tôi cũng trích theo trí nhớ rồi mới tìm xuất xứ, chỉ khác lần này xuất xứ tôi tìm đến đầu tiên lại là... môt bản tôi chép tay thời còn đi học, đã không đề rõ xuất xứ, tôi lại viết ngoáy nên 'ngày trắng' cũng có thể đọc thành 'ngày tháng' ».

Cuối cùng, tác giả viết :

« Phần tôi, tiếc rằng được đọc ông hơi muộn, bài đã gửi đi, bây giờ có thể sách đã in xong hay lên khuôn. Tuy nhiên, để tỏ thiện chí, tôi sẽ tìm cách nhờ gửi bài này về bằng điện thư may ra kịp thì nhà xuất bản in thêm bài này tiếp theo bài Tết của tôi ».

« Tóm lại, tôi nhìn nhận đã viết theo trí nhớ nên có những chỗ sai lầm, đã không có thì giờ kiểm tra kĩ, lại cũng không ghi rõ từ đầu đây chỉ là một bài hồi kí hoàn toàn viết theo trí nhớ chứ không phải một bài nghiên cứu thơ. Dù sao sai sót vẫn là sai sót, ông vạch ra là phải, tôi xin cảm ơn ».

Trong thư tác giả cũng lưu ý là những đoạn viết của bà khi được ông N. Chi trích dẫn cũng không đúng với nguyên ...

Nguyên Lê lưu diễn Châu Âu

xem chương trình cập nhật tại www.nguyen-le.com

Tháng 5 : Nguyên Lê và Hương Thanh lưu diễn ở **Việt Nam** (**5** tại Trung tâm Văn hoá Pháp, Hà Nội ; **6** và **8** : Nhà hát lớn Hà Nội ; **8** và **11** : Nhà hát lớn TP Hồ Chí Minh), 18 tại **Angers** (Theatre) Nguyên LÊ Hendrix ; 21 Ch Schweizer **Hamburg** NDR ; 22 **Bruges** Festival, B Hendrix
Tháng 6 : 5 tại **Lisboa** Rock in Rio, Hendrix ; **18** La Défense, 12h30 Hendrix ; **19 Agde** masterclass.

Nam Trân & Hồng Anh

Hội Mĩ thuật địa phương Choisy-le-Roi tổ chức triển lãm

Mùa Xuân Việt Nam

hoạ phẩm, kí hoạ và ảnh của Nam Trân và Hồng Anh từ ngày 12.5 đến 08.06.2004 tại Syndicat d'Initiative de Choisy-le-Roi, 6 bis place de l'Eglise.

Tel : 01 48 84 01 91 / RER, BUS TVM, 183, 393

Xem lịch sinh hoạt văn hoá cập nhật trong mục Sổ Tay trên mạng internet của báo Diễn Đàn
www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, quản lí, kĩ thuật :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

...văn, khi thì bị cắt xén, khi thì không tôn trọng các dấu phẩy, chấm, ngoặc kép của nguyên bản. Đây hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của bộ phận biên tập và kĩ thuật của Diễn Đàn, mong được các tác giả thông cảm.

Xuân, hạ, thu, đông... rồi lại xuân

Nghe lời một người bạn quý đã dự Liên hoan điện ảnh châu Á ở Deauville (tháng 3.04), tuần qua tôi đã đi xem cuốn phim Hàn Quốc ***Printemps, Eté, Automne, Hiver... et Printemps***. Đây là tác phẩm mới của một đạo diễn (tương đối) trẻ, sinh năm 1960 : Kim Ki-duk (Kim Cơ Đức), đang được chiếu khá rộng rãi ở Paris (và hình như cùng lúc ở Mĩ).

Điện ảnh Nam Triều Tiên đã nổi bật lên trong thập niên vừa qua, đặc biệt với những kiệt tác của Im Kwon-taek (tôi nghĩ tới ***Say mê phụ nữ và hội hoạ, Xuân Hương, Đẻ thuê***...). Với ***Xuân, Hạ...***, Kim Cơ Đức đã chứng tỏ rằng thế hệ kế tục hoàn toàn có khả năng nâng cao vị trí của điện ảnh Hàn Quốc.

Thật vậy, trong một khung cảnh gần như cố định, với 3 nhân vật chính và 3 nhân vật phụ, rất ít hành động, đối thoại càng ít hơn, cuốn phim quyến rũ người xem, đưa ta thâm nhập những vấn đề lớn của đời người : sinh, tử, lão, bệnh, tình yêu, tình thầy trò, tính dục, đam mê, tội ác, quan hệ giữ con người với con người, giữa con người với chúng sinh, với thiên nhiên, đưa người xem vào cửa thiền một cách tự nhiên, dí dỏm.

Khung cảnh là ngôi chùa nhỏ nổi trôi lặng lẽ trên hồ nước, bốn bề là núi cao, rừng rậm. Nhân vật chủ chốt là sư già và chú tiểu. Thời gian là mùa xuân, hay tuổi thơ của chú tiểu, rồi mùa hạ là tuổi thanh xuân, là rạo rực da thịt, là mối tình với cô gái... Chẳng cần kể thêm chuyện phim. Thực ra không có chuyện. Hay đúng hơn, chuyện kể bằng hình ảnh (những hình ảnh đẹp, nhưng không duy mĩ, đẹp để mà đẹp), bằng những cái nhìn, bằng những cử chỉ, động tác ghi bằng máy quay phim đeo trên vai..., bằng âm thanh, âm nhạc, tiếng mõ, bằng con thuyền lặng lẽ đưa thoi giữa ngôi chùa và bờ hồ, giữa u mê và bờ bên kia (giác ngộ ?), bằng bài kinh Bát Nhã viết bằng... tôi xin không kể để các bạn bất ngờ thú vị.

Tôi mong rằng Diễn Đàn sẽ có những bài giới thiệu những cuốn phim hay như vậy, của Hàn Quốc, Iran cũng như các nước khác.

N. A. M. (*Paris*, Pháp)

Xin thưa là chúng tôi cũng đã yêu cầu các cộng tác viên chấp bút, giờ chót đã nhận được (gần xong) một bài 2 trang, nhưng vì bài vở quá tải, đành để lại số sau. Đọc thư ông, chắc nhiều bạn đọc sẽ đi xem cuốn phim đặc sắc này.

Đính chính : Bài đọc sách *Những con cá xiếc / Đọc 'Tấm Ván Phóng Dao' của Mạc Can* của tác giả Mai Ninh (*Diễn Đàn* số 139, tháng 4.2004, trang 22-24), toà soạn đã để sót 2 chú thích. Nay xin bổ sung :

(*) Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 2004.

(**) Chú thích của người viết bài này.

Xin tác giả và độc giả vui lòng lượng thứ.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số .....)

Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W020 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE,

Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc **và các nước khác** : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Website : http://www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức
Tin Tức - Tin Tức
Tin Tức - Tin Tức

Tây Nguyên lại xáo động

Ba năm sau vụ náo động hồi tháng 2.2001 (xem Diễn Đàn số 105, tháng 3.2001), hàng loạt vụ biểu tình, đụng độ bạo động với chính quyền lại nổ ra với sự tham gia của hàng ngàn người Thượng thuộc nhiều dân tộc ít người ở các tỉnh **Đăk Lăk, Gia Lai và Đăk Nông,** trong dịp lễ Phục Sinh, ngày 10/4.

Theo **VnExpress** ngày 17.4, sáng 10/4, hàng nghìn người **Êđê** gồm thanh, thiếu niên, già làng... từ 30 trong tổng số 532 thôn buôn thuộc huyện Chư M'ga, Krông Ana đã tràn ra quốc lộ 14, quốc lộ 27 và tỉnh lộ 8, có chuẩn bị kỹ lưỡng, tổ chức thành 4 mũi nhằm về hướng trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột.

Những người này đi trên hàng trăm xe công nông, môtô, xe máy. Họ mang theo hung khí như xà gạc, kiếm mác, gậy gộc, ná, đá... Theo tờ báo, họ đã gây xô xát với các chủ sạp chợ, quán ăn, ở các chợ Ea Kao, Phan Chu Trinh, Ea K'tua, gây ra thương tích cho một số người.

Khi còn cách thành phố Buôn Ma Thuột 2 km, đoàn người đã bị lực lượng công an chặn lại, yêu cầu giải tán, giữ an ninh, trật tự. Tại đây những người gây rối có hành động công khai tấn công người thi hành công vụ.

Tại Gia Lai, sáng cùng ngày, đồng bào dân tộc ở một số làng của các huyện Ayun Pa, Chư Sê, Đăk Đoa, Đức Cơ, Chư P'rông và thành phố Pleiku đột ngột kéo lên trụ sở các xã và gây rối. Một số "phần tử quá khích" kích động đám đông, đuổi đánh cán bộ và đập phá tứ tung. Tình hình căng thẳng ở nhiều địa phương, "nhiều nơi như một chảo lửa"...

Theo tờ báo, lãnh đạo tỉnh Gia Lai đã họp khẩn cấp và cử ngay nhiều cán bộ về các điểm nóng để ổn định tình hình. Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Vĩ Hà đã có mặt tại các làng trong huyện Đắc Đoa, tiếp xúc ngay với bà con, ghi nhận các ý kiến và giải thích trở lại. Ông Nguyễn Dũng, chủ tịch UBND huyện Chư Sê di chuyển giữa các làng, ngay cả những nơi nguy hiểm khi sự phấn khích đã làm cho nhiều thanh niên dân tộc không còn kiềm chế. Một sĩ quan công an bị tấn công, làm trọng thương - gãy xương đùi.

Trả lời VnExpress, ông Lữ Hồng Cư, giám đốc công an tỉnh Đăk Lăk cho biết, vụ gây rối chỉ diễn ra trong một ngày và được giải quyết ổn thỏa...

Lần này, như báo **Tuổi Trẻ** ngày 16.4 tố cáo, bàn tay tổ chức của Kok Ksor, chủ tịch Quĩ người Thượng (Montagnard Foundation) có trụ sở tại bang Nam Carolina - Mỹ, nguyên "tổng tham mưu trưởng" tổ chức Fulro do Mỹ lập ra thời chiến tranh, hiện rõ ngay từ đầu. Tờ báo chỉ rõ, từ ngày hôm trước cuộc bạo loạn (9/4), một bản thông cáo báo chí của tổ chức "Đảng cấp tiến xuyên quốc gia" (Transnational Radical Party - TRP), mà Montagnard Foundation là một tổ chức thành viên, đã đưa "tin" : " *ngày 10-4 sẽ có hơn 150.000 người Thượng tổ chức một cuộc tuần hành bất bạo động để cầu kinh tại Tây nguyên, chống lại việc nhà cầm quyền VN từ chối quyền tự do được tôn thờ Đức Chúa* " (nguyên văn tiếng Anh của bản thông cáo được đăng trên trang web "www.radicalparty.org", mang tựa đề « *Brutal Repression Against The Christian Montagnards In Viet Nam. Appeal For The Immediat Intervention of Democratic Countries* » - chú thích của Diễn Đàn). Tuy nhiên, "tin tức" mà Montagnard Foundation đưa ra về cuộc đàn áp của chính quyền, với những con số "200 xác người chết bị bỏ lại trong thành phố và những đồn điền cà phê chung quanh" (ngày 10.4), rồi "Tôi nghe nói họ giết người rồi ném xuống sông. Một họ hàng của vợ tôi kể 2.000 người chúng tôi đã bị giết chết từ thứ bảy" (ngày 13.4), ngay cả báo chí Mỹ và các tổ chức ít cảm tình với VN như Human Rights Watch cũng không tin nổi. Thông báo ngày 22/4 của tổ chức này chỉ nói là những "nhân chứng tin cậy được" của họ cho biết "ít nhất 10 người đã bị giết, và hàng trăm người bị thương". Về phần mình, một chuyên gia của Amnesty International nói với phóng viên báo **Guardian** của Anh (22.4) rằng ông ta chỉ có được những báo cáo nói tới 4 người chết. Còn ông Phạm Thế Duyệt, chủ tịch Chủ tịch đoàn Uỷ ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì khẳng định « *chỉ có hai người trong số những người cố ý gây rối trật tự công cộng bị chết do chính họ ném đá vào nhau. Ngoài ra, còn có vài chục người bị thương trong các cuộc ẩu đả lẫn nhau.* » (VNN 17.4).

Nhà cầm quyền và báo chí Việt Nam cũng không quên nhấn mạnh tính chất chính trị thay vì tôn giáo của các hoạt động của Kok Ksor và tổ chức Montagnard Foundation mà ông ta lập ra, nhằm phát động đấu tranh xây dựng một đất nước" *Degar tự trị* " gồm các tỉnh Tây Nguyên hiện nay. Một cuộc đấu tranh ly khai mà dĩ nhiên nhà nước VN không thể chấp nhận.

Tuy nhiên, điều này không đủ thuyết phục các nhà ngoại giao Tây phương là đã không xảy ra những đàn áp khó chấp nhận đối với người dân tộc cũng như đối với người theo đạo Tin Lành. Trong cuộc họp các bộ trưởng ASEM ở Dublin cuối tuần 17-18.4, uỷ viên phụ trách đối ngoại của Uỷ ban châu Âu Chris Patten đã đặt vấn đề với ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên, yêu cầu cho các phóng viên nước ngoài được quyền đưa tin do họ trực tiếp tìm hiểu được, thay vì chỉ truyền tải một bên là những lời đồn và những thông tin khó kiểm chứng của các tổ chức chống đối, và bên kia là những thông cáo chính thức của nhà nước.

Theo tin đài Mỹ RFA, ngay sau khi các vụ bạo động nổ ra, nhà cầm quyền đã chặn mọi ngả đường lên Tây Nguyên đối với người nước ngoài (một phái đoàn đại sứ quán Mỹ, trong một chuyến đi thăm « bình thường » - a routine trip – lên Đăk Lăk đúng ngày 10.4 đã phải trở về). Lệnh cấm du khách lên Tây Nguyên đã được bãi bỏ ngày 15.4. Tuy nhiên, trong một

bài trả lời phỏng vấn báo điện tử VieNamNet ngày 23.4, ông Nguyễn Văn Lạng, chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk khẳng định chưa bao giờ ra lệnh cấm như vậy, và " *ngay trong những ngày xảy ra sự việc... vẫn có các đoàn chuyên gia, tổ chức, khách nước ngoài đến làm việc, du lịch bình thường* (ở tỉnh) ".

Về phần mình, chính phủ Việt Nam đã cử phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trở lại Tây Nguyên hôm thứ ba 13.4 để thúc đẩy chính quyền địa phương tập trung hơn nữa vào việc cải thiện đời sống của đồng bào người Thượng, đặc biệt là trong việc giải quyết các cuộc tranh chấp đất đai, một nguồn chủ yếu của những bất ổn định trong vùng.

ĐCSVN và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài : « *cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau* » ?

Cuối tháng ba vừa qua, bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam đã cho công bố nghị quyết số 36 về *« công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài* ». Theo chủ nhiệm uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài, thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Phú Bình, *« điểm mới nổi bật* » của văn bản này là lần đầu tiên xác định rõ trách nhiệm của nhà nước đối với cộng động người Việt sinh sống ở nước ngoài (ước tính khoảng 2,7 triệu người đang sinh sống ở gần 90 nước).

Nghị quyết 36 khẳng định nhiệm vụ đầu tiên của nhà nước Việt Nam là « *hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn sinh sống, hội nhập vào đời sống xã hội nước sở tại, đồng thời duy trì quan hệ gắn bó với quê hương, đất nước* ». Theo ông Nguyễn Phú Bình, đây là một cách nhìn mới, trong đó vấn đề trước tiên của cộng động người Việt định cư ở nước ngoài là « *thực hiện tốt hội nhập, thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp sở tại... rồi cuối cùng mới là tuỳ theo điều kiện và khả năng của mỗi người mà góp phần xây dựng quê hương đất nước* ». Nhà nước Việt Nam khẳng định trách nhiệm của mình là « *chủ động* » đàm phán và ký kết các thoả thuận cần thiết với những nước sở tại, bảo vệ quyền lợi của cộng đồng, chống các biểu hiện kỳ thị người gốc Việt Nam : riêng bộ ngoại giao sẽ đánh giá các cơ quan đại diện ở nước ngoài qua *« chương trình hành động* » nhằm bảo hộ lợi ích của cộng đồng.

Nghị quyết 36 chủ trương xây dựng *« một hệ thống chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều báo vào công cuộc phát triển đất nước* ». Ông Nguyễn Phú Bình nhấn mạnh cách đặt vấn đề mới này, theo đó *« những tiềm lực kinh tế của cộng đồng chưa phải là lớn, bù lại tiềm năng chất xám lại vô cùng phong phú* ». Nhà nước sẽ tháo gỡ những trở ngại, vướng mắc trong sự hợp tác làm việc với trí thức ở nước ngoài, và các cơ quan trong nước sẽ được quyền chủ động mời chuyên gia tham gia các dự án, chương trình : « *chính sách đã có, các cơ quan không nhất thiết việc gì cũng phải báo cáo lên trên nữa* ».

Tại nước ngoài, chính sách mới của nhà nước Việt Nam là « *đa dạng hoá các phương thức vận động, các hình thức tập hợp* » trong cộng động. Đó còn là « *chủ động mở rộng tiếp xúc với những người còn có định kiến, mặc cảm* » với nhà nước Việt Nam. Nghị quyết 36 cũng đề ra một số biện pháp cụ thể nhằm phục vụ cộng đồng như : xây dựng chương trình dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài ; giúp đỡ xây chùa chiền Việt Nam ở những nước sở tại ; hỗ trợ việc ra báo, đài phát thanh và truyền hình tiếng Việt ở nước ngoài ; mời vận động viên gốc Việt Nam tham gia các cuộc thi quốc tế dưới màu áo của Việt Nam (bắt đầu là tại SEA Games tới)...

Đưa ra nghị quyết mới về cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ĐCSVN nhắm « *xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau* ». Ghi nhận điều này có nghĩa là, trong quá khứ, « *tinh thần* » đó không có. Sự hiện hữu của « *nghị quyết* » cũng không có nghĩa là nó sẽ trở thành hiện thực. Có thể nói thêm rằng : giữa nhà nước và người Việt ở nước ngoài sẽ có hay không có « *cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau* » tuỳ theo « *tinh thần* » này có thành hay không hiện thực trong mối quan hệ của nhà nước, trước tiên, với công dân ở trong nước. [*Tuổi Trẻ* 30.3.2004 - Hải Vân tổng hợp và bình luận]

Kiểm tra internet công cộng : « *chỉ nhắc nhở, không có chế tài* » ?

Vào trung tuần tháng 4 vừa qua, công an thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, đã bắt đầu thực hiện quyết định số 71 của bộ công an về kiểm tra internet công cộng, theo đó khách hàng tại các cửa hàng dịch vụ phải xuất trình chứng minh nhân dân trước khi truy cập internet. Quyết định này buộc chủ các cửa hàng dịch vụ internet phải lưu trữ tại máy trong thời gian 30 ngày « *đầy đủ chi tiết thông tin* » về khách hàng (họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu), về thời gian sử dụng dịch vụ và nội dung truy cập. Các cửa hàng còn phải có chương trình phần mềm nhằm « *quản lý tức thời nội dung thông tin của khách hàng* » và phải có giải pháp kỹ thuật *« ngăn chặn việc truy cập đến các trang web có nội dung xấu* ». Được biết Việt Nam hiện nay có khoảng 5000 cà phê internet mà bộ phận lớn khách hàng là thanh thiếu niên từ 14 đến 24 tuổi, tức là người truy cập internet không phải ai cũng đều có chứng minh nhân dân.

Trả lời câu hỏi của báo chí, các chuyên gia đều nghi ngờ tính khả thi của các biện pháp kiểm soát được đề ra. Một chuyên viên tin học cho biết người sử dụng internet ở trình độ cao « *hoàn toàn có khả năng, phương pháp tìm ra nơi lưu trữ thông tin và vô hiệu hoá nó. Có nhiều trang web nước ngoài hướng dẫn cách chống lại hệ thống theo dõi, bảo vệ các thông tin cá nhân* ». Một nhân viên bưu điện tỉnh Đồng Nai còn cho rằng : « *Việc ghi lại địa chỉ và chứng minh nhân dân là không cần thiết bởi vì, về mặt kỹ thuật, bưu điện hoàn toàn có thể kiểm soát việc chọn lọc và ngăn chặn những website có nội dung xấu bằng xây dựng những tường lửa ở các máy chủ hoặc ở cổng vào* ». Thế nhưng, trong khi công an Biên Hoà quấy rầy các đại lý thì các công ty kinh doanh dịch vụ đường truyền internet (ISP) như SaigonNet, FPT, VDC... cho biết chưa được ngành công an tiếp xúc về quyết định 71.

Ngoài ra, quyết định kiểm soát internet công cộng của bộ

công an đặt ra nhiều vấn đề pháp lý. Một chuyên gia nhận xét việc lưu giữ thông tin về người sử dụng internet mâu thuẫn với một điều khác của quyết định 71 là « *người sử dụng có trách nhiệm bảo vệ mật khẩu, khoá mật mã, nội dung thông tin riêng* ». Hơn thế, nó vi phạm các qui định về « *quyền bí mật đời tư, thư tín* » của công dân ghi trong bộ luật dân sự. Một cuộc điều tra dư luận do báo điện tử *Vietnamnet* thực hiện cho biết : trên 13 352 bạn đọc trả lời, có hơn 75 % cho rằng quyết định 71 vi phạm đời tư và gây phiền hà cho người truy cập internet, chỉ có hơn 5 % ý kiến tán đồng quyết định của bộ công an. *Vietnamnet* còn nhắc rằng nghị định số 55 của chính phủ giao trách nhiệm quản lý internet cho ba bộ : bộ văn hoá - thông tin về mặt nội dung thông tin, bộ công an về mặt an ninh thông tin, bộ bưu chính - viễn thông về mặt công nghệ thông tin : «*Như vậy, việc quản lý internet không chỉ là của riêng ngành nào, mà các bộ ngành đều có nhiệm vụ thực thi theo nghị đinh 55* ». Ở tỉnh Đồng Nai, sở thông tin - văn hoá cho biết chưa có thể triển khai quyết định 71 vì còn « *đang chờ thông tư hướng dẫn* ».

Mặc dù quyết định của bộ công an được ban hành từ ngày 29.1, song cho đến cuối tháng 4 vừa qua các cửa hàng dịch vụ internet đều tuyên bố hoặc không hề biết gì về qui định đó hoặc không biết khi nào nó có hiệu lực. Ngay tại thủ đô Hà Nội, nhiều đại lý dịch vụ internet công cộng cho biết « *chưa thấy ai nhắc nhở* » phải kiểm tra chứng minh nhân dân của khách hàng. Một điểm dịch vụ internet ở cạnh ký túc xá Đại học quốc gia còn cho rằng : « *Đại lý làm sao có quyền chất vấn tên tuổi khách hàng* ». Về phía cơ quan công an, trưởng phòng an ninh kinh tế Hà Nội, ông Lê Duy Tiến, tuyên bố : « *Quy định về trách nhiệm của đại lý internet nói trên chỉ mang tính nhắc nhở, bởi không có chế tài nào với cửa hàng vi phạm* » (!).

Tuyên bố của ông Tiến trái với điều 13 của quyết định 71, theo đó các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm " *sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 41 và Điều 45 của Nghị định số 55* ". Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, giá phải trả có thể là tiền phạt (200 ngàn đến 50 triệu đồng) hoặc xử lý hành chính, thậm chí " *truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật* ", nếu là " *Hành vi lợi dụng Internet để chống lại Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và gây rối an ninh, trật tự ; các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác có dấu hiệu tội phạm* ". Một điều khoản đủ mơ hồ để công an có thể tuỳ nghi sử dụng với mức độ nghiêm ngặt nhất khi cần ! Và đó mới là tinh thần cơ bản của cái quyết định *phản động*, phản internet này.

[theo tin các báo *Thanh Niên* 10.4 ; *AP* 10.4 ; *Pháp Luật TPHCM* 12.4 ; *Vietnamnet* 24.4.04]

Y tế : « *những bánh vẽ làm người bệnh Việt Nam không chết vì bệnh, mà chết vì giá thuốc…* »

Vì thành tích bán vượt doanh số, cuối năm 2003 vừa qua, một công ty dược phẩm đa quốc gia đã thưởng cho 40 dược sĩ và trách nhiệm quản lý doanh nghiệp dược Việt Nam một chuyến đi tham quan ở Ai Cập. Điều đáng nói về chuyến đi này là các chuyên gia dược Việt Nam phát hiện giá thuốc tây tại Việt Nam cao hơn gấp nhiều lần tại Ai Cập, và họ đã 'tranh thủ' mua về nhiều mặt hàng đang 'bán chạy' ở trong nước. Như các loại thuốc : Amaryl của hãng Aventis (Đức), Renitec của hãng MSD (Mỹ) hay Voltaren của hãng Novatis (Thuỵ Sĩ) mà giá bán tại Việt nam cao gấp 2 lần ; Zaditen cũng của Novatis, giá bán cao gấp 3 lần ; Dogmatil của hãng Sanofi-Synthelabo (Pháp), giá cao gấp 10 lần ; Cordarone cũng của Sanofi-Synthelabo, giá cao gấp 38 lần...

Được biết người bệnh Việt Nam đã chứng kiến ba cơn sốt giá thuốc trong năm 2003 và, đầu năm 2004, dược phẩm lại tăng giá, không chỉ một đợt mà nhiều đợt, trước và sau Tết. Theo số liệu chính thức của Tổng cục thống kê, so với cùng thời kỳ, tức quí 1 năm 2003, bình quân giá dược phẩm đã tăng 15%, gấp 3 lần chỉ số giá tiêu dùng. Thủ tướng Phan Văn Khải phải công nhận rằng cơn sốt giá thuốc tây trong thời gian qua « *chủ yếu* » là do quản lý của nhà nước : « *để xảy ra tình trạng độc quyền và tiêu cực ở các khâu* ». Ông Khải nhấn mạnh trách nhiệm của bộ y tế và các doanh nghiệp dược nhà nước, cũng như của giám đốc bệnh viện và các bác sĩ kê đơn. Ông yêu cầu chấn chỉnh ngay các khâu nhập thuốc, cung ứng thuốc trong bệnh viện và kê đơn thuốc : « *Bộ y tế đã biết, đã thấy và cũng đã có quá nhiều đợt thanh tra, kiểm tra, nhưng chưa một đơn vị, cá nhân nào được đưa ra xử lý* ».

Tiến hành trong quí 1 năm 2004, một cuộc thanh tra liên ngành (y tế, tài chính, thương mại, hải quan) về giá cả dược phẩm đã phơi bày thực tế là : các doanh nghiệp nhà nước có chức năng xuất nhập khẩu dược phẩm đóng vai trò bình phong cho các công ty dược đa quốc gia nắm thế độc quyền trên thị trường thuốc tây Việt Nam. Hầu như tất cả 60 doanh nghiệp nhà nước nhập khẩu thuốc tây chỉ hoạt động uỷ thác cho các công ty đa quốc gia để hưởng phí 1,5-2% trên giá trị hoá đơn xuất ra, rồi chuyển hàng cho các công ty đó độc quyền phân phối và quyết định giá : chênh lệch giữa giá nhập khẩu và giá bán ra từ 30-350% tuỳ theo loại thuốc. Thanh tra còn phát hiện trường hợp công ty Sanofi-Synthelabo ấn định giá bán buôn sản phẩm trong nước cao hơn giá xuất khẩu ra nước ngoài gấp 3 lần ! Song, như bà Nguyễn Thị Hoài Thu, chủ nhiệm uỷ ban các vấn đề xã hội của quốc hội, nhận định : « *Phải có sự tiếp tay bên trong thì bên ngoài họ mới thao túng được* ». Phó đoàn đại biểu quốc hội của Thành phố Hồ Chí Minh, ông Huỳnh Thành Lập, chỉ đích danh « *dinh luỹ cuối cùng của sự độc quyền* » chính là cục quản lý dược của bộ y tế, một cơ quan mà hoạt động *« chưa đảm bảo tính công khai, dân chủ* » như bộ y tế đã phải công nhận.

Tại khu vực bệnh viện, cuộc thanh tra đã phơi bày một thực tế khác là : nguyên tắc bệnh viện mua thuốc thông qua đấu thầu chỉ mang tính hình thức, và giá thuốc trúng thầu thường cao hơn giá bán ngoài thị trường. Bộ y tế thừa nhận rằng chủ trương chỉ cho phép các doanh nghiệp nhà nước tham gia đấu thầu cung ứng thuốc vào bệnh viện là « *nguyên nhân chính của việc chênh lệch lớn giữa giá nhập khẩu và giá bán ra* ». Ở các bệnh viện lớn của Thành phố Hồ Chí Minh, thanh tra ghi nhận không ít trường hợp giá thuốc trúng thầu vượt từ 100-230% giá thị trường. Ở Đà Lạt, bệnh viện đa khoa mua thuốc cầm máu với giá cao hơn thị trường đến 60%, và khi bán lại cho người bệnh thì lại lấy thêm 10% lãi.

Thứ trưởng y tế Lê Ngọc Trọng đành phải *« nói thật »* rằng « *giá thuốc bán trong bệnh viện cao gấp nhiều lần ngoài hàng rào* », và bệnh viện « *lấy lợi nhuận nâng phúc lợi cho nhân viên y tế [...], từ đó bắt người người bệnh mua thuốc giá cao* ». Ngoài ra, nguyên nhân đẩy giá dược phẩm lên cao là sự câu kết ăn chia hoa hồng giữa bác sĩ kê đơn với các trình dược viên, cũng như ban giám đốc bệnh viện ăn chia chệnh lệch giá với doanh nghiệp trúng thầu. Một giám đốc bệnh viện tai-mũi-họng cho biết : *« Bác sĩ kê đơn có thể được chi 30% giá thuốc, doanh nghiệp bán thuốc và trình dược viên hưởng 20%* ». Tỷ lệ hoa hồng có thể tới 120% giá thuốc nhập khẩu.

Bộ y tế cho biết đang chuẩn bị ban hành 18 văn bản về bình ổn và kiểm soát giá thuốc trước tháng 6.2004. Nhóm giải pháp lớn đầu tiên nhắm sửa đổi chế độ cung ứng thuốc tại các bệnh viện công : theo qui định mới, giá thuốc trúng thầu không được cao hơn giá thị trường, và nhà thuốc bệnh viện không được phép lấy lãi khi bán thuốc cho bệnh nhân ; các công ty dược phẩm không được phép quảng cáo thuốc trong bệnh viện, và các bác sĩ trưởng khoa sẽ có nhiệm vụ hàng tháng tổ chức bình đơn thuốc của bác sĩ trong khoa. Một số chuyên gia dược cho rằng bộ y tế vẫn chưa có giải pháp nhằm « *chặt đứt* » mối liên minh giữa giới y tế và các công ty dược phẩm : « *Cấm trình dược viên liên kết với nhân viên y tế tại bệnh viện là vô nghĩa* » bởi vì họ vẫn có thể đến nhà riêng và chi phối bác sĩ kê đơn. Được biết chỉ riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã có 700 trình dược viên được cấp phép hành nghề, còn con số người không có giấy phép thì vô kể. Chính thứ trưởng Lê Ngọc Trọng tiên đoán rằng qui định của bộ « *sẽ bị phản ứng* » bởi vì nó *« động chạm đến quyền lợi »* của giới y dược. Cho nên, đối với người dân, vấn đề không phải là ban hành qui định mới, mà làm sao thực hiện chế tài khi nó không được tôn trọng - điều mà bộ y tế cho đến nay tỏ ra hoàn toàn bất lực.

Nhóm giải pháp lớn thứ hai nhắm sửa đổi chế độ nhập khẩu thuốc vào Việt Nam : bộ y tế cho biết sẽ bổ sung thông tư 06 được xem là đã tạo một thế độc quyền cho các công ty có đăng ký sản phẩm ở cục quản lý dược. Một mặt, bộ qui định thể thức nhập khẩu song song trong trường hợp công ty độc quyền bán thuốc với giá cao hơn ở các nước khác ; và việc thẩm định hồ sơ đăng ký thuốc sẽ được giao cho một tổ thay vì cho một chuyên viên cục quản lý dược như hiện nay. Mặt khác, bộ cho biết sẽ quản lý giá thuốc thông qua việc xác lập khung giá bán lẻ với một số loại thuốc và ấn định thặng số lãi trần cho một số loại thuốc khác. Nhiều chuyên gia dược đã phản ứng ngay và cho rằng qui định đưa ra không thể chống độc quyền nhập thuốc khi mà bộ y tế vẫn duy trì thông tư 06 : thể thức nhập khẩu song song được kèm theo hàng loạt điều kiện, cho nên « *dù cho phép nhập song song cũng không thể nhập* », và « *thực chất vẫn trở lại đúng cơ chế độc quyền nhập* ». Nếu bộ y tế muốn thật sự hạ giá thuốc ở Việt Nam thì phải bãi bỏ thông tư 06 : khi một nhà sản xuất nước ngoài có đăng ký thuốc ở Việt Nam thì mọi doanh nghiệp phải được quyền mua thuốc của nhà sản xuất này để bán trên thị trường Việt Nam. Biện pháp quản lý giá thuốc cũng không thể chỉ điều tiết thặng số lãi trên gia bán ở trong nước mà không tạo ra thế canh tranh về giá thành. Cho đến nay các văn bản của bộ y tế chưa được công bố, song người dân khá cảnh giác - như báo *Tuổi Trẻ* đã báo động - đối với « *những bánh vẽ lại tiếp tục làm người bệnh Việt Nam có thể không chết vì bệnh mà chết vì giá thuốc* ».

[*Tuổi Trẻ* 14,15 và 23.3 ; 14,15, 17, 19 và 22.4 - *Thanh Niên* 28.3 ; 13 và 1.4.04]

Một "căn bệnh lạ" ở Long An

Theo một số thông tin gần đây thì từ đầu tháng 4 đến nay tại Long An đã xuất hiện "một căn bệnh lạ" với các triệu chứng ban đầu như da nổi quầng đỏ, sần sùi, nhiễm trùng... tập trung nhiều ở vùng mặt, cổ, tay chân. Sau vài ngày, các quầng đỏ sẽ nổi lên nốt bỏng nước làm cho người bệnh bị đau, rát dữ dội. Điều đáng lo ngại là "hội chứng" trên đã lây rất nhanh sang thân nhân người bệnh và kể cả các y, bác sĩ điều trị...

Sáng ngày 20/4/2004, BS Phan Lợi - Phó giám đốc Bệnh viện Đa khoa Long An cho biết: Nguyên nhân cụ thể thì còn đang chờ kết quả xét nghiệm, nhưng ca đầu tiên được phát hiện cách nay khoảng 2 tuần. Người bệnh có các biểu hiện như tổn thương ở da và niêm mạc. Bệnh diễn biến khá nhanh, lúc đầu xuất hiện những đốm đỏ, sau đó biến thành mụn nước, nhìn giống như bị nhọt hoặc ghẻ phỏng. Việc lây lan nhanh được xác định chủ yếu là qua tiếp xúc với người bệnh và không khí. Để có biện pháp ngăn chặn, bệnh viện đã lấy mẫu bệnh phẩm đồng thời cho người đi khảo sát tại một số nơi trong tỉnh, sau đó tiến hành chẩn đoán sơ bộ và gửi mẫu đi xét nghiệm, bước đầu nghi ngờ là do nhiễm siêu vi trùng. Trước mắt, bệnh viện đã tiến hành phun hóa chất khử trùng và làm vệ sinh tại chỗ toàn khu vực bệnh viện, đồng thời thực hiện cách ly người bệnh. Riêng các chuyên gia về da liễu tại TP Hồ Chí Minh được mời xuống xem xét cũng cho rằng đây là căn bệnh do siêu vi trùng, mặc dù phát thành dịch nhưng lành tính, chỉ rộ lên một thời gian, sau đó từ từ lắng dịu. BS Phan Lợi cho biết thêm: "Đến sáng 20/4 chỉ còn lại khoảng 20 người đang điều trị tại bệnh viện, do cao điểm của dịch đã qua". Ông khẳng định căn bệnh này không có gì nguy hiểm, thời gian điều trị trong khoảng hơn một tuần, nhưng do tin đồn làm người dân hoảng sợ. Cũng theo BS Lợi thì chu kỳ của dịch bộc phát kéo dài trong khoảng 3 tuần sẽ tự chấm dứt và không để lại di chứng gì trên da. Trong mấy ngày gần đây số ca nhiễm mới vẫn tiếp tục được nhập viện nhưng đã giảm hơn trước. Riêng đối với những trường hợp bị nhẹ, có thể khám và điều trị tại nhà, như dùng Acycloviv (loại uống hoặc bôi trên da) và kháng sinh ngừa bội nhiễm... Tuy nhiên, về điểm xuất phát dịch tập trung ở những địa phương nào, cả BS Lợi và Phó giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng Long An Trần Văn Hiền đều cho biết chưa xác định được. (Thanh Niên 21.4.2004)

Nổ tại chung cư của người Việt Nam ở Matxcơva

Đêm 19.4, một tiếng nổ lớn tại tầng hầm đã làm rung chuyển toà nhà 9 tầng Saliut 2, nơi cư trú của hơn một nghìn người lao động Việt Nam, khiến 19 người, trong đó có 3 trẻ em, bị thương. Nhiều toà nhà bên cạnh cũng rung lên. Vụ nổ khiến cho các cửa sổ của toà nhà 9 tầng ở đông bắc Matxcơva

này bị vỡ vụn và làm sập nhiều mảng tường. Tuy nhiên, toà nhà không bị thiệt hại nặng.

Cộng tác viên của VnExpress ở Matxcơva cho biết, tại hiện trường, người ta vẫn ngửi thấy mùi gas, khiến cảnh sát cho rằng nguyên nhân vụ nổ là do rò gas. Người phát ngôn cảnh sát Matxcơva nói: "Đây không phải là hành động khủng bố mà là do gas". Tuy nhiên, chỉ mấy tiếng đồng hồ sau đó, phát ngôn viên sở nội vụ Matxcơva cho biết, vụ nổ do lượng thuốc nổ tương đương với 500 g TNT gây ra. Các quan chức đang điều tra theo hướng hành vi côn đồ. " *Khả năng khủng bố chưa được xem xét đến* ", ông nhấn mạnh.

Tòa nhà Saliut 2 nằm ở số 25, đường Ogorodnyi, đông bắc Matxcơva. Đây cũng là nơi ở của các sinh viên Đại học Giao thông Matxcơva. Khu nhà này có tới 700 người ở. Công ty cổ phần Saliut 2, thuộc Tổng công ty Bến Thành, thuê khoảng 9.000 mét vuông trong tổng số 14.000 mét vuông của toàn khu nhà, để dành cho bà con người Việt. Theo tiến sĩ Phạm Cảnh Thanh, tổng giám đốc công ty Bến Thành, " *rất có thể đây là một vụ khủng bố người ngoại kiều. Mai là sinh nhật Hitler, các nhóm 'đầu trọc' vẫn thường quấy nhiễu người dân ngoại kiều dịp này* ". (VnExpress 19.4.2004)

Lần đầu tiên châu Âu mở đường bay thẳng tới VN

Tổng giám đốc Air France Jean Cyril Spinetta vừa thông báo, kể từ 15/4, hãng chính thức khai thác đường bay thẳng nối liền Paris với Hà Nội, TP HCM theo hợp đồng liên doanh đã ký kết với Vietnam Airlines tháng 2. Dự kiến mỗi tuần hãng sẽ có 2 chuyến tới Hà Nội, 3 chuyến tới TP HCM và ngược lại.

Như vậy, Air France là hãng hàng không đầu tiên của châu Âu khai thác đường bay thẳng tới Việt Nam. Theo thỏa thuận, Vietnam Airlines được đặt ký hiệu "VN" trên những chuyến bay này.

Trên thực tế, đường bay thẳng từ Việt Nam tới Paris đã được Vietnam Airlines khai thông thừ tháng 7.2003, với tần suất 6 chuyến mỗi tuần và thời gian bay là 12 tiếng. Để khai thác tốt hơn đường bay này, Hãng đã ký Hiệp định liên danh với Air France, nâng tần suất lên 7 chuyến mỗi tuần. Các chuyến của phía Việt Nam sẽ bay bằng Boeing 777-200s, còn phía Pháp là máy bay A340-300s.

Chuyến du lịch đầu tiên đến Trường Sa

Ngày 19.4, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã khai trương một tuyến du lịch khám phá tới quần đảo Trường Sa. Gần 100 khách tham gia chuyến đầu tiên này, trong đó có 52 khách dịch vụ, còn lại là khách mời, chủ yếu là nhân viên các công ty du lịch, cán bộ công chức, ca sĩ, sinh viên, doanh nhân...

Đoàn bắt đầu đi trên chiếc tàu HQ996 từ 8g sáng ngày 19.4, tới hai đảo Trường Sa Lớn và Đá Tây, với một chương trình tắm, lặn biển, sau đó trở về Côn Đảo thăm các di tích lịch sử, cảnh quan và quay về TP.HCM ngày 25.4.

Sau chuyến đi có tính chất thí điểm này, các công ty du lịch dự kiến sẽ tổ chức thường xuyên các đoàn khách ra đảo Trường Sa - một trong địa chỉ du lịch giàu tiềm năng của ngành Du lịch Việt Nam.

Ngày 4.4, bộ trưởng ngoại giao Philippines Delia Albert cho rằng kế hoạch xây dựng Trường Sa thành một địa điểm du lịch của Việt Namlà hợp lý.

" *Ai cũng có quyền đi du lịch bất cứ nơi nào mình muốn và họ không đến đó vì những lý do nào khác* ", bà Albert nói.

Tờ Phillipines Star trích lời bà Ngoại trưởng nói rằng Việt Nam không hề vi phạm Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông do các nước ASEAN và Trung Quốc ký kết năm 2002.

Ngày 20.4, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng Malaysia Najib Razak cũng phát biểu ý kiến tương tự. Theo ông, Malaysia luôn tin tưởng rằng các cuộc tranh chấp giữa các nước láng giềng có thể được giải quyết thông qua hợp tác và thương lượng.

Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam : sai phạm lên đến 1319 tỉ đồng

Theo các báo trong nước, sau đợt thanh tra Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) và các đơn vị thành viên là Bưu điện TP.HCM, Bưu điện Hà Nội, Công ty Thông tin di động (VMS), Công ty Dịch vụ viễn thông (GPC) từ đầu năm 2003, Thanh tra nhà nước đã phát hiện một loạt những sai phạm của với số tiền lên đến hơn 1319 tỉ đồng. Trong đó, những khuất tất trong đấu thầu, "ưu tiên người nhà" trong mua sắm thiết bị, làm sai quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giá cước là những vấn đề nổi cộm. Trong hai ngày 15 và 16.4, Thanh tra nhà nước đã công bố những sai phạm này và nghe đương sự giải trình thêm về một số vấn đề liên quan.

Theo Thanh tra Nhà nước, trong 3 năm (2000 - 2002), VNPT và các thành viên đã có 12.967 gói thầu. Tuy nhiên, VNPT đã lựa chọn phương thức mua sắm trực tiếp, "bỏ qua" công đoạn đấu thầu lên tới 10.283 tỷ đồng, chiếm 47,8% tổng giá trị gói thầu... Một ví dụ điển hình là dự án Cityphone, theo quyết định của chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) VNPT, dự án này được chia làm 5 gói thầu. Nhưng, thực tế, Bưu điện Hà Nội đã quyết định chia thành 51 gói thầu để trực tiếp giao thầu, chỉ định thầu. Những việc làm sai trái trên đã được lãnh đạo VNPT thực hiện và cho phép Bưu điện Hà Nội thực hiện có tính hệ thống, kéo dài trong nhiều năm.

Trong một khía cạnh khác, theo qui định của thủ tướng, VNPT phải xây dựng giá cước trên cơ sở giá thành của sản phẩm và dịch vụ nhằm đảm bảo cho VNPT bù đắp được chi phí, có lãi hợp lí. Nhưng VNPT đã không làm như vậy. Năm 1996, VNPT xây dựng giá cước với tỉ lệ lãi chỉ có 5,4 % nhưng thực tế, tỉ lệ lãi này của năm 1997 là 28,7 %, năm 1998: 30,4 %, năm 1999: 25,1 %, năm 2000: 33,6 %, năm 2001: 38,8 % và năm 2002: 43,5 %. Báo Tuổi Trẻ ngày 17.4 nhận định, *với số lãi quá cao này, quả thật VNPT đã móc túi người tiêu dùng trong nhiều năm nay*. !

Đọc báo trong nước

Bắt, xử người oan : nhà nước phải xin lỗi, bồi thường

LTS : Cách đây hơn một năm, tháng 2 năm 2003, Uỷ ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết số 388 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong tố tụng hình sự. Từ đó đến nay, khá nhiều đơn khiếu nại đòi bồi thường đã được gửi đến cơ quan nhà nước, song các cơ quan này đã từ chối giải quyết với lý do : « *Chờ hướng dẫn* ». Đến trung tuần tháng 4 vừa qua, thông tư hướng dẫn mới được công bố. Báo *Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh* (12.4.2004) cho biết thông tư qui định thể thức bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần. Về thiệt hại vật chất, ngoài các thiệt hại về tài sản, còn có qui định bồi thường thiệt hại về thu nhập mà người bị oan đã mất trong thời gian ở tù. Về thiệt hại tinh thần, thông tư qui định mỗi ngày ở tù oan phải bồi thường ba ngày lương tối thiểu (13 181 đồng/ngày) ; trong trường hợp người bị oan chết ở trong tù thì mức bồi thường bằng 360 tháng lương tối thiểu (290 000 đồng/tháng). Song quan trọng nhất lại là những qui định xin lỗi và cải chính công khai trên báo. Theo thông tư, việc xin lỗi phải thực hiện tại nơi cư trú và nơi làm việc của người bị oan. Việc cải chính công khai phải tiến hành trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp.

Trong các hồ sơ đòi nhà nước xin lỗi, bồi thường có vụ nổi tiếng của ông Phạm Văn Thành ở tỉnh Tiền Giang, năm 1989 bị bắt giam 13 tháng vì bị nghi ngờ « giết con ». Mới đây, nhà báo Phạm Vũ, báo *Tuổi Trẻ* (9.4.2004) đã gặp lại ông Thành. Chúng tôi trích đăng lại dưới đây bài viết của anh.

14 năm đòi xoá tội « giết con »

Phạm Văn Thành bảo rằng có nhiều người quen trong xóm, trong xã, huyện cứ gọi anh là Quách Tĩnh, mà " *tôi chẳng biết vậy nghĩa là sao, Quách Tĩnh là ai...*".

Trò chuyện với Thành, nghe câu chuyện của anh, tôi hiểu tại sao Thành lại có biệt danh đó. Anh mang một niềm tin mãnh liệt tới độ ngây thơ, một quyết tâm sắt đá ngay trước hoàn cảnh thật nghiệt ngã của đời mình. (...)

Câu chuyện của Thành đã được nhiều người biết và ai cũng không tin đó là sự thật. Đó là câu chuyện ở xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang của 14 năm về trước, khi đứa con trai 16 tuổi của Thành đột nhiên mất tích. Đang nhờ người dò la tin tức để tìm con thì anh bị công an xã đến bắt. Ai cũng bảo Thành bị bắt vì bị tình nghi đã giết đứa con trai.

Cho đến tận hôm nay, Thành vẫn còn rớt nước mắt khi kể lại : " *Hàng ngàn người ở trong xóm, ở các xã bên kéo đến đông nghịt, vòng trong vòng ngoài đứng xem công an đào vườn xới ruộng nhà tôi. Họ đào mấy chục cái hố nhưng không thấy xác con tôi. Rồi có người nói thấy nó ở Mộc Hóa, công an cho tôi đi tìm. Suốt một tuần không thấy, tiền hết, xe hỏng, tôi quay về thì bị đưa vào nhà giam...*".

Tiếp đó là 13 tháng bị giam, hỏi cung, tra khảo, Thành chỉ khăng khăng một lời : " *Dù có bị đưa xuống địa ngục, tôi cũng không thể giết con tôi. Con tôi, núm ruột của tôi kia mà. Tôi không thể ký vào bản cung...*".

Khi được đưa từ Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang về nhà thì Thành chỉ còn da bọc xương, đôi chân thương tật không đi được. Nằm nhà dưỡng bệnh được vài tháng, đứa con mất tích đột nhiên xuất hiện.

Nghe làng xóm kể những sự việc đã xảy tới với cha, nó quì lạy từ ngoài đầu ngõ lạy vào. Sau đó mấy năm, Thành còn bị bắt đi cưỡng bức lao động thêm năm tháng nữa, vừa đủ để hợp thức hóa một quyết định của UBND tỉnh yêu cầu cưỡng bức lao động 18 tháng đối với anh vì hành vi vu khống (!). Khi hỏi đến, không ai trả lời được rằng Thành đã vu khống ai và vu khống như thế nào !

Đã hơn 14 năm Thành lầm lũi nuôi dê, bán dê, nuôi con và đi khiếu nại. Mỗi tháng một lần, anh lặng lẽ cất một món tiền ra huyện photo các hồ sơ liên quan, mang gửi rải rác khắp các bưu điện từ huyện đến tỉnh. Không chỉ đòi bồi thường danh dự, bồi thường thiệt hại sức khỏe, đòi lại tài sản bị chiếm trong thời gian bị giam giữ,

Thành còn tự giao nhiệm vụ phải yêu cầu xử lý những người đã gây ra nỗi oan cho mình. Không biết bao nhiêu lá đơn đã được gửi đến cơ quan chức năng, cơ quan ngôn luận, không biết bao nhiêu phiếu chuyển đã được chuyển đến những người có trách nhiệm. Câu trả lời vẫn chỉ là những lời hứa. Ngày Thành bị bắt, người vợ mới sinh con chưa đầy tháng đã sợ hãi ôm con đi trốn. Cho đến hôm nay chị vẫn sợ hãi, một mực ngăn cản không cho chồng đi khiếu nại. UBND, công an xã liên tục mời anh đến làm việc, hết nói nhẹ rồi nói nặng và yêu cầu anh không được tiếp tục khiếu nại. (...)

Thành thì vẫn khăng khăng một cách chất phác: " *Khi tôi bị bắt, công an đã bảo nếu tôi oan thật sự họ sẽ mang loa đi phát giáp vòng xã, huyện trong một tuần. Mà tới nay chưa có ai làm...*". (...) Anh kể về những giọt nước mắt đã ứa ra khi anh đến viếng đám tang người thầy học, vợ thầy bảo : " *Đừng đến nữa, ngày xưa Thành là một học trò ngoan nhưng giờ đã thành kẻ sát nhân rồi* ". Nghe và tôi hiểu Thành sẽ không dừng lại trên con đường đòi lại danh dự cho mình.

Câu chuyện của Thành làm tôi nhớ đến một nhân vật cũ trong một bài báo cũ : Trần Văn Chiến, người đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang kết án chung thân về tội giết người (" *Một vụ giết người và hai bản án chung thân* ", **Tuổi Trẻ** 19-4-2002).

Ở trong trại 16 năm thì Chiến được trả tự do, hai năm sau nữa thủ phạm thật sự mới bị bắt. Ngày xử án, nghe kết luận mình không phạm tội giết người, cũng không bị truy tố vì những tội khác với lý do " hết thời hiệu ", Chiến cứ nhìn chúng tôi ngơ ngác hỏi: " *Sao không ai giải oan, bồi thường cho tôi ? Tôi trả lời con tôi ra sao đây ?* ". (...)

Câu chuyện của họ đã cũ, nhưng mỗi lần gặp họ với lá đơn khiếu nại là lại thấy xót xa. Quách Tĩnh đi và đến đích, Thành và Chiến thì chưa, dù những điều kiện để minh oan, những qui định về việc bồi thường, phục hồi danh dự vì những sai sót trong tố tụng hình sự đều đã được Nhà nước ban hành đầy đủ. Sao lại vậy nhỉ ?

PHẠM VŨ

Đi qua những cơn bão khô

Phóng sự

Nguyễn Ngọc Tư

Tôm chết, dịch cúm gia cầm là những cơn bão khô càn quét qua từng làng mạc nông thôn. Làng mạc xác xơ vì những cơn bão khô dữ dội. Người nông dân Việt Nam vẫn phải đi biển trên những con thuyền rách nát...

Nhà anh Nguyễn Văn Lập bên kinh Xóm Cống, ấp 7, An Xuyên. Gió lồng lộng thốc vào, vách lá rách tả tơi, ngửa cổ thấy lốm đốm trời. Coi kỹ, chỉ có bộ ván đằng trước, chỗ dùng để tiếp khách là lành lặn. Chị vợ áy náy vì nỗi nghèo của mình nên bối rối phân trần: "Tính nuôi vịt để cất lại cái nhà...". Hành trình từ cái nghèo vừa vừa đến nghèo xác xơ nhanh như một cơn mơ, một cơn gió, một cái phủi tay...

Chôn vùi khao khát đổi đời.- Không đất để thế chấp vay vốn ngân hàng, phải vay nóng của hàng xóm, từ hơn trăm con, anh gầy dựng được 700 vịt thịt. Dịch cúm gia cầm ập đến, đàn vịt của anh bị tiêu hủy sau tết. Bây giờ anh xuống kinh giăng lưới bắt cá phi, cá chốt bán kiếm tiền mua gạo, nuôi hai đứa con thơ. Cái đói nghèo làm cho đôi tay anh quen để ngửa trên đầu gối, đôi tay trắng như xương ở tuổi gần bốn mươi. Anh cười buồn: "Người ta hay nói, thiếu nợ thì bán nhà trả, mà nhà tôi bán cũng hổng ai mua". "Bây giờ chợp mắt là thấy bầy vịt, lồm cồm bò dậy thì nhớ tới nợ nần tứ giăng, thiệt - chị vợ tặc lưỡi - khổ hổng biết sao mà nói...".

Xa về phía Nam thành phố Cà Mau, bên chân cây cầu Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, là nhà anh Ngô Văn Hoàng. Hồi mới ra riêng, anh sắm đôi trâu, mọi người gọi Hoàng "trâu", sau này bán trâu nuôi vịt, bà con kêu Hoàng "vịt". Dịch cúm tới khi đàn vịt gần 1.500 con của anh vừa bắt đầu đẻ trứng so, khi chúng đã ăn phăng trăm ngoài giạ lúa mùa rồi, khi nợ ngân hàng, nợ vay nóng mới trả được năm ba kỳ lãi... Sáng hôm đoàn công tác chống dịch đem chúng đi chôn, chị Quyên, vợ anh Hoàng, còn đem mấy bao lúa ra cho ăn, "Mình cùm nụm cùm nịu tụi nó bốn tháng trời, cực khổ biết bao nhiêu, mến tay mến chưn, hổng nỡ để tụi nó chết đói" - chị bảo. Hố chôn đàn vịt nằm trên cánh đồng sau nhà, "nhưng tới bây giờ tui không dám ra đó, thấy rồi mắc buồn thêm". "Tui mới tính với anh Hoàng, chắc là mơi mốt tha mấy đứa nhỏ về dưới ngoại (Khánh Hải, Trần Văn Thời) phụ làm đìa, kiếm cá nhận mắm chở về bán. Rồi chờ mùa lúa tới".

Mà, mùa tới còn xa, xa lắm.

Bây giờ vẫn còn nắng chang chang như vầy, những cơn nắng làm mùa hạn bất thường thêm lên. Chẳng có một cơn gió nào, ngọn cây so đũa đứng trân nhưng người ta vẫn cảm giác đâu đây sót những cơn bão rớt. Đã hơn một tháng kể từ UBND tỉnh Cà Mau ra công bố dịch cúm gia cầm (2-2-2004), nỗi buồn ủ ê của những người chịu ảnh hưởng của dịch đã bị nắng sắc lại, mặn chát. Những cánh đồng trơ rạ, những dòng kinh không đàn vịt nào cầm ở đấy, những tiếng gà eo óc lạc lõng xa xa. Tôi nhận ra rằng chẳng phải người có vịt, gà bị tiêu hủy nhiều thì buồn hơn người ít, bởi mỗi người mỗi cảnh, những nỗi buồn cũng lớn lao như nhau. Với tổng số gà và vịt 267.813 con bị tiêu hủy, vùi theo đó bao nhiêu là kỳ vọng, là ước mơ, là khao khát đổi đời.

Nhưng vợ chồng anh Hoàng còn hy vọng, còn có thể sống lay lắt chờ mùa lúa tới, còn ở những vùng chuyển dịch, bà con nông dân đang trong thế bị khó khăn vây kín.

Tiếng thở dài lặng lẽ.- Chẳng ầm ĩ, bạo phát bạo tàn như dịch cúm gia cầm, cơn "bão tôm" từ tốn, lặng lẽ, mà bào mòn sức chịu đựng của con người. Chuyện tôm chết nông dân đã rành sáu câu rồi, chỉ khác, đây là năm thứ tư tôm chết, nghĩa là năm thứ tư nông dân Cà Mau vắt kiệt mình trong nỗi lo đói nghèo. Thím Hai ở ấp 7, An Xuyên ngao ngán: "Mấy ông Nhà nước không nghĩ ra cách nào cứu tụi tui, để vầy hoài, hai năm nữa không chết đói cũng chết vì trộm cướp cho cô coi, bần cùng nên sanh đạo tặc, ông bà mình dạy vậy". Nguyên một xóm kinh này ba năm rồi không trúng một vụ tôm nào.

- Mà, nhà nào hồi đó dẫn nước mặn vô trước nhứt, bây giờ lại sống khổ nhứt, làm như trời trả báo mình vậy, cô ơi.

Nhà thím cũng vừa bị tiêu hủy 4.375 con vịt trong dịch cúm gia cầm, vừa thất thần lo nợ ngân hàng vừa phải chạy gạo ăn. "Cái hồi làm lúa không khổ cùng khổ tận vầy đâu, cô. Bây giờ hỏi nhà nào ở xóm này mà không mua gạo chịu chỗ thím Sáu Đức, ai mà hổng vay tiền của thím í". Lúc này, cái "ngân hàng... xóm" ấy đang ngóng lại đằng xã, coi trên có rót tiền hỗ trợ cho mấy hộ bị thiệt hại sau cúm gà chưa, hòng gỡ lại chút đỉnh, chứ nợ của các chủ vuông tôm, ắp lẫm rồi, mong gì?

"Mới đầu, thấy tôm chết, mấy ông Nhà nước còn lo lăng xăng, mà lúc này làm như mấy ổng quên mất biệt luôn, hay là lo hổng nổi nữa, hả cô? ", thím Hai ngừng võng, hỏi tôi. Rồi thím chỉ nhà anh Chín Đo đằng xóm, đất ít, tôm lại chết, năm sáu nhân khẩu sống nhờ cái vó cất rong rêu dưới kinh. Có bữa nửa đêm, ngủ không được, anh Chín la lớn: "Nghèo sao mà nghèo dữ vậy trời!" làm chị vợ quýnh quáng, tưởng chồng đau ở đâu. Tiếng kêu thảng thốt nghe như tiếng thở dài vỡ ra của một đời người, nghe buồn lặng, buồn sâu.

An Xuyên có hơn một nửa diện tích dẫn mặn nuôi tôm. Đây là những vùng chuyển đổi cơ cấu tự phát, Nhà nước không quy hoạch. "Vụ tôm đầu trúng dữ lắm nghen cô, ai mà ngờ nó làm theo kiểu mấy thằng chim mồi cờ bạc, dụ người ta nhảy vô rồi, nó "chơi"

mình sát rạt" - anh Hai Sỹ ở ấp 2, An Xuyên ấm ức. Nhà anh có gần 2 ha đất, "nhưng vuông làm không đủ ăn, phải kiếm tiền bằng nghề làm bún, ở xóm này, đất của bà con còn ít hơn của tui, nếu không có nghề khác đành chịu chết, muốn làm mướn cũng hổng ai chịu mướn, tôm chết trắng dờ con mắt rồi, mướn làm gì bây giờ, tiền đâu... ?". Chị Út Nhiễm ở gần đó đã hai mùa "buông xụi" sáu công đất nhà qua Tân Thuộc gặt mướn. "Hồi lúc làm ruộng tui cũng nghèo, nhưng có lúa ăn cũng vững bụng - chị kể - Bây giờ phải đi gặt để chạy gạo. Nhiều lúc nghỉ tay ngồi ăn cơm giữa đồng, tự nhiên hai vợ chồng tui thấy buồn quá chừng, ổng buông đũa ngang xương, ổng nói, đáng lẽ giờ này mình đang gặt trên đất nhà mình, bà ha".

Và ký ức vẫn còn tươi thơm những bụi rạ trên đồng, những đụn rơm cao nghệu cạnh hàng cây bình bát. Những đệm lúa được trải phơi vàng trên mảnh sân nhỏ trước nhà... Xóm của chị Nhiễm nằm bên Quốc lộ 63, hồi còn đi học, tôi và bạn bè vẫn thường đạp xe ra đó chơi, ngắm mê mải những ngôi nhà gỗ nằm lẩn khuất trong màu xanh sẫm của vườn chiều. Những bờ đất cây trái lúc lỉu. Những bông rau muống tím biếc trổ trên mặt kinh. Bây giờ đi ngang qua đó, người ta thấy nhiều ngôi nhà tường mới xây, mái lợp tôn giả ngói, đỏ au au bật lên trên mảnh vườn xơ xác. Nhưng bên trong vẻ hào nhoáng đó là một nỗi đau, anh Hai Sỹ bảo: "Cô kiếm được người nào nhờ trúng tôm mà xây nhà chém chết tui cũng chịu, họ bán đất đó cô ơi...". Cắt bán một mảng đất, với người nông dân, là chặt lìa một phần thân thể nào đó của mình.

Ít nhiều, người dân An Xuyên bắt đầu thấm thía hai từ "trả giá" cho việc "dẫn mặn về giày... cây lúa". Bà con chịu là lỗi tại mình nhưng cũng có ý trách các cơ quan báo đài. "Mấy ổng lên đài toàn là cảnh trúng tôm, rồi nói nhờ tôm nên người ta đổi đời này nọ. Nghe nói giàu, hỏi cô, ai không ham, ai không chạy theo...?" - thím Hai hỏi. Tôi hơi giật mình. Có những tựa bài đọc nghe kêu, đại loại như "K.B được mùa tôm" nhưng đọc kỹ thì chỉ vài ba hộ trúng. Đại loại như "L.V.L thành công với mô hình trồng rau sạch" thực tế việc đó chỉ ở một đoạn xóm trong ấp Lung Dừa (mà cũng chẳng nhắc tới chuyện bà con trồng rau sạch nhưng phải bán giá "bèo" như rau chẳng sạch). Đại loại như "L.T. T đi lên nhờ vụ lúa - vụ tôm" nhưng mô hình chỉ thành công ở một vài ấp như Tân Hòa... Ba tôi ấm ức: "Ở Bộ Tời, Bộ Phát dài vô Sở Tại cũng thuộc Lương Thế Trân mà thì lúa chết non, tôm chết láng...". Đây vùng Nhà nước quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhưng cũng "thất trận"... tôm tơi bời. Đã thử làm vụ lúa, vụ tôm, đã đổi hết thuốc này, vôi khác... Đã vái đủ bốn phương tám hướng, cầu xin trời đất, hồi đầu cúng vuông bằng đầu heo, tôm chết; cúng hột vịt lộn, tôm vẫn lụi đầu; có người bắt chó làm thịt cúng (cúng chó tức là "có trúng"). Chẳng biết ai đầu tiên phát minh ra cách cúng này, nhưng nghe buồn cười đến rơi nước mắt. Hay là đã tuyệt vọng lắm rồi, kiếm chuyện gì đó lạ đời để làm chơi, hay là nhà không còn gì ăn nên bày ra vụ cúng này, hay là tiện đấy để... nhậu đỡ buồn. Vừa qua, bà con ăn một cái tết "xo cò", có nhà, hết năm rồi mà không có được một trăm ngàn trong túi để lấy may cho năm tới. Làng xóm buồn thiu, cái buồn nghèo đóng rong đóng rêu sang cả đám gả, đám giỗ... Dịp để hàng xóm láng giềng họp lại, hát hò, nhậu nhẹt xôm tụ nay gặp nhau chỉ mông mênh những tiếng thở dài. Thở dài vì vuông chẳng thấy con tôm nào. Thở dài vì cá phi cũng hổng có mà giăng lưới kho quẹt ăn. Thở dài vì con nước tháng hai cạn queo mà xăng lên giá sáu ngàn mốt rồi, sao có tiền mà xuống máy tát nước đây...

Câu hỏi chưa lời đáp.- Mà đâu chỉ xăng lên giá, bà con ở vùng ngọt cũng khốn khổ vì giá phân bón tăng mạnh từ cuối năm ngoái. "Lúa lên giá một, phân vọt lên mười" - Nghĩa, thằng bạn hồi tiểu học của tôi nhăn nhó như đau ruột thừa, than. Nghĩa có một mảnh đất trồng rau ở xã Tân Thành, nuôi một vợ với đám con ba đứa cao thấp gần bằng chang nhau. Cái khuôn mặt thiên thần của nó hồi lớp hai, lớp ba bây giờ nhăn nhúm như đít trái dừa khô. Hôm tôi ghé, nó còn mắc vục đầu xuống ao múc đôi thùng nước. Sau tết, rau quả lên giá, nó tính đợt rau muống Tàu này dư ra chút đỉnh để sắm cái moteur điện, đứng ưỡn lưng ra mà xịt xịt cho sướng. Nhưng rồi phân bón, gạo, cá, tiêu, tỏi cái gì giá cũng tăng, nó đành chịu trận... Dẫn xe ra sân về, nghe thằng con nó méc: "Cha ơi thằng Sang nó đái vô cây ớt, cây ớt chết queo rồi". Tôi nghe thằng Nghĩa rên lên "trời ơi". Tôi biết nó buồn.

Hôm trước, tôi đọc một phát biểu của một quan chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rằng "nông dân Việt Nam như những người đi biển trên chiếc thuyền rách nát", tôi vỗ đùi khen, cha chả, ông này không biết có viết văn không, sao mà ví von hay quá chừng. Hay. Và chính xác. Nhất là khi dịch cúm gia cầm đi qua như một cơn bão khô, người nông dân đau xót mà không khỏi ngơ ngác. Ngơ ngác đến lặng đi. Nhiều người đặt ra câu hỏi: "Chừng nào mới có bảo hiểm những rủi ro cho nông dân, tại sao người nông dân lại là người thiệt thòi, người chịu nhiều tác động của cuộc sống nhất? ".

Khi tôi viết bài này, UBND tỉnh Cà Mau chuẩn bị công bố dập tắt dịch cúm gia cầm. Được biết, số tiền hỗ trợ của toàn thành phố Cà Mau đã rót xuống các xã. Chú Trần Văn Hai vừa nhận tiền lúc sáng, đã quày quả ra Cà Mau trả nợ ngân hàng, rồi làm thủ tục vay vốn lại. Tôi đến lúc thím với mấy đứa con đang mong ngóng ở nhà, cậu con trai đang học Trung cấp Tài chính Kế toán cứ thắc thỏm nhắc hoài: "Hổng biết ba có vay tiền lại được không?". Thím Hai rầy: "Tụi bây nói hoài ổng nhảy mũi cho coi". Rồi day qua tôi, thím bảo: "Hồi sáng lãnh tiền về nhà tui đã xúm lại khóc một hồi, bốn mươi mấy triệu đó vừa đủ trả ngân hàng, còn nợ vay ở ngoài nguyên bân. Ổng tính ngân hàng cho vay lại sẽ xở mấy chỗ vay nóng, dư chút đỉnh để gầy dựng lại đàn vịt. Nói gì tui cũng không bỏ nghề - cô coi - nhờ nuôi vịt mà tui cất nhà, lo mấy đứa con ăn học đàng hoàng...". Tôi thấy mình ngạc nhiên khi ngồi giữa ngôi nhà rộn rã tiếng cười. Phải chăng nỗi buồn, nỗi mất mát đã qua rồi ?

Nguyễn Ngọc Tư

‘Mẹ Sề’ gặp thế lưỡng nan

Kẹt giữa hai sự thúc bách : phải trấn áp và phải vận dụng Internet, Bắc Kinh thấy quyền lực của mình hao mòn

Paul Mooney

BẮC KINH : Trong 18 tháng qua, Bắc Kinh – bằng công nghệ hiện đại nhất – đã gia tăng đáng kể những nỗ lực nhằm kiểm soát không gian xi-be ở Trung quốc, làm chậm đi ước mơ Internet giúp chuyển tải những ý kiến mới và tự do phát biểu trong đất nước Trung Hoa. Thậm chí có người tự hỏi phải chăng chính phủ đã thủ lợi bằng cách biến công nghệ này thành một công cụ trấn áp. Nhưng đó có thể chỉ là những thắng lợi giai đoạn vì sức mạnh đang tăng trưởng của những *netizens* (công dân trên mạng) ở Trung quốc bắt đầu áp đảo hệ thống kiểm duyệt Trung Quốc – được biết với hỗn danh “ Mẹ Sề ” (Big Mamas).

Không ai biết đích xác lực lượng cảnh sát Internet của Trung Quốc là bao lớn, tuy có nguồn tin đưa ra ước tính là 40 000 người. Nhưng dù cỡ nào, mức tinh vi của bộ máy này chưa bao giờ lớn như ngày nay. Các năng lực mới của chính phủ đã được phát lộ vào tháng 9 năm 2002, khi họ chặn được việc truy nhập vào bộ máy truy tìm Google trong thời gian một tuần lễ. Đáng ngại hơn nữa, chính phủ còn có khả năng truy tìm các “ từ chìa khoá ”, và chặn các thư điện tử “ nhạy cảm ”. Mấy trăm nghìn trang web, như những trang dành riêng cho Đài Loan, Pháp Luân Công hay đưa tin nước ngoài, đã bị chính phủ chặn lại. Một chuyên gia cho biết, phần mềm (được dùng) “ là một bước tiến nhảy vọt lớn lao về công nghệ ”. Những người kiểm duyệt cũng dùng công nghệ lọc để chặn và đón bắt các thư điện tử gởi và nhận của gần 80 triệu *netizens* trong nước.

Bắc Kinh hiện rất thành thạo trong việc săn lùng các máy phục vụ uỷ nhiệm (proxy servers) vốn giúp người dùng vượt qua các tường lửa. Hiện giờ, “ tuổi thọ ” trung bình của một máy phục vụ uỷ nhiệm mới là chừng 30 phút. Các internet café cũng không còn là thiên đàng để mà thám du trên mạng. Café ở một vài tỉnh đã thử nghiệm thẻ có băng từ liên kết với thẻ căn cước quốc gia của người dùng. Vài Internet café ở Bắc Kinh có gắn máy thu hình canh phòng chĩa mũi thẳng vào các màn hình máy tính. Viên quản lí một café cho tôi xem một phòng kín, nơi một máy tính nối với cảnh sát được nối liền với bốn máy thu hình do thám để theo dõi người dùng.

Tuy nhiên, với sự giúp sức của các “ *hactivist* ” (1) hải ngoại, người Trung Quốc đang tìm ra các con đường đánh vòng cái Vạn Lí Hoả Thành (*Great Fire Wall*) của Trung Hoa. Người dùng có thể dễ dàng tải xuống các phần mềm mới, như “ *Roaming without Borders* ” (Ngao du không biên giới) và dùng chúng để lướt mạng dễ dàng. Một nhà văn bảo rằng người Trung Hoa công khai chuyền cho nhau chương trình ấy và nói : “ Ai cũng dùng nó ”. “ Và chính phủ không thể dò tìm được các địa chỉ Internet [IP address] ”. Tác giả này nói phần mềm ấy có mặt khoảng hai năm nay và càng lúc nó càng tốt hơn. Gần đây, một người phản kháng có tiếng, cười toe toét nói với tôi : “ Cần thông tin gì tôi cũng lấy được ”. Cách đây vài tháng, anh còn than không thể truy cập các site nhạy cảm, phải nhờ bạn bè ngoại quốc cung cấp tin tức về Trung Quốc.

Với một chế độ không quen lí đến công luận, tình hình lại càng tệ hại hơn khi Internet nổi bật lên như một lực lượng mới mẻ và mạnh mẽ trong đời sống chính trị cũng như việc hoạch định chính sách ở Trung Quốc. Trong một cuộc phỏng vấn gần đây với tạp chí *Asian Wall Street*, Li Minggang, người phụ trách website của Bộ ngoại giao, nói : “ Các nhà làm chính sách không thể làm quyết định dựa trên công luận, nhưng họ cũng không thể không đếm xỉa đến nó ”.

Theo một thăm dò của Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc, khoảng 71 phần trăm *netizens* cho biết họ có nhiều cơ hội hơn để trực tuyến (online) nói lên tiếng nói của mình. Cho nên, chẳng lạ gì khi cơ quan nhà nước Tân Hoa Xã tường trình rằng các thành viên của Hội nghị đại biểu toàn Trung Quốc (quốc hội) thường xuyên dùng internet để đánh giá công luận và tìm các ý tưởng mới.

Trong khi mươi năm trước đây các cơ sở truyền thông của chính phủ là nguồn tin tức duy nhất, giờ đây các cổng Internet, với định hướng thị trường, đang thách thức truyền thông nhà nước. Khi Internet nhặt được một tin “ nhạy cảm ”, chẳng mấy chốc các cơ quan truyền thông in ấn chính mạch và chạy theo lợi nhuận cũng cảm thấy phải nhảy vô ăn phần.

Công an Trung Quốc canh chừng các quán internet

Người ta tin rằng lần nặng tay trên Internet vào tháng 2 và

3 là do một vụ việc mà thiên hạ mệnh danh là vụ BMW, đã thổi bùng thêm hơn nữa nỗi tức giận trước sự bất bình đẳng giữa giàu và nghèo, nông thôn và thành thị. Trong sự biến này, vào ngày 12 tháng 10-2003, bà Su Xiuwen, theo lời đồn là thân nhân của một quan chức địa phương, tức giận vì chiếc xe BMW của mình bị một chiếc xe nông cơ làm trầy xước kính chiếu hậu bên hông. Bà ta bèn lao xe vào đám 13 nông dân, giết chết người đã làm trầy xe của mình.

Theo những nguồn tin thì nhờ sức ép chính trị bà Su chỉ bị án treo sau khi đền bồi cho các nạn nhân, nhưng câu chuyện không chấm dứt ở đấy. Ngày 3 tháng Giêng 2004, một tờ báo nhỏ ở tỉnh Liễu Ninh tường thuật vụ này và đưa tin về bản án. Sau khi đọc được tin này trên Sina.com, báo chí khắp nước bèn đăng tải theo. Kết quả là các luồng *chat* và bài viết đăng lên mạng phàn nàn về án xử nhẹ và nạn tham nhũng trong ngành tư pháp chóng vánh vượt quá con số 180.000 mỗi ngày trên một số Website. Các nhân viên theo dõi web để kiểm duyệt, được gọi theo tiếng Trung Quốc có nghĩa là Mẹ Sề " Big Mamas ", không đủ sức chạy theo cơn lũ này.

Sự chấn động cả nước này khiến vụ án được đem ra xử lại, và cũng đưa tới cùng kết quả như lần trước. Mặc dù chính phủ công bố rằng phán quyết của toà án nằm ngoài phạm vi của truyền thông và Internet, chỉ cần liếc qua các phòng *chat* phổ biến trong tuần này, người ta có thể thấy cuộc tranh luận đầy phẫn nộ về vụ án vẫn tiếp tục.

Câu chuyện Sun Zhigang còn có những tác động sâu xa hơn nữa. Mùa Xuân rồi, Sun, một người làm thiết kế đồ hoạ (graphic designer) ở Vũ Hán, bị cảnh sát Quảng Châu bắt vì không mang căn cước thích hợp. Sau khi anh ta bị các bạn tù đánh chết trong trại giam, cái chết của anh được tường thuật trên một tờ báo địa phương, rồi tràn lan khắp nước qua Internet. Vụ án, sau này được gọi là *Sự kiện Sun Zhigang*, đưa tới một vụ ầm ĩ lớn trong công chúng, và, liền sau đó, đưa đến vụ dẹp bỏ ***Các Biện pháp Bắt giữ và Trục xuất Du đãng Đô thị và Ăn xin*** vẫn được áp dụng trong hai thập kỉ qua. Kết quả là cảnh sát không thể bắt giữ du đãng và ăn mày một cách bừa bãi nữa, một bước (!) được Tân Hoa Xã gọi là " một cải tổ cơ bản trong hệ thống phúc lợi xã hội Trung Quốc ".

Internet ảnh hưởng ngay cả đến chính sách ngoại giao của Trung Quốc, ở những chỗ mà lãnh đạo Trung Quốc bị xem là " yếu bóng vía ". Các chuyên gia nói rằng tình cảm chống Nhật đang gia tăng của các Website mang nặng tính dân tộc chủ nghĩa đã khiến Beijing có thái độ cứng rắn trong vụ Nhật bản bắt giữ bảy người hoạt động đã thâm nhập bất hợp pháp bằng thuyền vào một đảo của chùm đảo còn tranh chấp Senakaku trong tháng trước. Khi tin về vụ bắt giữ được công bố, Internet bị tràn ngập với những bài viết kêu đòi một biện pháp cứng rắn với bọn " Nhật lùn ", một cách gọi miệt thị của một số người Trung Quốc. Chính phủ hi vọng vụ này rồi sẽ chóng phôi pha, và không gây khó khăn cho quan hệ ổn định song phương giữa hai nước, nhưng chính phủ đã cho phép những người chống đối biểu tình trước lãnh sự quán Nhật Bản trong suốt mấy ngày.

Chính phủ Trung Quốc ở vào thế khó xử. Một mặt, họ nhận thức được nhu cầu để dân chúng thâm nhập Internet. Mặt khác, họ sợ rằng một Internet không có kiểm soát có thể là một đe doạ đối với sự sống còn của Đảng. Cho đến giờ, họ vẫn còn chùn tay trước các biện pháp quyết liệt để kiểm soát Internet.

Khi chính phủ Trung Quốc đóng cửa Google, các doanh nhân, nhà khoa học và học giả – mà công việc của họ nhờ cậy rất nhiều vào bộ máy truy tìm tuyệt vời bằng tiếng Trung Quốc của Google – đã tức giận và phàn nàn dữ dội. Một tuần sau, chính phủ đành phải đấu dịu.

Mặc dù được trang bị với vốn liếng và công nghệ kếch xù, những gì cảnh sát Internet Trung Quốc làm được có thể đã được an bài. Những chiến sĩ tự do trực tuyến – các tập hợp lỏng lẻo của những người Trung Quốc chống đối và các *hactivists* bên ngoài Trung Quốc – sẽ tiếp tục nắn gân, thử sức những nhà kiểm duyệt Trung Quốc, trong lúc ấy *netizens* quốc nội sẽ tiếp tục trò được đàng chân, lân đàng đầu. Rốt cục lại, Internet có thể chứng tỏ rằng nó quá bao la để cho người ta kiểm soát.

Paul Mooney

YaleGlobal, 12.4.2004

(Nguyễn Lộc *dịch từ tiếng Anh*)

Paul Mooney là một nhà báo độc lập, ở Trung Quốc từ năm 1994.

(1) *hactivist* được ghép từ 2 danh từ : *hacker* (kiện tướng tin học, còn bị gọi sai là tin tặc) + *activist* (người hoạt động, đấu tranh trong một lãnh vực nào).

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA
Tel (714) 965-4651 ♦ Email : hopluu@saigonline.com
http://www.hopluu.org/

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*
♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : Mme Nguyễn Thị Xuân Sương
60 Ave Romain Rolland, F-93200 Saint-Denis France
Tel : 33 (0)1 48 27 13 45

Điện Biên Phủ
Tiens ! bien fou !

Nguyễn Bắc

Cuối năm 1953, nhiều người Hà Nội vẫn chưa biết Điện Biên Phủ là ở đâu. Nhưng đầu tháng 3-1954, khi quân ta bắt đầu phản công ở Điện Biên Phủ thì giới nhân sĩ Hà Nội đã viết bản kiến nghị gửi báo Le Monde *và* L'Humanité *của Pháp, đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.*

Hà Nội cuối năm 1953

Máy bay vận tải ầm ì suốt cả ngày lẫn đêm trên các mái nhà. Người nọ hỏi người kia : Chúng nó đánh ở đâu vậy ?

Trên đường phố, mọi ngày, lính mũ đỏ, lính ngụy nghênh ngang, nay vắng hẳn.

Các báo tiếng Việt không đăng tin chiến sự như mọi khi. Tôi đến hiệu sách ở phố Tràng Thi của ông Phạm Khắc Quảng để mua tờ *Paris Match* và *Le Monde* mới được biết là quân Pháp đã nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Nhưng Điện Biên Phủ là ở đâu ?

Tại văn phòng luật sư Vũ Văn Hiền, có một cái bản đồ Đông Dương rất to treo trên tường. Luật sư hỏi tôi :

– Điện Biên Phủ là ở đâu ?

Tôi nói : – Hình như ở mạn biên giới ?

Luật sư đứng lên ghế để nhìn bản đồ. Sau, ông cầm cái tay thước chỉ vào một góc trên cao, bên trái và nói :

– Sao ta lại mở chiến dịch ở đây nhỉ ?

Báo Paris Match đưa tin :

– Quân Pháp nhử quân Việt Minh lên đây để tiêu diệt !

– Căn cứ Điện Biên Phủ là bất khả xâm phạm !

Bọn Prévoté (hiến binh Pháp) đội mũ sắt cùng với cảnh binh nguỵ quây ráp các phố để bắt lính trốn.

Các nhà buôn Pháp bắt đầu bán cửa hiệu, bán nhà, bán đồ đạc. Các quan to, công chức lớn càng lo tợn. Họ cũng rục rịch bán nhà để chuẩn bị vào Nam hay sang Pháp. Chợ giời mọc ra trên hè phố Quang Trung cho đến tận hồ Thuyền Quang. Các bà chủ to béo, mặt bự phấn ngồi vắt vẻo trên ghế sa lông bán đủ thứ : tủ chè, sập gụ ; com lê, cra vát, giầy tây, giầy cao gót, tủ gương, giường lò xo Hồng Kông, tự điển, cốc tách, lọ cổ... Dân ngoại thành, dân các tỉnh vào mua khuân về nhà, giá rẻ tội gì không mua. Nhà rẻ như bèo.

Hơn lúc nào hết, lúc này cần gấp rút ra báo công khai để tuyên truyền rộng rãi. Đây cũng là thời cơ thuận lợi để ra báo. Chúng tôi phân công nhau gặp từng người để mời làm cộng tác viên hoặc giúp đỡ cho báo. Ông Kuy Sơn chủ nhà xuất bản hưởng ứng ngay và thoả thuận để cửa hiệu bán sách và văn phòng phẩm của ông làm trụ sở báo : 84 phố Thuốc Bắc. Ông Lê Cường, chủ nhà in Lê Cường phố Hàng Bồ nhận in báo không lấy tiền. Hầu hết văn nghệ sĩ đều hăng hái tham gia, không lấy nhuận bút. Nhờ sự hưởng ứng nhiệt tình của mọi người, nên số 1 đã ra mắt vào ngày 2-5-1954. Măng sét báo và minh họa do Bùi Xuân Phái vẽ, trang đầu in hai màu : xanh và đen. Trên măng sét có khẩu hiệu chạy dài : *Cương quyết chống văn hoá dâm ô, truỵ lạc*.

Phần tin tức thế giới, trong nước do tôi phụ trách. Trong số 4 ra ngày 16-6-1954, tôi đã lược thuật một bài của báo *Express* ngày 5-6-1954 với nhan đề : *Hi vọng ngừng bắn có thể thành tựu trong 6 tuần nữa*. Và trong số cuối cùng ra ngày 2-7-1954, tôi đã tường thuật phiên họp thu hẹp hôm 22-6, tại Genève bàn việc kiểm soát đình chiến, cuộc gặp gỡ giữa Chu Ân Lai và Mendès France với thỏa thuận lập Uỷ ban trung lập kiểm soát đình chiến gồm ba nước : Ấn Độ, Ba Lan, Indonesia (*) do Ấn Độ làm chủ tịch... (theo báo *Le Monde*). Những thông tin ấy rất quý vì địch hoàn toàn bưng bít.

Sau khi ra số 5 thì tên Soubrier, Mật thám liên bang (Sureté fédérale) gọi Hoàng Công Khanh và Nguyễn Việt Hoài (tức Hoài Việt) chủ bút và trị sự đến trụ sở để cảnh cáo và đe doạ. Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục ra và không nộp lưu chiểu vì biết rằng chúng đang bê bối, Pháp thì lo rút mà bọn nguỵ quyền thì hoang mang lo sợ. Chắc chắn rằng Nguyễn Bỉnh Tuyên cũng bị gọi đến và bị cảnh cáo nên ông ta tuyên bố lấy lại giấy phép, xin rút tên ra, nên chúng tôi buộc phải đình bản.

Tiens! bien fou!

Sĩ quan, binh lính Pháp được ta tha về Hà Nội xông vào các cửa hiệu vàng ở Hàng Đào, Hàng Ngang, Phố Huế... để cướp. Nhiều nhà phải đóng cửa lại, gõ xoong nồi, chậu thau ầm ĩ để báo động như những ngày đầu tác chiến cuối năm 1946.

Không riêng gì các cửa hiệu ! Các « nhà đỏ » (chứa gái điếm – theo quy định phải treo đèn đỏ) cũng phải đóng cửa vì bọn lính bại trận thường xông vào « chơi quịt » !

Một số khác thường vào các tiệm nhảy đầm để uống rượu đến say khướt và nhảy như điên loạn !

Chúng chửi Navarre là điên, chê De Castries là ngu ! Nhiều tên vừa hét lên, vừa khóc rưng rức như những đứa trẻ.

– Bao giờ thì được về ?

– Bao giờ thì được gặp vợ con ?

Có đứa đang ngồi trong quán uống rượu bỗng thét toáng lên :

– *Tiens ! bien fou !* (1)

Điện Biên Phủ ! Người Hà Nội chưa được nghe cái tên ấy bao giờ. Bỗng nhiên Điện Biên Phủ thất thủ ! Địch càng bưng bít bao nhiêu, thì nhân dân càng vui mừng, càng kính phục Việt Minh bấy nhiêu.

Bọn lính Tây chết hụt ở Điện Biên Phủ về quấy phá trong các tiệm nhảy, uống rượu say, đi xích lô không trả tiền, xông vào cướp các hiệu vàng... đều phải gọi đến hiến binh Pháp can thiệp mới xong. Các cửa hiệu ở Hàng Đào, Hàng Khay, Hàng Bài, phố Huế... đều phải đóng cửa sớm từ chập tối.

Đồng bào công giáo di cư từ Ninh Bình, Phát Diệm lên Hà

Nội ăn ngủ vạ vật trên thềm ga Hàng Cỏ, màn trời chiếu đất. Bọn cha cố và tay chân thì được điều vào Nhà hát Lớn, ăn ở trong đó. Đại sứ quán Mỹ lúc đó đóng tại phố Hai Bà Trưng (trụ sở Mặt trận Tổ quốc hiện nay) chỉ đạo việc di cư thông qua Ủy ban di cư do ông Mai Văn Hàm làm chủ tịch.

Bản kiến nghị đòi lập lại hoà bình

Đầu tháng 3 - 1954, khi quân ta bắt đầu phản công ở Điện Biên Phủ thì tôi nhận được chỉ thị của Thành uỷ mở cuộc vận động ký kiến nghị đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình. Tuy chưa biết gì cụ thể về tình hình chiến sự, tôi cũng nhận thức được rằng chiến dịch đông xuân này rất quan trọng, nó sẽ làm cho tương quan lực lượng thay đổi buộc Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng.

Kiến nghị muốn có giá trị, phải vận động cho được những nhân vật có tên tuổi. Tôi nghĩ ngay đến cụ Trần Văn Lai. Nhà cụ ở cuối ngõ Tức Mạc, thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm cụ đưa thư của con trai cụ từ hậu phương gửi vào và nói chuyện thời sự. Tôi thường đến vào giờ trưa, nếu có chỉ điểm theo dõi thì nó cũng về và « la xiết » (2) rồi. Thời Pháp cụ đã từng bị bắt và đầy đi Madagascar. Đến thời Nhật, Trần Trọng Kim đã mời cụ ra làm đốc lý Hà Nội và cụ đã phá tượng Paul Bert. Khi kháng chiến bùng nổ, cụ không đi tản cư theo kháng chiến mà ở lại trong thành và trùm chăn kín mít, không ra khỏi nhà. Người quen đến hỏi bệnh, cụ đều khám giúp không lấy tiền của ai. Năm 1949 và 1951, khi Bảo Đại ra Hà Nội mời cụ tham chính cụ nhất quyết từ chối. Hôm ấy, tôi đặt vấn đề viết kiến nghị đòi lập lại hoà bình và lấy chữ ký của nhân sĩ, trí thức. Cụ nói ngay : « Pháp không thể thắng được rồi ! Bây giờ hai bên ngồi bàn thương lượng là đúng lúc để chấm dứt đổ máu ». Tôi tán thành.

Tôi đề nghị viết : *Nous demandons à ce que le gouvernement français et le gouvernement de résistance aient contact pour négocier la paix en Indochine* (Chúng tôi yêu cầu chính phủ Pháp và Chính phủ kháng chiến thương lượng để giải quyết hoà bình ở Đông Dương). Suy nghĩ một lát, cụ nói : viết như thế không được, ta phải tỏ ra « nớt » (*neutre*) (3) thì kiến nghị mới có giá trị. Viết như anh thì rõ là ta đứng về phía Chính phủ kháng chiến rồi ! Anh nên bàn với ông Vũ Văn Hiền xem sao rồi cho tôi biết.

Ông Vũ Văn Hiền đã từng làm bộ trưởng trong Chính phủ Trần Trọng Kim. Ông ở lại Hà Nội và hiện đang mở văn phòng luật sư ở phố Trần Hưng Đạo cùng với các ông Bùi Tường Chiểu, Nguyễn Huy Mẫn. Tôi nêu ý kiến của cụ Lai. Ông Hiền hỏi tôi về chiến sự ở Điện Biên Phủ và nói rằng : Mỹ có thể nhảy vào. Chính phủ kháng chiến chủ trương thương lượng với Pháp lúc này là rất đúng !

Tôi nhắc lại cái câu mà tôi đã trình bày với cụ Lai. Ông hỏi tôi : ý kiến cụ Lai thế nào ? Tôi trả lời là cụ Lai bảo kiến nghị phải tỏ ra là « nớt » ! Suy nghĩ một lúc ông đề nghị sẽ viết là : *Les deux parties adverses* (hai bên đối phương). Viết như vậy là « nớt » mà cũng là rõ. Ông nói ông sẽ viết lại cho có đầu có đuôi hẳn hoi và cho đánh máy đưa tôi vào chiều hôm sau tại văn phòng của ông.

Khi tôi đến văn phòng luật sư, đi lên gác thì gặp cả các ông Bùi Tường Chiểu và Nguyễn Huy Mẫn đang ngồi trong phòng ông Hiền nói chuyện chung quanh bản kiến nghị. Ông Hiền nói phải đưa cho ông Phạm Khắc Quảng và các bác sĩ xem có tán thành không. Ngay tối hôm ấy, nhóm bác sĩ họp tại nhà bác sĩ Đinh Văn Thắng ở phố Chân Cầm (Lagisquet) trên gác. Tham dự họp còn có bác sĩ Võ Tấn. Ông Hiền nói sơ qua về tình hình và trình bày bản kiến nghị. Mọi người đều im lặng. Tôi không hiểu sự im lặng đó là tán thành hay phản đối hay còn phân vân điều gì. Một lúc sau có người nói : Dùng chữ *hai bên* (les deux parties) thì tức là gạt bọn « quốc gia » ra !... Một người khác lại nói : Chúng ta không công nhận bọn « quốc gia » bù nhìn nhưng chúng nó vẫn là một bên ! Vậy phải dùng chữ gì nó « *vague* » hơn (mơ hồ) mà vẫn rõ ?... Im lặng một hồi lâu. Chiếc quạt trần quay vù vù trên đầu. Chưa ai nghĩ ra được chữ gì để thay vào. Mãi sau ông Hiền mới đưa ra chữ : *les parties* thay cho *les deux parties*. « *Les parties* » là « các bên », ai cũng biết là những ai, bọn « quốc gia » có thể đứng sau Pháp, mặc nó, ta không gạt nó ra rìa nhưng cũng không thể viết *Les trois parties* được (ba bên). Ý kiến của ông Hiền được mọi người tán thành và cho là cao kiến.

Tôi mang bản kiến nghị đến nói lại với cụ Lai. Cụ Lai rất mãn ý, cụ ký ngay trên đầu. Bản kiến nghị sau đó được đánh máy thành nhiều bản để phân nhau đi lấy chữ ký. Giới giáo sư, giáo viên do anh Vũ Đình Khoa và Hoài Việt trong Hội Ái hữu giáo viên tư thục đảm nhiệm. Giới văn nghệ sĩ do các anh Hoàng Công Khanh, Thân Trọng Sự đi vận động. Trong một tuần, chúng tôi đã lấy được hơn một trăm chữ ký.

Bây giờ phải làm cách nào gửi sang Pháp ngay và đưa đến tay các ông Nguyễn Mạnh Hà hoặc Hoàng Xuân Hãn để đăng lên báo *Le Monde* và *L'Humanité*. May quá vào thời điểm đó, các ông Đặng Văn Chung và Vũ Công Hoè sắp bay sang Pháp để lấy bằng thạc sĩ y khoa. Ông Quảng cho bản kiến nghị vào phong bì gửi cho ông Hà nhờ ông Đặng Văn Chung chuyển. Chỉ ít ngày sau (khoảng giữa tháng 4-1954) chúng tôi nhận được cả báo *Le Monde* và *L'Humdnité* từ Pháp gửi sang trong đó có đăng bản kiến nghị của trí thức Hà Nội dưới nhan đề: *Les notabilités de Hanoi* (những nhân sĩ Hà Nội) với tên tuổi các ông Trần Văn Lai, Vũ Văn Hiền, Đặng Văn Chung, Vũ Công Hoè...

Đó cũng là lúc phái đoàn Phạm Văn Đồng đến Genève chuẩn bị cho Hội nghị Hòa bình, Điện Biên Phủ đang vào giai đoạn quyết định. Đài Tiếng nói Việt Nam không nghe được báo chí ở ngoài đưa vào rất ít. Chúng tôi phải nghe qua đài BBC và đọc báo *Le Monde, Paris Match, Express...* để biết tin tức và phỏng đoán. Trí thức rất quan tâm đến thời sự, đến chiến dịch Điện Biên Phủ và diễn biến của Hội nghị Genève. Tối 7-5, khi đài BBC báo tin Điện Biên Phủ thất thủ thì tin mừng đó đã lan nhanh khắp thành phố mặc dù báo chí địch vẫn bưng bít. Nhiều nhà đã ăn mừng, nhất là những gia đình có chồng con đi lính nguỵ hoặc có con sắp đến tuổi động viên. Thế là thoát nạn rồi ! Hoà bình đến nơi rồi ! Ai cũng vui, ai cũng tự hào.

NGUYỄN BẮC

Tạp chí ***Xưa và Nay***

(*) Tác giả nhớ lầm, thực ra là Canada (*chú thích của toà soạn*)

1. *Tiens ! bien fou !* : tiếng Pháp đọc gần giống âm "Tiên biên phu", có nghĩa là « Này ! thật là điên ! ».

2. "La-xiết" tiếng Pháp là « *la sieste* » tức ngủ trưa, cách nói vui của người Việt Nam thời xưa.

3. *Neutre* tiếng Pháp có nghĩa là trung lập.

ĐIỆN BIÊN

Nhớ lại từ nước ngoài

ĐẶNG TIẾN

Hiện nay tại Việt Nam và Pháp, sách báo và các cơ quan truyền thông đang nhắc nhở nhiều đến trận đánh Điện Biên Phủ, kết thúc cách đây đúng 50 năm : ngày 7.5.1954, sau 55 ngày đêm ác chiến.

Công chúng thường nghe : trận Điện Biên Phủ chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Đây là cách nói tượng trưng và tổng quát, không chính xác.

Trận Điện Biên không kết liễu chiến tranh. Bằng cớ là hai bên tham chiến, Pháp và Việt Nam còn đánh nhau ác liệt non ba tháng sau, và còn khả năng đánh nhau lâu hơn ; Pháp mỗi ngày một yếu thế, nhưng trên toàn bộ chiến cuộc Đông Dương, sẽ không thua ngay. Tuy nhiên, trận Điện Biên đã tác động mạnh đến hòa hội Genève, bắt đầu ngay hôm sau đó, và đưa đến hiệp định đình chiến ngày 20.7.1954. Như vậy, hòa hội đã thành công trong việc chấm dứt chiến tranh, trong không khí hòa hoãn đang ngự trị trên thế giới lúc đó, giữa các cường quốc đồng thuận « chung sống hòa bình ». Ngược lại, cũng không thể loại trừ khả năng là cuộc đàm phán thất bại, chiến tranh tiếp tục và biến dạng, chuốc lấy một chiều hướng và chiều kích khác : trong giả thiết này, trận Điện Biên Phủ sẽ không kết thúc chiến tranh.

Năm mươi năm sau, đọc lại sử liệu, các tư liệu ngoại giao, hồi ký và chứng từ chúng ta có thể có cái nhìn uyển chuyển hơn.

Điện Biên Phủ là một sự cố quân sự và chính trị, có tác dụng lịch sử khách quan, không cần gì phải bàn đi bàn lại. Đối với Quân Đội Nhân Dân, đó là toàn thắng nhưng trong toàn bộ chiến tranh giải phóng và thống nhất đất nước, nó là một chiến công dang dở, vì chỉ đưa đến một nền hòa bình khập khiễng, chia đôi đất nước, dẫn đến một chiến cuộc khác, gian lao hơn về mặt vật chất, tổn thương hơn về mặt tinh thần. Một chi tiết đáng lưu ý : cho đến 1975, Điện Biên Phủ chỉ là một thị trấn nhỏ với 3.000 dân, xa xôi, hẻo lánh : từ Hà Nội đi bốn năm ngày đường mới đến. Và ngày nay, là một trung tâm du lịch với 70.000 dân, có sân bay, đường sá hiện đại… Nói khác đi, ví von một chút, thì phải đợi đến ngày thống nhất đất nước, hai mươi năm sau, thì Điện Biên mới hoàn tất nhiệm vụ lịch sử của nó.

*

Tùy cảm quan từng người, Việt cũng như Pháp, hai chữ Điện Biên gây những âm vang khác nhau. Người Việt có thể có nhiều cảm giác : với người kháng chiến chống Pháp, đây là niềm kiêu hãnh, « *lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu* » ; và năm nay, họ kỷ niệm rộn ràng, là điều dễ hiểu - và nhà nước thừa cơ hội đẩy mạnh du lịch, tổ chức năm du lịch Điện Biên, lại càng dễ hiểu hơn.

Đối với người Việt bàng quan, không có công trạng hay thành tích gì, đó cũng là niềm tự hào, vì đồng bào mình đánh bại một đạo quân xâm lược hùng mạnh, đã tấn công và đô hộ mình suốt một trăm năm - kể từ ngày nổ súng vào Đà Nẵng.

Cuối cùng có người Việt ham lịch sử quân sự, xem Điện Biên Phủ như chuyện Xích Bích thời Tam Quốc, hay trận nọ trận kia thời Đông Chu, Tây Hán, và với họ trận chiến Tây Bắc 1954 không phải là không hấp dẫn.

Về phía dư luận người Pháp, phản ứng cũng phức tạp và lắm khi đáng phục. Họ có thành ngữ « *gloire aux vainqueurs, honneur aux vaincus* » mà nhà thơ di tản Cao Tần đã diễn ca đại khái « *thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng* ». Ngay khi chiến trận đang tơi tả, thì những tướng tá de Castries, Langlais, Bigeard… đã xuất hiện như những người hùng bi tráng. Hình ảnh đại tá Piroth, chỉ huy pháo binh, cụt một tay, tay kia cầm lựu đạn, cắn răng tháo chốt để tự sát vì không làm tròn nhiệm vụ ngăn chặn hỏa lực đối phương, là một hình ảnh tiêu cực, nhưng cảm khái. Và ngay sau khi Pháp thất trận, khóa sĩ quan Saint Cyr 1954 mang tên « *Những kẻ Điện Biên* », cũng là việc nghịch lý.

Sĩ quan Pháp anh dũng nhất có lẽ là đại tá Langlais, chỉ huy binh chủng Dù, điều khiển tiểu khu Trung Tâm, « *người thật sự chỉ huy trận địa Điện Biên* » theo lời tướng Võ Nguyên Giáp ; ông đã để lại một hồi ký trung thực và chính xác (1963) và khẳng định mình thua trận vì … đánh dở ! (tr. 264). Về sau, ông lên tướng, chán đời, uống rượu và… tự sát ! Đồng đội của ông, hơn 50 người lên cấp tướng, đô đốc, nhiều người đã trở lại chiến địa, để « hành hương ». Nhưng cũng lắm kẻ sa cơ bị tù tội, bãi chức vì tham dự cuộc phiến loạn 1961 tại Algérie.

Về phía người Việt chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Pháp, có Phạm văn Phú thuộc Tiểu Đoàn 5 Dù, thăng cấp đại úy tại mặt trận, về sau lên tướng chế độ Sài Gòn, tư lệnh vùng II chiến thuật và cũng tự sát (Langlais nhầm là ông chết tại Điện Biên, ngày cuối, tr. 232).

Tổng thống Pháp Mitterrand là nguyên thủ phương Tây đầu tiên chính thức viếng thăm Việt Nam, năm 1993, đã tuyên bố « *chiến tranh Việt-Pháp là một nhầm lẫn* » và đã lên trận địa Điện Biên Phủ để truy niệm, cùng với đại tướng Schmitt, cựu Tổng Tham Mưu Trưởng Liên Quân, thời ấy là trung uý.

Năm nay tại Pháp, nhân cuộc hội thảo kỷ niệm 50 năm Điện Biên, có người đã đếm được 73 đầu sách viết về trận chiến, đầu tiên là hồi ký ghi lại sự cố, của những tướng tá trách nhiệm, khi lên án, khi thanh minh. Người bị lên án nhiều nhất là tướng Navarre, Tổng Tư lệnh Đông Dương, sớm nhất là qua những bài báo của Lucien Bodard, chuyên viên về Đông Dương, sau đó là sách Trận đánh Điện Biên Phủ, của Jules

Roy (1963), tư liệu súc tích, đã được dịch ra tiếng Việt. Có thể nói Jules Roy là người phê phán Navarre gay gắt nhất. Và người biện hộ nhiều lần cho Navarre là… tướng Võ Nguyên Giáp. Ngay khi sách mới xuất bản, tướng Giáp, khi trả lời ký giả Úc W. Burchett, đã cho rằng Jules Roy khe khắt quá mức, vì « *Navarre có óc chiến lược, nhưng không biết gì về chiến tranh nhân dân* » (1964). Trả lời báo Etudes Viet-namiennes (1965), ông nói thêm « *bảy Tướng Tổng Tư Lịnh tiền nhiệm, đã thay nhau, và đã vi phạm cùng một sai lầm. Bất cứ tướng tư bản nào cũng sẽ sai lầm như vậy, trong vị thế của Navarre. Bằng cớ là ngay sau Đông Dương, họ đã khai chiến ở Algérie. Sau đó, là người Mỹ …* » Trong hồi ký *Điện Biên Phủ, Điểm Hẹn Lịch Sử*, tướng Giáp còn nói rõ « *Công bình mà nói, tới lúc này (đầu 1954) Navarre không đáng chê trách như nhiều người sau đó đã lên án* » (tr. 80).

Người lên án tiếp theo là tướng Cogny, tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ, người trực tiếp điều khiển mặt trận, quy mọi tội vào Navarre. Ông này phản pháo, lời qua tiếng lại nặng nề. Tướng Cogny, tốt nghiệp Trường Bách Khoa, Cao học Chính Trị, Tiến sĩ luật khoa, năm 1963, còn nói rằng « *pháo binh của kĩ sư Bách Khoa đã bị các ông giáo làng và thợ cả đánh bại* » (*Alors, l'artillerie : les polytechniciens battus par les instituteurs et contremaîtres d'en face ?*) (thư cho Jules Roy, tr. 618). Tướng Giáp đánh giá Cogny " *là pháo thủ mà không biết cả cách sử dụng pháo* ", tr. 265. Tướng Langlais nhận xét " *cấp tư lệnh, có hai phương thức can thiệp : phối hợp tác chiến và điều động quân trừ bị. Cả hai việc, tướng Cogny đều thực hiện rất xoàng* " (très médiocrement) tr. 254.

Nhưng lời bình phẩm chung, thường nghe nhất là : tướng Navarre dồn quân vào lòng chảo để lãnh đạn đại bác ! Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuối tháng 4.1954, khi trả lời nhà báo W. Burchett, đã lật ngửa một cái mũ để trên bàn, đưa mấy ngón tay quanh vành mũ và nói : " *đây là lực lượng chúng tôi* ". Rồi ông nắm tay, đấm vào lòng mũ và tiếp : " *đây là quân Pháp. Họ không thể thoát khỏi chỗ này* ". Sự thật không đơn giản như vậy.

Quân đội Nhân Dân Việt Nam mà có thắng đoàn quân viễn chinh Pháp, thì cũng phải nhiều gian lao và lắm hy sinh, chứ không dễ dàng như trở bàn tay. Tư liệu lịch sử, cả hai bên, đều chứng tỏ điều đó.

Về phần mình, Navarre đã lý giải nguyên do thất bại, là tình hình chính trị và quân sự, đầu năm 1954 đã thay đổi. Khi quyết định mở mặt trận Tây Bắc thì Điện Biên chỉ là một điểm chiến lược nhằm bảo vệ Lào, và giải tỏa đồng bằng Bắc Bộ, vào cuối năm 1953. Lúc đó lực lượng Pháp Việt cân tài cân sức và hai bên ngầm thỏa thuận giao chiến. Nhưng trận đánh đã không xảy ra như dự liệu : ngày 25/1/1954, tướng Giáp đã ra lệnh " kéo pháo ra " - " *một quyết định khó khăn nhất trong đời chỉ huy của tôi* " (tr. 112). Theo tướng Vương Thừa Vũ, nếu tấn công lúc đó " *cuộc kháng chiến có thể lui lại mười năm* ".

Thời điểm này, các cường quốc Anh Nga Mỹ Pháp tại Berlin, ngày 18/2/1954, đã quyết định triệu tập một hoà hội chấm dứt chiến tranh Đông Dương, với sự tham dự của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Bên Việt Minh dồn toàn lực cơ động - 5 đại đoàn, 50.000 quân chủ lực - vào mặt trận, với sự yểm trợ của toàn dân qua 30 vạn người dân công, và viện trợ gia tăng ồ ạt của Liên Xô và Trung Quốc ; cộng với quyết tâm toàn thắng cuối cùng. Cán cân lực lượng lệch sang một phía. Pháp biết, nhưng đầu năm 1954, không còn cách nào rút quân ra khỏi cứ điểm. Pháp thua, không phải vì Navarre ngu, Cogny dốt, de Castries, Langlais, Lalande, Bigeard hèn, mà ván cờ thế giới đã đổi thay.

Còn Việt Nam anh hùng và tài ba thì điều này đã rõ, nhiều người đã nói, không cần chi nhắc lại.

Tướng Võ Nguyên Giáp gần như đồng tình với hồi ký Navarre về lý giải nói trên :

" *Trước khi đi vào Đông Xuân 1953-1954, cả địch và ta đều chưa nghĩ tới một không gian và thời gian cho trận quyết chiến chiến lược. Đây chính là điểm hẹn của lịch sử, chung cục định mệnh của cuộc chiến, sớm muộn rồi phải diễn ra ở một nơi nào đó trên đất nước* " (tr.399).

Điểm hẹn lịch sử… một hình ảnh văn hoa, súc tích, tế nhị, qui định điểm nhỏ bé trong sự lớn lao, gợi lên điều tình cờ trong quy luật, và điều phối pha trong vĩnh cửu.

Hào quang kẻ này là bùi ngùi của người kia : lịch sử đã hẹn với những ai ai ? Những người được hẹn và đúng hẹn, sau này, bây giờ, đã ra sao ?

Những người không được hẹn, hay sai hẹn, giờ này, hôm nay, trôi dạt về đâu ?

Nơi hẹn hò, có khi, nhiều khi, là điểm chia tay.

Đặng Tiến

24/4/2004

Thư mục chính :

Võ Nguyên Giáp : ***Điện Biên Phủ, Điểm Hẹn Lịch Sử***, nxb Quân Đội Nhân Dân, 2000, Hà Nội

Henri Navarre : ***Le Temps des Vérités***, nxb Plon, 1979, Paris.

Jules Roy, ***La Bataille de Dien Bien Phu***, nxb Julliard, 1963, Albin Michel 1989, Paris

Colonel Langlais, ***Dien Bien Phu***, nxb France Empire, 1963, Paris.

Journoud & Tertrais, ***Paroles de Dien Bien Phu, les Survivants témoignent***, nxb. Tallandier, 2004, Paris.

Tạp Chí *Carnets du Vietnam*, số đặc biệt Điện Biên Phủ, Février 2004, Lyon.

Ghi chú :

Bài hát *Le Déserteur (Kẻ Đào Ngũ)*, của Boris Vian, do tác giả và Mouloudji trình bày, đã được sáng tác sau tin Điện Biên thất thủ. Bài hát bị cấm trong thời chiến tranh Algérie (1954-1962) và thời chiến tranh vùng Vịnh, trên các phương tiện truyền thông công cộng Pháp. Nhạc phẩm phản chiến bi thiết và dữ dội, nói lên tâm trạng thanh niên thời đó.

Tranh
PHAN NGỌC MINH
tại PARIS

Họa sĩ Phan Ngọc Minh, 50 tuổi, từ Đà Nẵng đến Paris lần thứ hai. Lần đầu, năm 2000, tại phòng tranh *Impressions* quận 11, anh trưng bày một loạt tranh nhẹ, chung quanh chủ đề : hình ảnh Champa – vì năm đó anh được hội Champa Hiếu Cổ bảo trợ.

Lần này, trong hành trình nghệ thuật tự do, anh triển lãm tại phòng tranh Dung Bùi, quận 7[1] trưng bày 45 bức tranh màu dầu – acrylic – khổ trung bình, và 30 tranh bút sắt khổ nhỏ. Và dự tính đi triển lãm tại Cahors.

Nói chung và nói tắt, là tranh đẹp.

Ba yếu tố cơ bản : kỹ thuật, nội dung và cá tính tạo được thế chân vạc cho nghệ thuật Phan Ngọc Minh. Vì một bức tranh này nay, muốn có vị trí trên thị trường – trong hai nghĩa : tầm nhìn và chợ tranh – phải đáp ứng ba điều kiện : kỹ thuật tạo hình vững chắc và hiện đại, khả năng rung cảm và gợi cảm, và nét sáng tạo riêng biệt. Ba yếu tố chụm lại như ba hòn đá tạo nên cái bếp lửa văn hóa từ thời tiền sử, và cho đến ngày nay vẫn làm một thứ ông đầu rau của lý luận thẩm mỹ.

Tranh Phan Ngọc Minh đẹp, trước hết là đẹp mắt. So với kỳ triển lãm trước, anh đã có nhiều biến chuyển trong việc xử lý màu sắc, không xem màu sắc như phương tiện tô vẽ, cũng không xem như công cụ biểu đạt, mà là đối tượng của bức tranh. Từ màu-sắc-chất-liệu đến màu-sắc-ánh-sáng tạo nên ánh sáng chất liệu, trở thành vật thể bức tranh, một hiển hiện đẹp đẽ, cụ thể, khả xúc, bên ngoài đề tài và đường nét. Phan Ngọc Minh đã sáng tạo được nhiều gam màu nhuần nhuyễn, ví dụ như trong mấy bức *Vũ Điệu Xuân*, anh đã dùng gam màu thổ hoàng (ocre) chuyển sang màu nâu – cùng một nguồn đất sét – là những màu rất xưa, đã có trong hội họa nguyên thủy. Màu nâu của đất mới xới, nâu sồng, nâu cánh gián nối tiếp những uyển sắc của màu vàng : vàng mật, vàng đường, vàng chanh, vàng tơ lụa, thỉnh thoảng sánh lại, cộm lên như một nỗi nhớ gồ ghề. Hay những bức *Hoài Niệm* được sáng tạo trên nền xanh xám ảm đạm, một cảm giác tro than u hoài, xa vắng.

Phan Ngọc Minh nâng cao gam màu bằng nét vẽ, và thành công nhờ có « hoa tay » - loạt tranh bút sắt chứng tỏ điều này. Nét vẽ (dessin) tài hoa, linh động, mềm mại, khiêu gợi, bổ túc bức tranh hơn là tổ chức nó, như trong hội hoạ cổ điển. Do đó, nét vẽ có tính cách trang trí, họa tiết, nhiều hơn là cấu trúc hữu cơ. Và đây có thể là nhược điểm. Các bậc thanh giáo trong làng tranh pháo có cơ hội phán : Phan Ngọc Minh có thư pháp nhưng chưa đạt tới thi pháp, có hoa tay nhưng chưa đạt tới phong cách. Nhiều bức tranh đẹp, nhưng chưa nhất trí, toàn thể phòng tranh chưa nhất khí.

Lần trước, tại phòng tranh *Impressions*, năm 2000, anh chăm chút vẽ những kỷ niệm về văn hóa Chăm : tháp Chàm, người phụ nữ Chăm đội lu nước… Màu sắc đơn điệu, u ám, phục vụ cho đề tài ; điều này tự nó không phải là nhược điểm : nhiều họa sĩ trứ danh đã triển lãm một loạt tranh trong cùng một thể tài, nhưng họ vẫn thành công nhờ kỹ thuật phong phú.

Nhưng điều đáng mừng là kỳ này, Phan Ngọc Minh thoát ly ra khỏi chủ đề. Loạt tranh sáng tác mới tươi sáng hơn, đề tài đa diện và hiện đại hơn, dù rằng người xem vẫn bắt gặp một niềm cảm xúc về nền văn minh, văn hóa Chăm, nay chỉ còn để lại phế tích. Để vẽ tranh, họa sĩ đã ăn ở nhiều ngày tháng ở Thánh địa Mỹ Sơn – nói là Thánh địa, thực tế là rừng núi hoang dã, và đã chung sống với đồng bào dân tộc Chăm tại nhiều địa phương. Anh rung cảm sâu xa, và chân thành sống với bóng ma của một nền văn minh đã khuất bóng.

Tranh Phan Ngọc Minh là ám ảnh của tàn phai, mất mát, huỷ diệt, trên đó thỉnh thoảng loé lên vài tia hạnh phúc, trong một tình yêu không hứa hẹn gì nhiều với trần gian. Thậm chí khi anh vẽ cô gái Paris bên cầu Mirabeau, người xem vẫn bắt gặp những hoang phế bên sông Thu Bồn hay nụ cười hiu hắt bên Sông Mao, Krong Pha đâu đó, của một nàng Mỵ Ê đã xa xôi.

Không ai tự chọn cho mình những thương đau. Lỡ đau thương thì đành đi đến tận cùng tâm cảm. Nhưng nhờ vậy mà tranh Phan Ngọc Minh có chiều sâu. Tác phẩm anh mang nỗi u hoài một nền văn hóa, mà nay không còn mấy ai nhắc đến hay nhớ đến ; nó chỉ được quy hoạch trong một vùng lịch sử, số phận vương quốc Chăm, nhưng vì nó thầm lặng nên tiêu biểu cho đau thương chung của những con người và cộng đồng không có tiếng nói.

Nhưng đây có còn là chuyện hội họa ?

Guernica của Picasso có là chuyện hội họa ?

Đặng Tiến

Paris, 30.3.2004

[1] Galerie Dung Bui, 3 rue Chomel, 75007 Paris (Métro Sèvres-Babylone). Từ 31/3 đến 10/4.

thơ

Nguyễn Thế Hoàng Linh

(*trích từ tập thơ* **Mầm Sống**)

HẠNH PHÚC

hạnh phúc không hề thiếu
lửng lơ như chùm nho
chỉ thiếu người biết hái
chỉ thiếu người biết cho...

2002

ĐA MANG

nếu tách mùa xuân khỏi lá
dường như lá sẽ ngả vàng
mà biết đâu màu lá đỏ
ấm lòng bao kẻ lang thang

nếu tách mùa đông khỏi nắng
nắng xơ chắc sẽ nuột mềm
mà có khi dòng nắng tỏa
nhạt phèo như gió cuối đêm

nếu giấu tình yêu thật kín
hẳn nhiên tôi chỉ thương nàng
nhưng nếu mang tình yêu đến
biết đâu tôi lại đa mang...

2002

HOANG MANG

cảm hứng nào chẳng trở lại tay
thơ vẫn vơi và nỗi nhớ vẫn đầy
ta chẳng biết ta đang yêu ai cả
im lìm như chiếc lá treo cây

trời xanh vẫn ứ màu vô vọng
chim vẫn bay cho cánh hao gầy
mưa bóng tối nhân gian mờ mịt
ta là sợi én trong mây

dòng chớp lửa thiêu ta rực rỡ
rồi hơi sương dập ta tắt ngấm ngầm
tiếng chồi vỡ gợi nỗi đau giằng xé
cơn mưa khẽ thế mà thâm

cho cả những ngôn từ đang rệu rã
rớt chỏng trơ lên trang giấy khô quằn
thử rưới xuống một dòng lã chã
vỡ thành nguồn ngập ngụa sóng băn khoăn

2001

MẦM SỐNG

ly cà phê dang dở
một điếu thuốc chưa tàn
ai bước qua bản ngã
để đi vào nhân gian...

2002

LỒNG

lồng lí trí vào trái tim
lồng trái tim vào lí trí
tôi chẳng biết để làm gì
nhưng từ khi ấy
cuộc đời tôi thôi vô vị
và thôi thở than...
bao giờ?
bao giờ?
bao giờ?
lồng con người vừa khít nhân gian...

2002

HỒI SINH

chiếc lá hạt mưa sợi gió
tiếng chim dòng mắt mùa thu
đừng cố nói lời an ủi
với con tim tự cầm tù

cho ta giật tung mạch máu
xé toang từng sợi gân mòn
giằng con tim ra khỏi ngực
cho dòng nhựa tứa véo von

hãy lấy nụ cười em là rượu
cho ta nôn sạch u buồn
hãy lấy nụ cười em là nước
gột hồn ta dưới mưa tuôn

hãy rưới nguồn vui như dòng sữa
lên ly cà phê đen bầm
hay gieo hơi sống như cỏ mướt
lên hoang đồi tua tủa gai đâm
cho ta làm đôi tai chú thỏ
nghe nàng thu rón rén bước chân ngà
em đừng sợ làm ta vỡ giấc
chỉ khi nào em chẳng ở bên ta…

cho ta làm mùa thu trong chốc lát
để ta nhen vào mắt của muôn loài
một niềm vui dịu buồn như bóng tối
khẽ khàng nằm xuống đợi ban mai

cho ta được là em trong khoảnh khắc
để ta hôn lên tê má của mình
khi trở lại nếu ta cười vơ vẩn
có nghĩa là ta đã được hồi sinh

2001

CHỢ ĐỚN ĐAU

những nỗi đau từ tốn lại qua
không cãi vã không thù hận
im lìm cho nhận
trong tiếng quang quác của gà vịt
những con vật định nghĩa :
đau là phải rống lên

ở đây
người ta không nhận ra nhau bằng những cái tên
khi nhớ khi thương
người ta cầm tay nhau lâu hơn một chút
trong những khoảnh khắc ấy
nỗi đau mất hút

dường như đây là mảnh không gian
con người góp chung những niềm thương cảm
người ta sẽ chẳng còn hít vào những gì hôi hám
khi thở ra thật khẽ thật êm

chợ kéo dài xuyên suốt màn đêm
không ngủ được tôi cũng đi vào chợ
chia sớt với mọi người nỗi nhớ
và mắt ai cũng ướt
ướt trầm ngâm

chúng tôi là những sinh vật lặng câm
mỉm cười với nhau bằng ánh mắt
khi đều biết tạo hóa là khe khắt
chẳng ai làm ai đớn đau thêm

2002

VƯỜN

tìm cho tôi một khu vườn nho nhỏ
tôi trồng hoa và những luống rau xanh
sớm dậy tưới chăm nghe chim hót
xem bướm rập rờn bên những cánh mong manh

tìm cho tôi một khu vườn nho nhỏ
nắng mai phớt hồng hoàng hôn cũng thanh thanh
tôi sẽ nằm ườn trên thảo cỏ
tới tận đêm khi sương ướp đẫm mình

tìm cho tôi một khu vườn nho nhỏ
với mỗi sinh linh luôn biết sống thanh bình
và chỉ sống cho cuộc đời thật đẹp
mỗi sinh linh là một khách đa tình

tìm cho tôi một khu vườn nho nhỏ
thế gian này gần gũi biết bao nhiêu
tìm cho tôi một khu vườn hàng xóm
dịu dàng hương sớm sớm chiều chiều

tìm cho tôi những khu vườn nho nhỏ
lớn dần lên trải khắp thế gian này
tìm cho tôi những khu vườn hàng xóm
thật hiền hoà như nối những bàn tay...

2000

Gióng

Gióng à Gióng ơi - Gióng vừa lên ba - Gióng đi ra trận - Ngựa sắt gậy sắt - Lửa tuôn từ trời - Lửa phụt từ đất - Giặc giã tan rồi - Gióng bay về trời - Gióng ơi Gióng à - Sao Gióng không về nhà - Mẹ chờ cuối vườn - Mẹ chờ sau cửa - Mẹ mong Gióng lại bé nhỏ - Cho mẹ bế mẹ ẵm - Cho mẹ dỗ mẹ mắng - Mẹ nuôi Gióng lớn lên - Mẹ dạy Gióng sống cùng bình yên - Mẹ dạy Gióng làm người lớn - Gióng à Gióng ơi - Sao Gióng bay về trời - Gióng ở đâu rồi - Gióng ơi Gióng à...

'Đêm qua cháu nó lại về bác ạ!'

'Vậy như? Thánh dạy điều gì hở dì?'

'Cháu nó vẫn bé như xưa, như cái hồi chưa ra giúp nước. Nó vẫn chả biết nói gì. Em thương cháu quá.'

'Chết! Dì đừng dại miệng. Còn chòm xóm xung quanh. Con dì là thánh là thần giời sai xuống đầu thai cửa nhà dì để giúp dân. Lại sắp đến hội rồi... Dì có đi dâng hương cửa thánh hôm này?'

Mẹ nuốt nghẹn dồn ngang ngực

'Người ta xì xào thế ư? Nhưng em không đi được. Bác ạ, em chẳng thể nào đi được. Dâng hương cho cháu? Không! Làm vậy em ngỡ như là cháu chết mất rồi. Nó phải bỏ em đi. Nhưng nó còn sống phải không bác. Tội nghiệp! Nó mới lên ba.'

Gióng à Gióng ơi - Gióng dậy đi thôi - Nắng đã xế rồi - Mẹ làm đồng về rồi - Mẹ nấu niêu cơm bé bé - Mẹ múc muôi tương bé bé - Gióng nhìn ra cửa mà xem - Chim đang mổ chuối chín cây - Kiến đang tập trèo măng nhỏ - Gióng ăn bát nữa - Lớn lên nuôi mẹ Gióng ơi...

Sẽ không bao giờ cu Gióng được nghe ru dín như thế nữa. Nắng mang màu của lửa. Tin giặc giã từ trên nguồn đổ xuống, từ cửa sông dội lên. Cầu ao trưa trưa mẹ ra giặt giũ, lo nghĩ không thành lời. Đã khổ mãi rồi. Mẹ góa con côi còn không cực thế này. Mẹ góa con côi còn làng còn họ đưa tay gánh đỡ lúc phải buổi gieo neo. Còn Gióng, thằng bé lên ba không biết mặt cha, chẳng thể nào biết mặt cha. Mẹ nó cũng còn không biết. Giọt nước hớp đỡ cơn khát buổi trưa nào là nguồn cơn bao nhiêu nông nỗi khổ ải của người đàn bà mỏng nhan sắc, lại mắc tội nghèo, nên dẫu đang thì vẫn cảnh thuyền không lái. Thằng bé không bố ra đời, bao nhiêu là tủi hổ giữa xóm giềng, nhưng cũng là bao nhiêu sung sướng. Đêm đêm mẹ con ôm nhau, chiếu rách thì nằm chiếu lành thì đắp. Con thọc tay vào yếm mẹ. Con thục đôi chân bé bỏng đầy và ấm như cái bánh gù vào bọc mẹ. Con không biết nói. Nhưng mắt con biết cười. Trời đất có nắng có mưa. Nhưng mẹ bước vào nhà là mắt con cười. Con như như mặt trời, hai cánh tay bé nhỏ vươn về mẹ.

Tin giặc giã dồn về như lũ đuổi. Mẹ bồn chồn ôm con vào lòng, rồi lại bồn chồn thu vén nồi niêu, áo rách áo lành, dồn vào thúng. Đời người cần bao nhiêu thứ. Nhưng nỗi nhà mẹ còn son mà con còn đỏ, chẳng có gì. Một gánh trên vai, con sẽ một đầu quang, đầu quang kia sẽ là nồi niêu áo quần gạo muối. Khi nào làng nước chạy thì hai mẹ con cũng chạy. Đất ở lại. Nước thì nơi nào cũng có. Giặc tan mình lại về. Mẹ đã định liệu cả rồi. Mẹ không biết rằng cái thúng mẹ dành cho con quá chật.

Buổi chiều ấy ngựa quan quân ruổi tới làng. Lệnh vua truyền vang. Giặc tiến như lũ. Giặc ác hơn quỷ. Ai có lòng thì ra. Ai có sức thì ra. Nước non sắp mất vào tay giặc. Ai có lòng? Ai có sức?

Mẹ cũng theo làng nước chạy ra. Rồi mẹ lặng lẽ quay vào. Sân nắng. Con gà mái nằm trong hũm đất bên gốc chuối vùng dậy te tái chạy. Hai đầu gối mẹ tự dưng mỏi dừ. Đã đến lúc phải cất gánh lên vai chạy giặc rồi.

Mẹ đứng sững trước cửa. Mẹ không tin vào tai mình. Mẹ bước thêm mấy bước tới cái giường tre con vẫn bò toài, rướn mắt nhìn vaò bóng sẫm trong cái chái nghèo mẹ con hui hút:

'Cu Gióng nói đấy ư? Con nói đấy ư? Con nói gì thế con? Con nhắc lại đi con!'

'Mẹ ra mời quan quân vào đây cho con!'

'Con có chuyện gì mà nói với quan quân? Đang lúc nước sôi lửa bỏng thế này'

'Mẹ cứ ra mời quan quân vào đây cho con! Đi mẹ!'

Cái lúc bị quan gặng rồi sau đó nổi cáu vì lời khẩn nài của mình, mẹ cũng còn chưa sợ lắm. Cái lúc xóm giềng xôn xao xúm xít kể cho quan nghe về thằng bé lên ba chưa biết nói biết cười và mặt quan phút chốc đỏ như vang, mẹ cũng còn chưa sợ lắm. Mẹ chỉ rụng rời chân tay khi mở cánh cổng rào tre xộc xệch cho quan bước vào sân: từ trong chái nhà của mẹ, một chàng trai bước ra. Vai chàng trai ngang như đống bãi cuối làng. Ngực chàng trai nổi vồng lên như núi phía chân trời. Giọng chàng trai rền như sấm. Gióng, đấy là Gióng. Thằng bé lên ba không biết rằng nó đã làm mẹ bàng hoàng như thế nào. Người đàn bà trẻ suốt đời cúi mặt vì bao nhiêu nông nỗi khổ ải chưa bao giờ thấy một dáng đàn ông đẹp đến thế, khoẻ đến thế. Và người mẹ đau đớn, bởi khi biết nói đứa con đã không tìm ra lời với mẹ. Lúc bấy giờ giặc giã... Lúc bấy giờ nước non... Những ngày chờ ngựa sắt gậy sắt nón sắt, Gióng phải lo ăn cho đã lớn càng thêm lớn, đã mạnh càng thêm mạnh. Thúng cơm thúng cà thúng cơm thúng cà. Mẹ ngồi xới cơm cho con, tự hào quá buồn tủi quá mà không dám khóc. Xóm làng kìn kìn đi qua cái cổng nẹp rào tre xộc xệch, ngày đêm phục dịch chàng trai dồn sức đi đánh giặc. Xung quanh hai mẹ con, lúc rì rầm lúc xôn xao toàn những lời thán phục, ngưỡng mộ, biết ơn. Không ai biết, Gióng cũng không biết, lòng mẹ rối bời thế nào. Thương con phải lớn trước tuổi. Thương con vốn dại, tự nhiên lớn vù vù nhưng làm sao một sớm một chiều hết dại. Thương con đơn thân lo việc nước non, chỉ mới biết lấy sức ra mà rẫy. Thương con, đường làng này, ngõ xóm này, chân núi phía xa, mẹ cặm cụi cả ngày chẳng mấy khi bế con ra ngõ cho con thấy. Mà thương nhất, khi con nhảy lên lưng ngựa sắt, con chỉ biết tìm mắt mẹ, cười với mẹ. Con, đứa con ngoan dại, lúc cất bước lên đường không có lấy một lời dặn dò khắc khoải của một người cha. Con, chàng trai oai hùng đến thế, ngày ra trận không có lấy một bóng gái làng bíu dậu cúc tần bối rối để quay nhìn. Không một ai ở đất nước này kịp nhớ rằng chàng trai sẽ đương gánh nặng sơn hà buổi tao loạn ấy mới chỉ lên ba tuổi. Không một ai ở đất nước này kịp ngỡ ngàng tự hỏi đâu hết rồi, buổi ấy, những người đàn ông khoẻ mạnh và khôn ngoan, những người đàn ông đáng tuổi làm bố nó. Không một ai ở đất nước

này muốn biết rằng thuở xa xưa có một người mẹ trẻ bình thản nhìn con đi, lòng bỏng rát. Sao nó phải ra đi? Nó mới chỉ lên ba! Nó đã biết gì đâu? Đi cứu nước mà chỉ biết làm cái việc dễ nhất là cậy sức.

Gióng ơi Gióng à - Gióng chưa chơi trận giả - Gióng đi đánh giặc rồi - Tre đằng ngà còn ám - Lửa chiến chinh một thời - Gióng à Gióng ơi - Mẹ gồng bụi chuối - Mẹ đánh đống rơm - Mẹ ủ lửa thổi cơm - Ngàn năm rồi đợi Gióng - Gióng ơi Gióng à - Guốc võng mẹ rên bên chái nhà - Con mọt nghiến mòn ý nghĩ - Trời cũng xa mà đất cũng xa - Mẹ sống lưng lưng cuộc đời - Gióng ở đâu rồi - Gióng à Gióng ơi.

Nước non thanh bình. Nhưng tan hoang. Giặc tàn phá xóm làng. Gióng ra trận, ngựa sắt thở ra lửa cũng đốt cháy mất ít nhiều. Giặc giã tan rồi, ngựa sắt đưa Gióng trở về làng. Đường làng ngõ xóm vắng hoe, nhưng sau mỗi bờ dậu đều ngấp nghé bao nhiêu là mắt. Mẹ ào ra rồi sựng lại. Mẹ nhìn quanh. Mẹ bắt gặp bao con mắt chen chúc sau cây lá. Những đôi mắt mừng rỡ. Những đôi mắt hoảng sợ. Mẹ nhìn con trai mẹ: cái nhìn từng trải trên gương mặt mẹ tưởng như vẫn còn nét phúng phính ngày nào. Mẹ nhớ. Năm trước thôi, con mẹ cất tiếng, lần đầu tiên trong đời, tiếng xin đi đánh giặc. Làng xóm rộn rực, kìn kìn đi qua cánh cổng rào xiêu vẹo, gồng gánh cơm nước cho người con trai thần thánh trước buổi xuất chinh. Thúng cơm thúng cà thúng cơm thúng cà. Mẹ sững sờ. Con trai mẹ đi đánh giặc về rồi, vẫn vóc dáng buổi ra đi năm trước, vẫn nụ cười hiền chỉ dành cho mẹ, nhưng mặt sạm khói và mắt nhìn mệt mỏi. Làng xóm đâu rồi. Đâu hết cả rồi. Gốc rơm. Bờ tre. Chân rào. Hàng dậu. Chỉ những mắt nhìn ngấp nghé.

Huyền thoại đã không kể hết. Rằng Gióng vô cùng bối rối. Gióng buồn bã nhìn mẹ. Mẹ vỗ vào lưng ngựa sắt, nghẹn giọng giục con đi, lại đi. Chái nhà chật của mẹ không đủ cao cho Gióng cúi mái đầu trai trẻ bước vào. Những con đường làng cũng chật, rào dậu kẹp kín không đủ rộng đủ dài cho Gióng ruổi ngựa. Gióng nhìn về phía xa. Núi xiết một đường xám gẫy gập từng đoạn vào chân trời bừng bừng ráng đỏ. Ngựa sắt rùng mình, bổng vó, bay về phía quả hoàng hôn lửa, mang theo chàng trai ba tuổi mới chỉ biết cuộc đời qua những ngày bé thơ bình yên u mê và những ngày tao loạn sôi sục niềm tin tất thắng.

Những vết chân ngựa sắt để lại trên mặt đất trước khi bay vào mây đong nước của đất và trời, thành rất nhiều ao con trên quê hương Gióng. Người mẹ trẻ ngày ngày ra đồng đều phải đi ngang đó. Lần nào mẹ cũng ghé nhìn. Mây ngàn năm vẫn trắng ơ hờ bay qua bóng nước. Trong mây ngựa sắt có còn bay? Mẹ tự hỏi và nhớ Gióng của mẹ. Mẹ nhớ, lúc cúi mặt cắm dảnh mạ xuống bùn. Mẹ nhớ, lúc sẽ sẽ lùa bày tay xuống chân bèo đỡ một con ốc cụ. Mẹ nhớ, lúc quấn rơm đốt niêu cơm nhỏ và nhân thể vùi vào gio nóng một củ khoai như ngày còn có Gióng. Mẹ mỉm cười, thương Gióng đem thân đi cứu đất nước này mà chưa có một ngày được sống cùng đất nước và cũng chả biết gì về đất nước. Mùa nối mùa, mẹ nhìn mây bay trong con mắt của đất, nhớ đứa con mãi mãi lên ba, không biết tóc mình đã trắng và dáng mình đi đã cúi cúi tự bao giờ.

'Dì hôm nay không ra đồng hả dì? Trưa lắm rồi, dì không đặt bếp đi?'

'Sao mà cái lưng em nó mỏi quá bác ạ. Miệng mồm nhạt thếch, chả thiết ăn uống gì.'

'Không thiết cũng phải ăn dì ạ. Xuân muộn, giời đất lúc rét lúc oi, dễ ốm lắm. Để tôi xem... Giời ạ. Dì luộc khoai làm gì mà lắm thế này. Ra mấy hôm rày dì chỉ ăn độc có khoai. Thôi để tôi nhân thể thổi cho dì. Chốc nữa tôi bảo cái Gái nó mang sang. Mới lại kiếm nắm lá cúc tần sao lên cho dì ủ cái lưng. Có khoẻ khoẻ lên mai còn đi hội chứ.'

'Em không đi đâu bác ạ. Vào chỗ hội hè hương khói, em cứ ngỡ cả làng cùng có giỗ. Cháu nó có chết đâu hả bác. Là chính em bảo cháu đi. Về chào mẹ mấy lại chào làng xóm thế là được rồi. Nó phải đi bác ạ. ở lại quê nhà, chẳng ra lớn chẳng ra bé, chẳng ra dại chẳng ra khôn. Giặc giã tan rồi, ai cần nó nữa ngoài em hả bác!

Người mẹ không muốn kể, rằng trong giấc mơ đêm qua mẹ lại thấy Thánh Gióng. Thánh nhìn mẹ, mếu. Vẫn hệt thằng cu Gióng ngày xưa. Vẫn không nói. Nhưng mắt chú bé không còn tươi như nắng trời. Mắt Gióng đọng đầy nước, như mắt làng - những cái ao con - những vết chân ngựa sắt - sau một đêm mưa. Mẹ chốc chốc lại cựa mình, cố dỗ giấc ngủ để có thể thấy lại con, dù mẹ con chả nói được một câu gì. Lòng mẹ đau thắt: đứa con kì vĩ của mẹ không có nổi một chỗ đứng chân trên nước non này. Trong lúc nửa tỉnh nửa thức, mẹ không một lần nhớ ra con mình là thánh.

'Hôm qua con ăn mấy bát cơm?'

Im lặng.

'Vắng mẹ trẻ nó có chòng con không Gióng?'

Im lặng.

'Thế cu biết làm gì rồi chỉ cho mẹ xem nào?'

Im lặng.

Đứa bé mếu, nhìn mẹ, tức tưởi vì nỗi không nói được. Ngày xưa nó cười. Mẹ toát mồ hôi, giật mình, tỉnh hẳn. Tiếng gió khô khô ngoài sân. Ngày xưa, giờ này mẹ sẽ vỗ vỗ mông con, chèn cái yếm cũ vào lưng cho con ngủ say lại rồi mẹ lựa lựa ngồi dậy ra thổi lửa lo cơm nước. Giời mưa con ngồi chơi trên giường chờ mẹ, đôi khi đái sũng sĩnh khiến cái chiếu cũ thâm sì, khai sực. Giời nóng con lần ra bậu cửa, ngồi như chó tiền rưỡi hóng mẹ, cười chảy dãi nghịch con cua mẹ buộc cẳng cho chơi. Phải buổi đổi giời mát mẻ gặp phiên chợ, mẹ một tay vịn đòn gánh, một tay dắt con lũn chũn lần bước xuống bến lên đò. Bây giờ con ở đâu? Người mẹ nhớ con, tự hào, chua xót. Giọt máu của mẹ đã cứu giữ nước non này. Năm lại năm, hội Gióng càng ngày càng quấn chân khách thập phương, xóm làng nô nức lắm. Nhưng chả mấy ai còn nhớ người được dâng hương chính là chú bé của mẹ. Mẹ thở dài. Thương giọt máu mình không biết giờ còn phiêu bạt trên đầu ngọn gió nào. Sống với người trần thì con quá khổ. Nhưng ở với thánh thần e con vẫn bị coi là đứa trẻ. Con chưa biết gì, mẹ chưa kịp dạy con gì, ngoài thương yêu.

Gióng à Gióng ơi - Trời cao là ở đâu nào - Đất sâu là ở đâu nào - Biết chưa - Mẹ dừng bên mắt làng xưa - Lặng thinh tìm bóng mây hờ hững bay - Ai - Nuôi Gióng lớn từng ngày - Ai- Chăm mẹ tháng năm này héo hon- Bao giờ Gióng lớn Gióng khôn - Gióng về với mẹ- Một lần Gióng nhé - Gióng à Gióng ơi- Mẹ nay mắt đã bạc rồi- Tóc trắng thì gửi lưng trời- Bóng đi gửi đất - Gióng ơi Gióng à...

7.3.2004

Lê Minh Hà

Giới thiệu sách

Những phát hiện mới về văn hóa Sa Huỳnh - Gò Mả Vôi

Nguyễn Quang Trọng

Năm 2002, Phân Viện *Khảo Cổ Học Chung và So Sánh* tại Bonn (tiếng Đức viết tắt là KAVA, dùng trong bài này dưới tên Viện AVA) thuộc hệ thống Viện Khảo Cổ Quốc Gia Đức (DAI: Deutschen Archaeologischen Instituts) cho ra đời cuốn sách : "Neue Entdeckungen zur Sa Huynh- Kultur", hay "Những phát hiện mới về văn hóa Sa Huỳnh" - Gò Mả Vôi (ISBN 3-929290-27-8, Lindensoft phát hành).

Đây là một cuốn sách song ngữ độc đáo viết bằng hai thứ tiếng Đức và Việt thành hai cột trên mỗi trang. Hơn thế nữa : cuốn sách độc nhất từ trước đến nay về văn hóa Sa Huỳnh và là quyển thứ bảy trong loạt sách khảo cổ của Phân Viện AVA.

Tựa sách Đức - Việt bìa ngoài cùng cỡ chữ nhưng phần chữ Việt in nghiêng ; bìa trong tóm tắt tiểu sử tác giả và giới thiệu sách mới Viện AVA. Sách giấy láng, chữ và hình kỹ thuật cao, rõ nét, hứa hẹn giữ được lâu dài, điều cần thiết cho một tài liệu khảo cổ.

Nội dung trình bày những di vật thuộc văn hóa Sa Huỳnh, đa số tại địa điểm Gò Mả Vôi, với rất nhiều hình ảnh –125- , đa số in màu-.

Về các tác giả và tầm quan trọng của văn hóa Sa Huỳnh

Đồng tác giả là ba nhà khảo cổ Andreas Reinecker, Nguyễn Chiều và Lâm thị Mỹ Dung. Ông Nguyễn Chiều dạy môn khảo cổ tại Đại học Tổng Hợp Hà Nội và là chuyên gia khảo cổ văn hóa Chàm. Bà Lâm thị Mỹ Dung là phó chủ nhiệm bộ môn khảo cổ học trường Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Hà Nội, giảng dạy về khảo cổ. Cả hai người đều đã trực tiếp khai quật nhiều di tích khảo cổ Việt Nam, đặc biệt là những di tích thuộc văn hóa Sa Huỳnh – Chàm. Ông Reinecker phụ trách về khảo cổ học Đông Nam Á tại Viện AVA.

Ba tác giả khai quật địa điểm Gò Mả Vôi, trong khuôn khổ chương trình hợp tác quy mô giữa trường Đại Học Xã Hội Nhân Văn và Viện AVA.

Hợp tác giữa ngành khảo cổ Việt Nam và khảo cổ thế giới chỉ bắt đầu có tính cách quy mô từ vài năm nay tuy trước đó đã có nhiều chương trình trao đổi "Bắc – Nam" giữa những nước giàu và nước nghèo. Những nhà khảo cổ thế giới trong thập niên 90 thế kỷ 20 rất chú ý đến văn hóa Sa Huỳnh, vì văn hóa này giàu những di vật độc đáo thời đại đồ sắt, những chum gốm to dùng táng người chết hiếm thấy, và nhất là vai trò quan trọng của văn hóa này trong tiền sử Đông Nam Á. Thật vậy, đồ trang sức đặc trưng Sa Huỳnh được tìm thấy tại nhiều địa điểm khác trên các đảo vùng Đông Nam Á, bằng chứng của sự buôn bán trao đổi đường xa, đặc biệt bằng tàu thuyền.

Những nhà khảo cổ nổi tiếng thế giới đều đưa văn hóa Sa Huỳnh vào các thuyết thiên di của những tộc người nói tiếng Nam Đảo, nhóm tiếng phong phú nhất của nhân loại. Và hiện nay, đường đi cùng lịch trình thiên di các tộc người nói tiếng Nam Đảo là đề tài nóng bỏng trong ngành khảo cổ thế giới.

Qua phân tích ADN / DNA các tộc người còn sống ngày nay trên lục địa Đông Nam Á và các đảo khắp Thái Bình Dương, sinh học phân tử đã đóng góp lớn vào hiểu biết về lịch sử nhóm nói tiếng Nam Đảo, nhưng vì nhóm này không có chữ viết, cho nên nguồn gốc cũng như lịch trình thiên di của họ vẫn còn là đề tài tranh cãi.

Sa Huỳnh nằm giữa vùng rộng lớn chứa "cái nôi" của dân nói tiếng Nam Đảo, trải dài từ Đông Nam Trung Hoa đến Bắc Indonesia. Nhiều thuyết hiện nay đối nghịch nhau về nơi xuất xứ của nhóm người đã chiếm lĩnh các đảo Thái Bình Dương. Vì các hiểu biết hiện nay về văn hóa Sa Huỳnh và văn hóa Tiền Sa Huỳnh rất giới hạn nên lập luận các thuyết thiếu cơ sở chính xác, dễ gây ra tranh luận. Đây có thể là một trong những lý do khiến ngành khảo cổ các nước tiên tiến hợp tác với Việt Nam.

Trong giới khảo cổ chuyên nghiệp, ông Reinecker là người nhiệt tình với đất nước Việt Nam. Ông nói và viết rất thành thạo tiếng Việt, nên việc hợp tác với đồng nghiệp người Việt rất hiệu quả. Tình cảm với Việt Nam được ông thể hiện qua sách chuyên môn của Viện AVA Đức. Ngoài cuốn sách tôi giới thiệu trong bài này, ông đã viết trước đó một quyển khác cũng bằng song ngữ : " Hành trình vào Khảo cổ học Việt Nam " (Einfrung in die Archologie Vietnam, AVA Band 5, 1998). Ngoài ra ông tóm tắt bằng tiếng Việt cho cuốn sách Đức ngữ của Johannes Moser (Viện AVA) về văn hóa Hòa Bình (Hoabinhian : Geographie und Chronologie eines steinzeitlichen Technokomplexes in Sdostasien, AVA Band 5, 2001). Đây là những công trình hiếm có và quý giá.

Hiểu biết rõ về văn hóa Sa Huỳnh rất quan trọng cho ngành khảo cổ Việt Nam. Tại Việt Nam, vùng văn hóa Sa Huỳnh trải từ Quảng Nam đến Nam Bộ (Đồng Nai, Cần Giờ) và khởi đầu từ 500 năm trước công nguyên (CN) đến 100 năm sau CN. Dân thuộc văn hóa này có thể là tổ tiên thần dân vương quốc Lâm Ấp (tức Chiêm Thành- Champa- về sau) và Phù Nam, là hai quốc gia hùng mạnh đầu CN, nay đã diệt vong.

Vương quốc Lâm Ap tại miền Trung Việt Nam có những ảnh hưởng văn minh An Độ về tổ chức và chữ viết (chữ Phạn). Mà dân nước Lâm Ap không phải là di dân An Độ : dân Chàm nói tiếng thuộc nhóm tiếng Nam Đảo, chứ không phải nhóm tiếng gốc An Độ. Một điểm khác nữa là diện mạo người Chàm giống cư dân vùng Đông Nam Á, khác với người Ấn Độ phương bắc. Người ta biết có nhiều di dân gốc An Độ đến toàn vùng ven biển Đông Dương vào đầu CN. Có thể một thành phần

Đồ trang sức bằng đá quý (nephrite) đặc trưng cho văn hoá Sa Huỳnh tìm thấy ở Gò Mun:

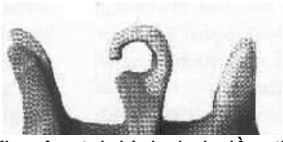

Khuyên tai hình hai đầu thú (loài nai muntjac ở VN thời tiền sử)

khuyên tai đẽo thà□nh nhiều (hai đến bốn) mũi nhọn

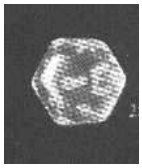

Hạt chu□ỗi bằng thuỷ tinh cristal trong suốt (co' lẽ xỏ xâu đeo)

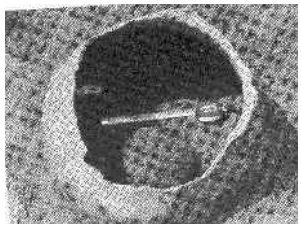

Chum táng đặc trưng Sa Huỳnh bằng đất nung. Hình cho thấy chum đang phát hiện, còn chô□n trong đất, phần miệng bị bể, bên trong có vật táng.

di dân đi từ vùng nói tiếng Phạn trên bán đảo An Độ đã đến Sa Huỳnh bằng đường biển, nhưng trong khoảng thời gian quá ngắn (thế kỷ thứ hai sau CN) họ không thể tiêu diệt toàn bộ cư dân cổ tại đây và lập một nước chỉ thuần tuý gồm người gốc Ấn. Như vậy dân Lâm Ấp phải là con cháu của cư dân cổ Sa Huỳnh.

Nước Chàm bị nước Việt tiêu diệt khi người Việt bành trướng về phương Nam. Tiếng Việt thuộc nhóm tiếng Nam Á lại mang nhiều tiếng gốc Nam Đảo, như vậy một thành phần tiếng Nam Đảo đến với người Việt từ đó.

Qua các khai quật ở miền Trung, tôi nhận thấy văn hóa Sa Huỳnh rực rỡ không kém văn hóa Đông Sơn trên đất Việt ở phía bắc. Thế nhưng vì thiếu thông tin khách quan và công trình nghiên cứu, hầu hết dân Việt Nam không lưu tâm, không hay biết để hãnh diện về nền văn hoá này.

Sơ lược nội dung

Cuốn sách gồm năm phần :

Vài nét về tình hình nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh
Địa điểm Gò Mả Vôi
Danh mục hiện vật
Mối quan hệ văn hóa của khu mộ táng Gò Mả Vôi
Lưu vực sông Thu Bồn trong văn hóa Sa Huỳnh,

Và những phần phụ như lời mở đầu, trang tóm lược sách bằng tiếng Anh, bản chữ tắt, mục lục, bản đồ hành chánh hiện tại với các tên tỉnh.

Sau phần mở đầu giới thiệu lịch sử vùng Hội An, công tác khảo cổ tại huyện Duy Xuyên và hợp tác khảo cổ Đức Việt, người đọc có ngay cái nhìn tổng quát về vùng khảo cổ qua nhiều ảnh màu các di tích Chàm, phố cổ Hội An, khu mộ và khuyên tai Pa Xua, cùng bản đồ đối chiếu với ảnh chụp từ vệ tinh vùng chung quanh Hội An.

Chương ***Vài nét về tình hình nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh*** ghi lại công bố đầu tiên trong Niên giám 1909 tập san trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp và những khai quật của ngành khảo cổ Việt Nam trong giai đoạn 1975- 2002.

Khảo cổ gia Pháp trước kia tuy có công khám phá ra nền văn hóa Sa Huỳnh với gần 800 mộ chum khai quật, nhưng số di vật họ để lại Việt Nam có lẽ không đến mười phần trăm tổng số tìm thấy ; trong khoảng một trăm di vật có ảnh hay hình vẽ, phần lớn được đem về Pháp hoặc về các nơi sưu tập khác. Qua ba giai đoạn khảo cổ tại Quảng Nam sau 1975, nhiều di tích được phát hiện tại vùng Tam Mỹ – Đại Lãnh, vùng quanh Hội An, vùng Quế Sơn, Duy Xuyên. Một số di tích được khám phá tình cờ khi công nhân làm đường phải khai quật gấp.

Những chum táng phát hiện, vì chứa khá nhiều đồ tùy táng bằng kim loại, thuỷ tinh, gốm, và đồ trang sức bằng đá hay kim loại quý nên thường bị trộm ; các đồ quý này được bày bán trong các cửa hàng cho du khách.

Khai quật đúng quy cách một di tích tiền sử tốn nhiều công sức, thì giờ, vì phải cẩn thận cạo quét từng lớp mỏng đất để có thể lấy di vật trong nguyên trạng tìm thấy, phải rây đất tìm mảnh di vật, di cốt, ghi chép tọa độ và xếp đặt, bảo quản đồ tìm được. Còn phá tung tìm một vài món có giá trị thương mại thì thật dễ. Và làm mất vĩnh viễn tất cả dấu vết quá khứ lịch sử tiền nhân.

Để hình dung phần nào mỹ thuật của người cổ Sa Huỳnh, xin quý độc giả xem hai trang 14,15 tập hợp hình những hạt chuỗi và khuyên tai đủ kiểu đủ loại đẹp độc đáo, kỷ vật của hai ngàn năm trước. Đó là những đồ táng thuộc di tích Gò Mùn (gần thị trấn Ái Nghĩa), nơi có nhiều đồ quý bị đánh cắp đem bán trong các cửa hàng đồ cổ tại Đà Nẵng, nghĩa là chúng ta sẽ không bao giờ tìm lại được chúng nữa !

Chương hai cho biết vị trí di tích Gò Mả Vôi và những khu mộ chum trên những gò kế cận. Anh chụp cho thấy gò là các dải cồn cát hơi cao, cách nhau bằng những hàng ruộng hẹp, với những hố có cận ảnh mộ chum.

Việc khai quật được giới hạn trong khu mộ Gò Mả Vôi và Gò Miếu Ông. Toàn bộ di vật tìm thấy trong đợt khai quật này được miêu tả trong chương chính của sách, *Danh mục hiện vật*. Khu mộ này do dân địa phương phát hiện, và phòng văn hóa- Thông Tin- Thể Thao huyện Duy Xuyên đào "chữa cháy" khoảng 30 mộ chum. Vì khai quật không do các nhà chuyên môn thực hiện nên đồ vật thì còn, mà mất đi những dữ kiện cho phép dựng lại mối liên hệ giữa các hiện vật qua vị trí chúng trong từng mộ. May thay, sau đó, ngành khảo cổ đào được ba chum lớn nằm tại ba góc trong một hố vuông cạnh bốn thước. Một chum còn nguyên, trừ chiếc nắp bị vỡ khiến đồ gốm đặt trên nắp và miệng chum rơi vào trong. Trong chum còn có lao đồng , "chàng" và xà beng bằng sắt đã hoen rỉ … Xương cốt hầu hết đã mục nát.

Toàn thể di vật như chum trong hố và chum tái tạo (với mảnh vỡ ghép lại) được khảo sát, miêu tả tỉ mỉ : nồi

gốm đáy bầu làm bằng đất đen hay nâu, chân đế, bát bồng (có chân) , mâm bồng (hình loe rộng, trẹt, có chân), bình và cốc bằng đồ gốm. Đồ gốm là hiện vật tiêu biểu các nền văn hóa : người ta định mối liên hệ giữa các món đồ tìm được ở những nơi khác nhau qua hình dáng, kiểu cách, kỹ thuật và mỹ thuật các hoa văn trang trí . Vì thế nên hoa văn được tác giả tả tỉ mỉ về dạng (kích thước, bề dày gốm, đặc điểm hình học), kỹ thuật trang trí và nơi trang trí trên đồ vật.

Sách cho thấy người Sa Huỳnh dùng rất nhiều kỹ thuật trang trí như tô ánh chì, tô màu nâu đỏ, khắc lõm chấm, vạch, hình chân chim hay đường chỉ, miết láng gốm từng phần, làm gờ nổi, hình chìm do mép vỏ sò ấn xuống, vết chải bằng một loại dụng cụ tạo hàng vạch, bàn đập khắc vạch chéo hay bện thừng. Sự phối hợp hình dạng, kỹ thuật và mỹ thuật cho thấy đồ vật bằng gốm của văn hóa này phong phú và khác với đồ gốm văn hóa Đông Sơn và tiền Đông Sơn. Tuy một số đồ gốm cũng có hoa văn khắc thành dải băng, hình với vạch, rãnh, hình lượn sóng, dải chữ S, nhưng lối phối hợp thành hình khác hẳn mỹ thuật Đông Sơn. Tuy ảnh chụp đã khá rõ, các tác giả còn vẽ lại hình hoa văn bằng màu. Bên cạnh những đồ gia dụng kể trên còn có nhiều dọi se chỉ bằng gốm, trên một số có khắc hoa văn.

Trong các hiện vật có một số dụng cụ kim loại, đa số bằng sắt. Đó là một đặc điểm khác của dụng cụ và vũ khí Sa Huỳnh so với di vật, đa số bằng đồng thau, của văn hóa Đông Sơn.

Rìu, lao đồng tuy cũng có nhưng không đa dạng bằng đồ sắt. Đáng chú ý hơn hết theo tôi, là các đồ trang sức bằng đá quý, và nhất là đồ thủy tinh. Những món nầy không những đẹp vì hình dáng và loại đá, mà còn quý báu vì cho thấy trình độ kỹ thuật của cư dân Sa Huỳnh, và vài nét xã hội cổ ở đấy.

Trình độ làm đồ trang sức bằng thủy tinh của người Sa Huỳnh đã đạt mức độ cao đến nỗi người ngày nay phải kinh ngạc. Hình chụp cho thấy vòng tay, hạt chuỗi to nhiều kiểu, và cả khuyên tai đặc trưng Sa Huỳnh mà trước đây người ta đã tìm đưiợc nhiều cái bằng đá rải rác từ Trung vào đến Nam Việt Nam. Các nhà khảo cổ mới đây cho biết đã tìm thấy tại khu mộ chum Lai Nghi (trong cùng vùng, gần Hội An) hơn ba ngàn hạt chuỗi đủ loại, cùng một cục thuỷ tinh nguyên liệu. Vào tháng 6 năm 2003, các nhà khảo cổ Việt Nam phát giác thêm vô số hạt cườm li ti tại Động Cườm, ở xã Tăng Long ven biển xứ dừa Tam Quan. Sự hiện diện của thuỷ tinh nguyên liệu dùng để nắn thành đồ vật gợi ý rằng đồ trang sức được làm ngay tại vùng văn hóa Sa Huỳnh, chứ không phải từ ngoài du nhập vào.

Chương bốn nói về mối quan hệ văn hóa của di tích và di vật thuộc khu mộ táng Gò Mả Vôi. Được khai quật đúng quy tắc, khu mộ táng này đã đưa đến những suy luận của các tác giả về phong tục mai táng và về đồ gốm cùng đồ bằng kim loại. Họ so sánh đặc điểm của khu di tích này với các địa diểm khác thuộc văn hóa Sa Huỳnh. Phần chuyên môn này cho thấy có mối liên hệ văn hóa nào đó giữa di vật Sa Huỳnh Việt Nam với di vật cổ ở Thanh Hóa, ở Cam Pu Chia, và nhất là Phi Luật Tân, qua những khuyên tai giống nhau bằng gốm và cùng có hình con đỉa. Đồ tùy táng bằng đồng ở Gò Mả Vôi nhiều hơn so với các địa điểm Sa Huỳnh khác. Thoạt nhìn người ta có thể cho là rìu đồng tại đấy cũng giống với những hiện vật trống Đông Sơn, nhưng dưới mắt các nhà chuyên môn chúng có những điểm khác với di vật Đông Sơn. Đặc biệt tại khu vực khảo cổ Hội An người ta có tìm được rìu làm bằng hai kim loại khác nhau, là cái duy nhất thời tiền sử Việt Nam. Đó là một rìu lưỡi bằng sắt (đã rỉ) nhưng họng tròn nối liền để tra cán (có lẽ bằng gỗ, không còn nữa) lại làm bằng đồng.

Đồ thuộc thủy tinh được phân tích thành phần hóa học và so sánh với đồ thủy tinh cổ các nơi khác. Đồ thủy tinh tại đây gần với đồ miền Bắc nếu dựa vào thành phần hóa học Dụng cụ bằng đá lửa (bôn có vai) hiếm thấy trong văn hóa Sa Huỳnh khác cũng đã đào được tại Gò Mả Vôi, nhưng nằm ngoài các chum.

Trong chương năm, các tác giả đưa những giả thuyết về sự chiếm lĩnh lưu vực sông Thu Bồn của cổ dân thuộc văn hoá Sa Huỳnh. Những câu hỏi lý thú đâ được đặt ra, gợi hướng suy nghĩ cho các nhà khảo cổ. Người ta tìm được bốn gương đồng thời Tây Hán, và nhiều đồ trang sức nhỏ bằng vàng, nhưng không có trống đồng loại Đông Sơn nào được tìm thấy trong vùng đồng bằng Quảng Nam, trong khi nhiều trống tìm được tại vùng núi bên trong và vùng biển phía nam Bình Định. Theo kết quả định niên đại carbon 14, Gò Mả Vôi có lẽ được người cư trú chỉ từ khoảng 300 trước Tây Lịch. Như vậy có thể người cổ đã di cư từ vùng khác đến Quảng Nam. Các tác giả nói lên quan điểm khác nhau của họ về sự di dân này, và kết luận cần nỗ lực nghiên cứu thêm trong tương lai.

*

Cuốn sách được tóm tắt lại bằng tiếng Anh trong phần cuối. Đây cũng là một điểm hay, giúp cho các nhà chuyên môn không thạo hai thứ tiếng Đức Việt có được cái nhìn tổng quát về công trình này.

Tính cách song ngữ, chuyên đề hiếm thấy về văn hóa cổ Sa Huỳnh, và những hình ảnh đẹp về một thời quá khứ " vàng son " của cổ dân trên đất Việt, theo tôi là những " điều kiện đủ " để mọi người Việt Nam có cuốn này trong tủ sách gia đình. Không lý do gì khiến người Việt thờ ơ với một văn hóa cổ đã từng sáng chói trên đất Việt. Người Trung Hoa đã bắt đầu đưa vào trong kho tàng văn hóa quốc gia của họ các nền văn hóa cổ dân xưa kia từng bị gọi là man di vì sống tại các vùng ngoại vi không thuộc văn minh Hán. Bởi vì, nghành khảo cổ đã tìm thấy nhiều bằng chứng văn hóa cổ rực rỡ (nước Thục tại Sanxingdui). Đất Việt chúng ta không chỉ có mỗi một văn hóa Đông Sơn, và người Việt cũng không hề thuần dòng máu "Đông Sơn". Mà dòng máu nào cũng đáng được kính trọng, kể cả dòng máu "Sa Huỳnh", tổ tiên người Chàm.

Nguyễn Quang Trọng

Xin cảm ơn tác giả A.R. đã cho phép dùng hình ảnh trong cuốn sách cho bài này.

Xây nhà bằng đất

một biện pháp tiết kiệm nhiên vật liệu
một công cụ hiện đại hóa nông thôn

Văn Ngọc

Bài viết này nhằm đặt lại vấn đề tiết kiệm nhiên vật liệu trong lãnh vực xây dựng. Nó tóm tắt nội dung của **Hồ sơ Xây Nhà Bằng Đất** *mà chúng tôi đã soạn thảo cách đây trên 20 năm - kết quả của sự hợp tác giữa một kiến trúc sư và một kỹ sư xây dựng trong 3 năm ròng (1980-1983), trong khuôn khổ những đóng góp chuyên môn của chúng tôi hướng về đất nước sau ngày hòa bình được lập lại, nhằm giới thiệu những khả năng của vật liệu đất và của kỹ thuật xây nhà bằng gạch đất phơi nắng theo phương pháp hiện đại, đồng thời trình bày những suy nghĩ của chúng tôi về hướng áp dụng kỹ thuật đó vào một nền kiến trúc thích ứng với những điều kiện của Việt Nam.*

Những ý chính của hồ sơ này (không kể phần phương án đi sâu vào những chi tiết chuyên môn, gồm hơn 100 trang), có thể được tóm lược như sau :

1 - Trước hết, kỹ thuật xây nhà bằng gạch đất phơi nắng (gạch mộc) là **một biện pháp tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu**, *làm giảm giá thành xây dựng một cách đáng kể ở những nước đang phát triển như VN. Khả năng này mở ra nhiều triển vọng :*

2 – Kỹ thuật này có thể là cái bàn đạp cho phép xây dựng một nền « **kiến trúc thích ứng** *» phù hợp với những điều kiện của VN về các mặt kinh tế, văn hóa, môi trường khí hậu , v.v. đáp ứng phương châm : « tự lực cánh sinh », thực hiện mục tiêu « xây dựng sao cho nhanh, nhiều, rẻ, đẹp, tiện nghi, bền vững », và điều quan trọng hơn cả, là tạo điều kiện cho nhân dân có thể tham gia một cách rộng rãi và tích cực vào công cuộc tái thiết đất nước sau chiến tranh, cũng như để có thể « tự xây dựng » lấy ngôi nhà của mình.*

3 – Giải pháp « kiến trúc thích ứng » dựa trên kỹ thuật gạch đất phơi nắng có « đất dụng võ » lý tưởng của nó (với điều kiện là phải được thử nghiệm trước), đó là môi trường nông thôn Việt Nam. Nó sẽ là công cụ hàng đầu để **hiện đại hóa nông thôn** *, hiện đại hóa môi trường sống và sinh hoạt của người nông dân, bắt đầu từ việc cải thiện các công trình kiến trúc ở các cấp làng, xã, huyện, tỉnh : nhà ở, trường học, các công trình văn hóa, y tế, và các công trình cần thiết cho sản xuất nông nghiệp, từ chuồng trại đến nhà kho, v.v..*

Tiếc thay, **Hồ sơ XNBĐ**, *cũng như một vài hồ sơ khác của chúng tôi, ra đời không đúng lúc, do lúc đó ở trong nước chưa có điều kiện để thử nghiệm . Tuy nhiên, cái ý tiết kiệm vẫn còn đó, và phương án XNBĐ kia vẫn còn đó, và chúng tôi vẫn hy vọng rằng một ngày kia, nó sẽ được đưa vào một chương trình nghiên cứu và thử nghiệm, để có thể đi vào áp dụng rộng rãi.*

x x x

Một truyền thống rất xưa của nhân loại

Xây nhà bằng đất là một truyền thống dân gian có từ lâu đời ở nhiều nước trên thế giới. Có những nơi, truyền thống này đã ảnh hưởng sâu đậm và lâu dài đến nền kiến trúc bản địa, từ nền kiến trúc dân giã ở nông thôn đến nền kiến trúc đô thị đôi khi rất hoành tráng, đồ sộ : Ai Cập, Iran, Irak (Lưỡng Hà), là những nơi biết sử dụng kỹ thuật vòm cuốn bằng gạch đất phơi nắng từ cả mấy ngàn năm nay để giải quyết ba khâu quan trọng nhất của một công trình kiến trúc, đó là các bộ phận : tường, sàn và mái. Bắc Phi (Maroc, Algrie) , với các thành phố nổi tiếng như Marrakech, Adrar ; Bắc Yemen và Nam Yemen, với các thành phố Sanaa, Shibam, và một số nước Phi châu (Mali, Haute-Volta, Soudan, Nigeria, v.v.) đều là những nơi có truyền thống xây nhà bằng đất.

Ở nước ta, truyền thống « nhà tranh vách đất » ở nông thôn xưa cũng chủ yếu dựa vào các nguyên vật liệu tự nhiên có sẵn tại chỗ. Các cụ ta ngày xưa thường quen nói « tranh, tre, nứa, lá », nhưng quên không nói đến... « đất ». Phải chăng vì đã không chú ý đủ đến những đức tính của đất và đã không biết khai thác chúng : các đức tính cách ly, chống cháy, v.v. ? Trong các bộ phận làm nên ngôi nhà tranh xưa, chỉ có nền móng là được hoàn toàn làm bằng đất nện, còn tường vách tuy làm bằng đất trộn với rơm, rạ, trát lên sườn bằng tre, nứa, nhưng thường rất mỏng. Một nhược điểm khác của ngôi nhà tranh ở nông thôn, là tường vách không có vữa trát, nên khả năng chống thấm, cách ly và chống cháy cũng kém, việc bảo quản cho nhà cửa sạch sẽ cũng khó khăn hơn. Lẽ ra, người xưa có thể trát một lớp vữa vôi dày lên tường vách đất có sườn bằng tre nứa, hoặc như thời nay, có thể dùng lưới mắt cáo để trát lên lớp vữa vôi này. Ở nhà tranh mùa hè mát mẻ, nhưng mùa đông rất lạnh, nhất là khi có gió bấc. Ở một số địa phương miền bắc có truyền thống xây « tường trình »(đất đóng khuôn gỗ), kiên cố hơn. Ở Pháp, truyền thống xây tường trình cũng đã từng có ở một số vùng : có những ngôi nhà xây từ trên 300 năm nay bằng kỹ thuật này, đến nay vẫn còn đứng vững.

Việc phục hồi truyền thống xây nhà bằng đất theo những phương pháp cổ truyền đã được khởi xướng ngay từ mấy trăm năm nay, kể từ François Cointereaux, kts người Pháp, sinh năm 1740, và hoạt động trong suốt thời kỳ Cách mạng 1789 ở Pháp. Sau này, những ý tưởng của ông đã được truyền bá ra nhiều nước : ở Ý, ngay từ 1790 ; ở Hoa Kỳ từ 1806 ; ở Úc từ 1823 ; rồi ở Đức, Đan Mạch, Anh, v.v. Đến sau Thế chiến thứ II, với Hassan Fathy, kts người Ai Cập, thì nó đã được lý thuyết hóa một cách vững vàng để được áp dụng vào kiến trúc hiện đại (Hassan Fathy, *Construire avec le peuple*, NXB Sindbad, 1969).

Song, phải chờ đến đầu những năm 70, từ khi có cuộc khủng hoảng về năng lượng ở trên thế giới, trong ngành kiến trúc, người ta mới thực sự chú ý đến kỹ thuật này, và coi đây là một trong những biện pháp có khả năng tiết kiệm năng lượng, và nguyên vật liệu trong xây dựng.

Phong trào nghiên cứu và thử nghiệm ở các nước công nghiệp phát triển

Điều tưởng như một nghịch lý, là càng ở những nước công nghiệp hóa cao, thì người ta lại càng quan tâm đầu tư nghiên cứu và thử nghiệm các kỹ thuật mới và vật liệu mới, nhằm giảm giá thành vật liệu và giá thành công trình. Ở New Mexico (Mỹ) chẳng hạn, xây dựng bằng gạch đất phơi nắng theo phương pháp khoa học và áp dụng vào kiến trúc hiện đại, đã trở thành một cách làm phổ cập trong dân chúng. Người ta xây dựng có bài bản, có sách hướng dẫn chỉ rõ cách làm và các chi tiết kỹ thuật. Tuy nhiên, ở địa phương này do vẫn có truyền thống dân gian xây dựng bằng đất kết hợp với gỗ, nên người ta còn dùng quá nhiều gỗ, một nguyên liệu ngày càng trở nên hiếm quí và đắt đỏ.

Cũng vì vậy, mà thí dụ điển hình nhất, tượng trưng nhất, về việc sử dụng vật liệu đất để xây nhà, vẫn là thí dụ của Hassan Fathy. Ông chỉ sử dụng có một kỹ thuật đơn giản, đó là gạch đất phơi nắng, để xây dựng bất cứ một bộ phận kiến trúc, hoặc một loại công trình nào. Để thực hiện các bộ phận phức tạp như sàn, trần, mái, ông sử dụng kỹ thuật xây vòm cuốn, một truyền thống dân gian rất đơn giản và rất xưa của người Ai Cập, mà cho đến ngày nay bất cứ một người thợ nề, hay một người dân Ai Cập bình thường nào cũng đều có thể làm được (xem hình vẽ).

Hasan Fathy đã từng nêu lên khẩu hiệu « ***Xây dựng cùng với nhân dân*** », cũng là trong cái ý : tạo điều kiện cho người dân, nhất là ở nông thôn, có thể tự xây cất lấy ngôi nhà của mình, xóm làng của mình, một cách dễ dàng, tự túc, vừa bền vững, tiện dụng, mỹ thuật, lại vừa kinh tế.

Trong các nước công nghiệp phát triển ở phương tây, phong trào xây dựng bằng đất và các vật liệu tự nhiên được dấy lên mạnh nhất vào những năm 70 của thế kỷ XX. Hiện tượng này có nhiều nguyên nhân, chứ không chỉ có nguyên nhân kinh tế mà thôi, mặc dầu khía cạnh kinh tế vẫn là chính.

Nguyên nhân đầu tiên, là cuộc khủng hoảng về dầu lửa xảy ra vào đầu những năm 70, gây nên một mối lo ngại thật sự về sự hạn chế của các nguồn năng lượng trên toàn cầu. Cũng từ đó mới nổ ra phong trào nghiên cứu các nguồn năng lượng mới.

Nguyên nhân thứ hai, có nguồn gốc từ phản ứng tự nhiên của một số không ít người - sống trong các xã hội tư bản, công nghiệp hóa cao - bắt đầu bị dị ứng với cái môi trường bê-tông sắt thép, đầy những thiết bị tối tân và đầy sự ô nhiễm, trong đó con người dần dần hơi bị ỷ lại vào máy móc và các tiện nghi, nhất là ở các đô thị lớn. Họ khao khát được sống gần với thiên nhiên hơn, ít ra gần với những vật liệu tự nhiên quen thuộc như : đất, đá, gỗ, v.v. Một vài nhóm bạn bè người tứ xứ, chủ yếu là trí thức, còn khao khát được sống theo kiểu « tự cấp, tự túc », tránh lệ thuộc vào « đời sống văn minh »,v.v. (thành phố Auroville được thiết kế và ra đời ở Ấn Độ cũng là trong tinh thần đó, nhưng rồi cũng bị rơi vào quên lãng !).

Nguyên nhân thứ ba : trong các nguyên nhân khiến người ta nghĩ đến vật liệu đất, và nhất là gạch đất phơi nắng, có một nguyên nhân dễ hiểu nhất, đó làvì vật liệu này tương đối dễ kiếm : nó ở ngay trong tầm tay của con người, vừa dễ khai thác, lại không phải chế biến phiền phức, chỉ cần trộn với nước, với rơm, rạ, đóng khuôn, rồi phơi nắng. Ở đâu cũng có thể đào để lấy đất được, không phải chuyên chở xa, mặc dầu không phải chất lượng đất nào cũng có thể dùng để làm gach phơi nắng được, và mặc dầu ngày nay, lấy đất nông nghiệp để sử dụng cho xây dựng, cũng phải tính toán cho kỹ, nơi nào nên đào để lấy đất, nơi nào không. Ở nông thôn nước ta, chẳng hạn, có thể kết hợp việc lấy đất làm nhà và đào ao thả cá, hay đào mương, đào rạch để dẫn nước, v.v. Theo ước lượng của các nhà khoa học, 74% các chất liệu cấu tạo vỏ trái đất là các loại đất sét và la-tê-rít rất tốt cho xây dựng.

Nguyên nhân cuối cùng, khiến vật liệu đất là một giải pháp không những không « lỗi thời » , mà còn « hấp dẫn » đối với giới kiến trúc và xây dựng, là vì nó có khả năng mở ra một con đường sáng tạo mới : nó bó buộc người kiến trúc sư phải đặt lại nhiều vấn đề cơ bản của kiến trúc. Nó là chỗ dựa bước đầu cho một nền « kiến trúc thích ứng », mà người chủ xướng là kts Hassan Fathy. Bản thân lý thuyết « thích ứng » cũng không xa lạ gì với một luồng tư tưởng đương thời, đặt lại một số vấn đề rộng lớn hơn của xã hội công nghiệp, mà một trong những người đại diện tiêu biểu là E.F. Schumacher (1911-1977), tác giả cuốn sách nổi tiếng : *Small is beautiful* , NXB Blond & Briggs Ltd, Londres,1973).

Lý thuyết về một nền « kiến trúc thích ứng » đã được Hassan Fathy phát triển và áp dụng một cách cụ thể ở Ai Cập từ nhừng năm 50, ngay sau chiến tranh. Đó là một nền kiến trúc phù hợp với những điều kiện của mỗi nước - đặc biệt là các nước đang phát triển - về các mặt kinh tế, văn hóa, v.v. Điều này, áp dụng vào điều kiện cụ thể của nước ta, lại càng thích hợp hơn nữa, vì chúng ta là một nước chưa có công nghiệp phát triển, các công nghệ xây dựng còn yếu kém ; về mặt kiến trúc, chưa có một định hướng rõ rệt, một phong cách kiến trúc thực sự có « bản sắc », mặc dầu phương châm chung của ngành kiến trúc - xây dựng ở nước ta, từ bao năm nay vẫn còn nguyên giá trị, đó là xây dựng sao cho « nhanh, nhiều, rẻ, đẹp, bền và tiện dụng », đồng thời gây dựng dần dần cho một nền kiến trúc « khoa học, dân tộc và hiện đại ».

Kỹ thuật xây nhà bằng đất áp dụng cụ thể ở VN

Cũng như ở nhiều nước đang phát triển, ở nước ta những vật liệu xây dựng cần thiết hàng đầu như xi-măng, gạch nung, sắt thép, alu, gỗ, chất dẻo, kính, v.v. vẫn còn thiếu thốn, do chưa có đủ công nghệ để sản xuất, cho nên giá thành vật liệu xây dựng, nói chung, còn đắt đỏ (thật ra ở nhiều nước khác cũng thế thôi, một khi việc sản xuất vật liệu xây dựng còn bị phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu và máy móc thiết bị để chế biến, nhất là phụ thuộc vào các vật liệu nhập và những biến động của thị trường).

Muốn triệt để tiết kiệm thì không có cách nào khác hơn là tránh xây dựng bằng những vật liệu này. Nếu cần xi-măng, bê-tông, sắt thép, thì chỉ giới hạn ở những bộ phận cần thiết nhất, cốt yếu nhất cho cấu trúc chung của một ngôi nhà, như bộ phận giằng ngang « chainage horizontal» ở các đầu tường và giằng dọc (chainage vertical) ở các góc tường, thường được gia cố bằng bê-tông cốt sắt, hoặc bằng gỗ ; các bộ phận chịu

lực của sàn, mái, v.v.

Ngay cả vật liệu vữa để trát tường, với chức năng chống thấm, cho đến nay vẫn chứa một lượng xi-măng khá lớn.. Trên thực tế, có thể tiết kiệm xi-măng ở khâu này và thay thế bằng một hỗn hợp vôi và chất phụ gia, vì vôi có độ chống thấm cao hơn xi-măng, mà lại rẻ hơn xi-măng, v.v.

Tuy nhiên, ở một số trường hợp, dù điều kiện có khó khăn đến đâu, cũng vẫn phải bảo đảm cho công trình được xây dựng bằng sắt thép, hay bằng bê-tông cốt sắt, hoặc bằng gạch, đá, gỗ, v.v. vì nếu không, hoặc sẽ không xây lên cao được, hoặc sẽ không bảo đảm được độ bền vững lâu dài cho công trình, hoặc sẽ không đáp ứng được yêu cầu về mặt sử dụng, cũng như về mặt thẩm mỹ.

Do đó, chỉ có thể tiết kiệm được một cách tối đa nhiên vật liệu ở một số **khâu xây dựng thông thường**, với một biện pháp xây dựng thích ứng, sử dụng nguyên vật liệu sẵn có tại chỗ, mà không cần phải dùng đến năng lượng và vật liệu chế biến ; một biện pháp với kỹ thuật thi công đơn giản, dễ học, dễ làm, để có thể truyền bá một cách rộng rãi trong nhân dân. Bằng cách này, vừa xây dựng được với giá thành rẻ, lại vừa tạo ra được công ăn việc làm cho người dân địa phương, nhất là trong giai đoạn hiện nay, kinh tế địa phương và nông nghiệp cần được phát triển mạnh, nông thôn cần được cải tạo và xây dựng nhiều, ở cấp xã, cấp huyện, và ngay cả ở cấp tỉnh.

Kỹ thuật xây dựng bằng **gạch đất phơi nắng** kết hợp với những giải pháp **qui hoạch** và **kiến trúc thích ứng**, có thể là một công cụ hữu hiệu giải quyết hàng loạt những khó khăn hiện vẫn còn tồn tại : ưu tiên giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân các vùng ven đô, giải tỏa những khu nhà ở nằm trong những vùng bị ngập lụt thường xuyên, những kênh rạch bị ô nhiễm, những nhà ở bị xuống cấp trong các khu phố cổ, giải tỏa các khu xây dựng trái phép, đáp ứng nhu cầu xây dựng ở những vùng kinh tế mới, v.v.

Đương nhiên, kỹ thuật xây dựng bằng đất phơi nắng không thể nào giải quyết được tất cả mọi vấn đề đặt ra cho ngành xây dựng. Nói chung, nó chỉ có thể áp dụng được ở một số vùng có địa hình, địa thế, thủy thổ và khí hậu thuận lợi. Ở các vùng ngập trũng, hay các vùng bị lũ, cần có những giải pháp kiến trúc xây trên cọc tre, gỗ, bê-tông, hay sắt thép, theo kiểu nhà sàn, vượt lên cao hơn mực nước lũ, và không ngăn cản dòng chảy của lũ.

Chọn lựa một kỹ thuật thích ứng

Ở nước ta, từ xưa vẫn có nhiều cách xây tường nhà bằng đất. Cách phổ biến nhất là xây bằng đất bùn trộn rơm, rạ, trát lên khung, sườn, bằng tre, nứa (torchis).

Người xưa còn có 3 cách nữa, cũng giống như ở nhiều nước trên thế giới :

1/ **Cách xây tường « trình »** (pis) : ở một số vùng ở nước ta, nhân dân còn giữ truyền thống xây tường « trình » bằng đất nện khô, không có rơm. Kỹ thuật này sử dụng khuôn làm bằng ván canh dài khoảng 2m, rộng 0,40m, hay hơn, tùy nơi. Đất, không cần ẩm lắm, và nếu có sạn sỏi nhỏ cũng không sao, được đổ vào khuôn, rồi được nện chặt bằng chầy. Trình hết đoạn này lại dỡ khuôn, trình tiếp đoạn khác, và có thể làm luôn một mạch đến xong công việc, không phải chờ cho khô.

Ở Âu châu, kỹ thuật xây tường trình có thể có từ thời kỳ người La Mã chiếm đóng một số nước và đã truyền lại cách làm cho dân các nước này. Ở Pháp, truyền thống trình tường đã được tiếp tục xưa nhất là ở vùng Lyon, sau lan ra một số vùng khác, như : Dauphin, Auvergne, Bretagne, Beauce, v.v. Sau đến thế kỷ XVIII, nhờ công lao của François Cointeraux, kỹ thuật này đã được cải tiến và truyền bá rộng rãi ra nhiều nước khác. Những công trình xây dựng theo kỹ thuật này nhiều khi tồn tại hàng mấy trăm năm, đến nay vẫn còn đứng vững. Nhiều công trình xây bằng đất thời trước, đến thời sau người ta trát lên nhiều lớp vữa, nay không còn thể nhận ra là nhà đất nữa ! Người ta đã xác nhận rằng tường trình sau khoảng 100 hay 150 năm có thể trở nên rắn như đá, muốn đục một lỗ làm cửa sổ, phải dùng đến dùi đục và búa tạ mới đục phá ra được. Kỹ thuật xây tường trình ở các nước Âu châu được nghiên cứu và áp dụng một cách khoa học ngay từ đầu, dần dần, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, kỹ thuật này ngày càng được hoàn chỉnh, cho đến khi các vật liệu mới (sắt thép, bê-tông cốt sắt, gạch xi-măng, gạch đất nung,v.v.) ra đời, mới dần dần bị bỏ hẳn.

2/ **Cách xây tường « đắp »** (bauge) : tường được đắp bằng đất bùn có trộn rơm, hay không trộn rơm, cứ lên cao độ 0,60m thì lại dừng lại, chờ cho gần khô mới lại đắp tiếp. Kỹ thuật này đơn giản nhưng không chính xác và tương đối làm lâu hơn, vì phải chờ cho khô xong từng lớp tường một. Tuy nhiên kỹ thuật này đã được nhiều dân tộc trên thế giới áp dụng một cách có hiệu quả và về mặt thẩm mỹ lại rất đẹp : Mali, Yemen, Iran, Maroc, Algrie, Hoa kỳ, Pháp, v.v. Ở nước ta, kỹ thuật này thường hay được sử dụng để đắp bờ, đắp lũy, nhiều hơn là để xây tường nhà.

3/ **Cách xây tường bằng gạch « mộc »**, hay **gạch đất phơi nắng** (adobe) : đất được trộn với rơm rạ và nước, rồi lấy chân giẫm, hoặc cho trâu bò quần cho nhuyễn, xong, dùng khuôn đóng thành từng viên, rồi đem phơi nắng. Ở nước ta, kích thước thông dụng xưa kia thường là : 35x20x15cm. Gạch được đóng khuôn hàng loạt, phơi trên các bãi đất phẳng và nhiều nắng, độ 3,4 ngày là có thể dùng được. Xây bằng gạch mộc, không cần vôi vữa, mà lấy ngay đất làm gạch để dùng thay cho vữa. Gạch mộc có trộn rơm, rạ, đỡ bị co nứt khi phơi khô, và cũng bền chắc hơn. Kỹ thuật xây bằng gạch mộc ở các nước trên thế giới cũng không khác gì kỹ thuật mà ông cha ta đã biết. Có khác chăng, chỉ là ở kích thước của viên gạch và ở kỹ thuật xây : ở Ai Cập và một vài nước Trung cận đông, có truyền thống xây vòm cuốn bằng gạch mộc không cần khung gỗ (gabarit) rất đáng học hỏi. Gạch xây vòm cuốn cần trộn với nhiều rơm rạ hơn, để cho nhẹ hơn.

Gần đây, trên thế giới, người ta còn dùng một kỹ thuật khác nữa, gọi là kỹ thuật **« gạch nén »** : người ta dùng đất tương đối khô, như thể đất làm tường trình, cho vào khuôn nén cho thành những viên gạch khá chắc. Máy nén thường rất đơn giản và làm bằng go (xem hình vẽ).

Kỹ thuật gạch nén, cũng như kỹ thuật gạch mộc, so với kỹ thuật xây tường trình, có những mặt thuận tiện như sau :

1/ Việc sản xuất gạch dễ tổ chức hơn, làm rải ra lúc nào cũng được, ở ngay tại công trường, hay ở một địa điểm nào

khác. Khi trời mưa vẫn có thể sản xuất gạch được, nếu chỗ làm gạch có mái che. Vấn đề lưu trữ ở kho, hoặc đưa đi đâu sử dụng cũng dễ dàng, linh hoạt hơn.

2/ Tường xây lên đỡ bị nứt như ở trên tường trình, vì đất ở tường trình khi khô co lại nhiều hơn.

3/ gạch mộc, gạch nén, dễ sử dụng trong kiến trúc hơn, đặc biệt, muốn xây mái vòm, bó buộc phải dùng đến kỹ thuật gạch mộc hay gạch nén. Giữa gạch mộc và gạch nén cũng cần phân tích và so sánh những mặt tốt và xấu :

1- Gạch nén đều đặn hơn gạch mộc, sức chị ép cao hơn, mặt gạch đẹp hơn và nhẵn nhụi hơn. Nhưng ngược lại, sản xuất gạch nén lâu hơn, và phải cần đến một cái máy nén, tuy đơn giản, nhưng cũng cần đầu tư vào đó một số tiền, nhất là khi cần phải có nhiều máy làm cùng ở một chỗ.

2- Gạch nén lưu trữ được ngay không cần phải chờ khô và sân phơi không cần rộng.

3- Gạch nén không cần trộn rơm rạ, nhưng có thể cần phải trộn thêm một chất liệu ổn định như vôi, xi-măng, hay bitume, v.v. tùy theo yêu cầu về độ bền vững cần thiết.

Đất để làm gạch mộc và gạch nén lý tưởng là đất trong có : đất cát, đất thịt và đất sét, với tỷ lệ : cát từ 55 đến 75%, đất thịt từ 10 đến 28%, đất sét từ 15 đến 18%, các chất hữu cơ dưới 3%.

Làm gạch mộc cần nhiều nước (1/3 nước), do đó nơi trộn đất với rơm,ra, nên ở gần chỗ có nước. Trong kỹ thuật làm gạch mộc, tỷ lệ của rơm, ra, hay trấu chiếm 30% khối lượng viên gạch (30gr/viên gạch kích thước 23x11x7). Ở Úc châu, người ta dùng tới 60kg rơm rạ/cho 1000 viên gạch mộc cỡ lớn 45x30x10. Ở Ai Cập, kts Hassan Fathy dùng 20kg rơm rạ/ 660 viên gạch mộc cỡ 23x17x7, tức bằng 1m^3 gạch.

Ngoài rơm rạ ra, các vật liệu dùng để trộn với đất, làm cho viên gạch thêm chắc, và đỡ bị co khi khô, có : các loại xơ, sợi, cọng cây leo có xơ, trấu, lá cọ, móc, lông cừu, lông lạc đà, gai thông, v.v.

Vữa trát : Tường xây bằng đất, tùy theo trường hợp, có thể được trát vữa ở bên ngoài và ở bên trong, chủ yếu để :

1- chống thấm nước mưa và khí ẩm.

2- che chở cho tường khỏi bị đụng vỡ, sây sát.

3- tăng khả năng cách ly và chống cháy của bức tường.

Người ta thường làm vữa bằng cùng một thứ đất dùng để xây tường, trộn thêm một vật liệu ổn định và chống thấm như : vôi, xi-măng, hoặc vật liệu đen (bitume). Vôi, thường được trộn với tỷ lệ 1/5 hoặc 1/10 ; xi-măng với tỷ lệ 1/10.

Vữa vôi có thể hoàn toàn thay thế cho vữa xi măng, vừa rẻ hơn mà chất lượng về mặt chống thấm lại cao hơn.

Cuối cùng, tường có thể được quét vôi để tăng thêm thẩm mỹ, phản xạ ánh nắng mặt trời cho đỡ nóng, và bảo đảm vệ sinh.

Kỹ thuật xây dựng bằng đất cho phép chúng ta giải quyết hầu hết các vấn đề cổ điển thường được đặt ra trong một công trình xây dựng về mặt kỹ thuật. Về mặt kinh tế, nó cho phép tiết kiệm nhiên vật liêu với một tỷ lệ đáng kể :

1/ **Tường** : không cần phải dùng đến gạch đất nung, hoặc gạch xi-măng, v.v. Chỉ cần bê-tông ở bộ phận giằng ngang bao quanh đầu tường (chaynage horizontal) và các giằng dọc ở góc tường (chaynage vertical).

2/ **Sàn** : có thể tiết kiệm được 100% bê-tông cốt sắt nếu dùng kỹ thuật xây vòm cuốn bằng gạch mộc, kết hợp với gỗ. Tiết kiệm được một phần bê- tông và xi-măng, nếu xây theo kỹ thuật dầm bê- tông và tấm đệm bằng đất gia cố (poutrelles et hourdis).

3/ **Mái** : cũng như sàn, có thể tiết kiệm được hoàn toàn bê-tông nếu xây vòm cuốn kết hợp với gỗ và vật liệu lợp chống thấm thích ứng.

4/ **Cầu thang** : có thể xây hoàn toàn bằng gạch mộc với kỹ thuật vòm cuốn, kết hợp với một vật liệu ốp, lát, như : gỗ, đá, gạch lát trang trí, v.v.

Trong một nền kiến trúc thích ứng với điều kiện cụ thể ở VN, kỹ thuật xây nhà bằng đất còn có những thuận lợi khác : do tường vách dày hơn, và không dễ cháy, nó cho phép giải quyết vấn đề cách ly (cách âm, cách nhiệt, chống rét), cũng như vấn đề thông gió (theo cách làm rất khoa học của Hassan Fathy, với chiếc sân trong và ống khói thông hơi ở phía sau nhà), và sưởi ấm theo cách làm lò sưởi cổ điển ở các xứ lạnh. Ngoài ra, còn có thể kết hợp sử dụng nhiều ý tưởng sáng tạo thích nghi với kỹ thuật xây vòm cuốn bằng gạch mộc (ví dụ như cái giường xây bằng gach của người Trung Quốc ở một số vùng nông thôn, có ống khói thông lên mái, nhờ đó có thể đốt lửa sưởi ở bên dưới về mùa đông).

Một nền kiến trúc dân dụng thích ứng với môi trường sống ở nông thôn, và dựa trên vật liệu đất là chính, đương nhiên phải đi đôi với những quan niệm tiến bộ về quy hoạch, cũng như về nơi ăn, chốn ở, chỗ học hành, giải trí, nơi lao động sản xuất của người nông dân.

Trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi không có điều kiện đề cập đến những vấn đề trên, cũng như vấn đề thiết kế các mẫu nhà phù hợp với kỹ thuật xây bằng gạch đất, mặc dầu cũng có nêu lên một vài thí dụ cụ thể đã được thực hiện bởi Hassan Fathy, tiêu biểu cho một nền kiến trúc thích ứng, xây bằng gạch đất ở môi trường nông thôn, và ở một xứ có khí hậu khô, nóng. Ở V.N., đương nhiên phong cách kiến trúc phải khác, vì khí hậu ở nước ta là một khí hậu nóng ẩm, nhiều nắng, nhưng cũng nhiều mưa. Bộ phận mái, có chức năng che chở cho bức tường bao quanh ngôi nhà, trong nền kiến trúc này, lại càng trở nên quan trọng. Ngôi nhà tranh truyền thống của vùng đồng bằng sông Hồng và ngôi nhà sàn của các dân tộc ít người luôn luôn là những bài học quí báu.

Kỹ thuật Xây Nhà Bằng Đất chỉ là một công cụ. Vấn đề kiến trúc thích nghi với điều kiện VN còn hoàn toàn là một vấn đề mơ, chờ đón những ý tưởng sáng tạo của các nhà qui hoạch và kiến trúc ở trong và ngoài nước.

Văn Ngọc

Chinh phục vũ trụ

Nguyễn Quang Riệu

Đài thiên văn Paris

Mô hình vũ trụ

Từ ngàn xưa nhân loại đã quan tâm đến vũ trụ nhằm giải đáp những thắc mắc liên quan đến vận mệnh con người. Quang cảnh bầu trời ban đêm cũng là nguồn cảm hứng cho biết bao thi sĩ và nhạc sĩ. Các nhà thiên văn dùng những định luật vật lí, hoá học và toán học cùng những kết quả quan sát vũ trụ để tìm hiểu những sự kiện xẩy ra trên bầu trời. Trong thời gian gần đây qua các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta được theo dõi sự thám hiểm những hành tinh lân cận bằng những trạm tự động đổ bộ hẳn xuống bề mặt hành tinh và được ngắm ảnh những thiên thể xa xôi chụp bằng những kính thiên văn lớn.

Ngay từ thế kỉ 17, Newton đã đề xuất những định luật cơ học chi phối sự chuyển động của các vật thể. Đó là "lực hấp dẫn" (gravitation), một lực phổ biến hút mọi vật thể lẫn nhau, bất kể nặng nhẹ. Sở dĩ chúng ta đi đứng được trên mặt đất là do lực hút hấp dẫn của trái đất giữ chúng ta không bị bay bổng lên không trung. Nhờ có định luật Newton mà các nhà khoa học tính được chính xác quỹ đạo của các vệ tinh viễn thông (télécommunication), viễn thám (télédétection) và của các trạm tự động phóng vào không gian vũ trụ để quan sát các thiên thể. Vào đầu thế kỉ 20, Einstein bổ sung định luật Newton và đề xuất "lí thuyết tương đối" để tìm hiểu vũ trụ với khía cạnh tổng quát, đặc biệt là nguồn gốc và sự tiến hoá dài hạn của vũ trụ. Theo lí thuyết này, hình dạng và kích thước của vũ trụ được ấn định bởi vật chất và năng lượng trong vũ trụ và thay đổi theo thời gian. Không gian gắn liền với thời gian và được coi là một thực thể trừu tượng gọi là "không-thời gian". Ta có thể cụ thể hóa khái niệm này và hình dung không-thời gian như một tấm vải căng thẳng trên mặt có những quả cam, tấm vải hẳn bị trũng ở vị trí những quả cam. Trong vũ trụ, không-thời gian cũng bị trũng ở nơi có thiên hà, sao và hành tinh, hoặc bất cứ thiên thể nào có trường hấp dẫn lớn. Tác động của trường hấp dẫn là uốn cong không-thời gian. Einstein dùng khái niệm không-thời gian và lí thuyết tương đối để miêu tả tác động của lực hấp dẫn. Quan niệm độc đáo của Einstein về vũ trụ đã mang lại những hệ quả cách mạng đối với ngành thiên văn vật lí.

Phương trình Einstein rất phức tạp và chỉ được giải trong một số trường hợp đặc biệt để tính toán hình dạng, kích thước và sự tiến hoá của vũ trụ từ thời sơ sinh cho tới ngày nay. Sự tiến bộ của khoa học trong những thập niên gần đây, nhất là trong lĩnh vực vật lí, kết hợp với sự quan sát các thiên thể bằng những kính thiên văn hiện đại, đã mang lại những kết quả mới lạ và bất ngờ cho cộng đồng các nhà thiên văn. Cánh cửa của vũ trụ được mở ngày càng rộng để nhân loại ngó nhìn được những thiên hà ẩn náu ở những vị trí tận cùng trong vũ trụ. Tốc độ ánh sáng không phải là vô hạn, tuy rất cao (300 000 km/giây), nên ánh sáng phát ra từ những thiên hà xa xôi phải mất hàng tỉ năm mới truyền tới trái đất. Do đó quan sát sâu trong vũ trụ có nghĩa là thăm dò vũ trụ ở những thời điểm xa xưa, khi vũ trụ còn non trẻ.

Hai lí thuyết đã được đề xuất vào giữa thế kỉ 20 để tìm hiểu nguồn gốc và sự tiến hoá của vũ trụ. Lí thuyết "trạng thái ổn định" đề nghị một vũ trụ "vô thủy vô chung", không có đầu, không có cuối. Theo thuyết này quang cảnh vũ trụ không bao giờ thay đổi, bởi vì vật chất và các thiên hà được tạo ra liên tục để bù trừ mật độ vật chất loãng dần do vũ trụ dãn nở không ngừng. Lí thuyết khác cho rằng vũ trụ ra đời đột xuất cách đây khoảng 14 tỉ năm, sự kiện này gọi là "Big Bang". Lúc đó, không gian vũ trụ bỗng xuất hiện và tập trung vào một điểm nhỏ li ti cực kì nóng đặc, rồi dãn nở liên tục để sau này trở thành một không gian rộng bao la có vô số thiên hà, sao và mặt trời cùng trái đất mà chúng ta đang sinh sống ở trong. Vũ trụ hiện nay có khoảng 14 tỉ năm tuổi và rộng khoảng 14 tỉ năm ánh sáng (một năm ánh sáng là quãng đường ánh sáng truyền trong một năm với tốc độ 300 000 km/giây). Đa số các nhà khoa học đều chấp nhận thuyết Big Bang, vì thuyết này giải thích được nhiều hiện tượng quan sát thấy trong vũ trụ.

Vũ trụ tiến hóa ra sao ? Hiện đang dãn nở, nhưng liệu sau này vũ trụ có co lại và sập sụp dưới ảnh hưởng của lực hấp dẫn, để hóa thành một địa ngục nóng đặc và nhỏ li ti như hồi mới ra đời ? Hay là vũ trụ cứ dãn nở mãi cho đến khi trở nên một môi trường lạnh lẽo, hoang vu và vô tận, trong đó các thiên hà, các ngôi sao, các hành tinh kể cả trái đất sẽ bị tan rã ? Hai kịch bản này liên quan đến số phận của trái đất như thế nào ? Tại sao sinh vật và thực vật trên trái đất lại có thể nảy sinh từ một vũ trụ ban đầu nóng đặc đến thế ?

Vũ trụ sơ sinh

Theo thuyết Big Bang, một giây đồng hồ sau khi ra đời, vũ trụ nóng tới một chục tỉ độ nhưng chưa rộng hơn một xentimet. Trong một môi trường nóng như thế, các hạt electron (có điện tích âm) không kết hợp được với các hạt ion (nhân của nguyên tử, chủ yếu là proton có điện tích dương), nên electron di chuyển hoàn toàn tự do. Đám mây electron tràn ngập toàn vũ trụ như một đám sương mù dày đặc che những tia ánh sáng đầu tiên của vũ trụ nguyên thủy. Vì dãn nở không ngừng, vũ trụ nguội dần và khi có 300 000 năm tuổi, vũ trụ chỉ còn nóng khoảng 3000 độ K. (Xin nhắc là thang nhiệt độ K, độ Kelvin, thường được dùng trong ngành lý-hoá và 0 độ K, gọi là độ 0 tuyệt đối, tương ứng với -273 độ C, độ Celsius). Bắt đầu từ thời điểm này, nhiệt độ của vũ trụ trở nên vừa phải nên electron mới kết hợp được với ion để tạo ra những nguyên tử đầu tiên. Đang từ trạng thái mờ đục, vũ trụ dần dần trở thành trong sáng.

Năm 1964 hai nhà thiên văn Mỹ, Penzias và Wilson làm việc tại công ty Bell Laboratories, đang mê mải nghiên cứu tác động của bức xạ vô tuyến làm nhiễu hệ thống điện thoại. Họ thu được một tín hiệu vô tuyến rất yếu mà họ cho là một bức xạ nhiễu nào đó. Sau khi tháo dỡ thiết bị để kiểm tra, hai nhà khoa học tìm thấy một chất màu trắng giống chất điện môi (diélectrique) dính trong thiết bị thu, mà họ cho là do chim bồ câu thải ra! Sau khi lau chùi cẩn thận thiết bị, họ vẫn quan sát thấy "bức xạ nhiễu" và đo

được nhiệt độ của bức xạ này là 3 độ K (-270 độ C). Penzias và Wilson đành phải chấp nhận bức xạ 3 K đúng là phát ra từ vũ trụ và đến từ tứ phía trên bầu trời. Hai nhà khoa học không ngờ đã tình cờ phát hiện được vết tích của Big Bang tạo ra vũ trụ. Đây chính là bức xạ phát ra hồi vũ trụ mới có 300 000 năm tuổi, khi vừa bắt đầu ló sáng. Lúc đó vũ trụ nóng 3000 độ K và chỉ nhỏ bằng một nghìn lần vũ trụ hiện nay. Qua quá trình tiến hóa lâu dài, vũ trụ đã dãn nở liên tục nên nguội dần, hiện nay nhiệt độ của vũ trụ chỉ thấp khoảng 3 độ K. Toàn thể vũ trụ hiện vẫn chìm đắm trong một "biển" bức xạ, gọi là "bức xạ phông vũ trụ 3 K". Những kết quả quan sát mới nhất cho biết chính xác là nhiệt độ phông vũ trụ bằng 2,725 độ K. Sự phát hiện bức xạ phông vũ trụ là một nhân tố quyết định ủng hộ thuyết Big Bang sản sinh ra vũ trụ nóng đặc ban đầu rồi tiến hóa theo thời gian, trái hẳn với thuyết vũ trụ "vô thủy vô chung" cho rằng vũ trụ không bao giờ thay đổi.

Vũ trụ nguyên thủy lổn nhổn vật chất, mầm mống của những thiên hà

Bức xạ phông vũ trụ do Penzias và Wilson phát hiện năm 1964 chứa đựng những thông tin liên quan đến môi trường của vũ trụ nguyên thủy, hồi vũ trụ mới có 300 000 năm tuổi. So với loài người, 300 000 năm tuổi của vũ trụ tương ứng với một đứa trẻ vừa sinh ra chưa được một ngày. Theo kết quả quan sát của Penzias và Wilson, vũ trụ nguyên thủy dường như rất đồng đều, nên cộng đồng các nhà khoa học tự hỏi, nếu trong vũ trụ vật chất không tập trung thành từng đám thì sau này làm thế nào tạo ra được hàng trăm tỉ thiên hà, trong đó có hàng chục tỉ ngôi sao và những hành tinh cùng sinh vật và thực vật trên trái đất. Lí do là thiết bị dùng năm 1964 chưa đủ khả năng để phát hiện được những chi tiết của bức xạ phông vũ trụ.

Phải đợi đến năm 1992 các nhà thiên văn Mỹ mới công bố kết quả quan sát của vệ tinh COBE dành riêng cho công việc nghiên cứu bức xạ phông vũ trụ. Lần đầu tiên họ phát hiện là cường độ của bức xạ phông không đồng đều, nhưng lại tăng giảm hỗn độn, tuy rất ít, từ vùng này qua vùng khác trên bầu trời. Có nghĩa là vũ trụ nguyên thủy hiện ra lổn nhổn vật chất sau này kết tụ thành từng đám, mầm mống của những chùm thiên hà. Sau khi công bố kết quả của vệ tinh COBE, một nhà thiên văn trong cuộc phấn khởi và hóm hỉnh tuyên bố : "nếu ai tin là có Trời thì đây chính là mặt của Ông Trời mà chúng tôi vừa phát hiện được".

Đầu thế kỷ 20, nhà thiên văn Hubble quan sát thấy những thiên hà trong vũ trụ đều lánh xa nhau. Thiên hà của chúng ta, Ngân hà, trong đó có hệ mặt trời, cũng chuyển dịch ra xa các thiên hà lân cận với tốc độ hàng trăm kilomet/giây. Thiên hà nào càng ở xa, càng lùi nhanh. Ta có thể hình dung hiện tượng này như sự dãn nở của một quả cầu bằng cao su đang được thổi phồng. Những đốm vẽ trên bề mặt quả cầu, tượng trưng cho những thiên hà, đều xê dịch ra xa nhau khi quả cầu phồng lên, nhưng kỳ thực những đốm vẫn đứng nguyên một chỗ so với bề mặt quả cầu. Trong vũ trụ những thiên hà lùi xa nhau cũng là do không gian vũ trụ dãn nở, còn các thiên hà vẫn gắn liền với không gian.

Những thiên hà, sao, hành tinh và sinh vật trên trái đất được hình thành từ một chút vật chất dư thừa

Các nhà khoa học không quan sát được những sự kiện xẩy ra trong vũ trụ ở những thời điểm trước 300 000 năm đầu, bởi vì hồi đó vũ trụ vẫn mờ đục. Họ phải dùng lí luận lí thuyết để đi ngược thời gian cho tới tận thời điểm sát Big Bang. Nếu vũ trụ cứ dãn nở từ thời Big Bang với một nhịp đồng đều thì hiện nay vũ trụ chỉ có bán kính khoảng 3.10^{-2} xentimet, tức là chỉ nhỏ bằng một hạt cát ! Phải có một sự kiện bất thường nào đó đã xẩy ra trong quá trình tiến hoá của vũ trụ để hiện nay vũ trụ có kích thước lớn bằng khoảng 14 tỉ năm ánh sáng (3.10^{28} xentimet). Bằng những mô hình lí thuyết, các nhà khoa học cho rằng vào thời điểm 10^{-36} giây sau Big Bang, vũ trụ đang cực kì nhỏ, bỗng bung ra và chỉ trong một khoảnh khắc đã phồng lên khoảng 10^{30} lần để ngày nay lớn bằng 3.10^{28} xentimet. Thời gian trong khi kích thước của vũ trụ nguyên thủy bỗng tăng lên gấp bội, được gọi là thời đại "lạm phát". Tuy thời đại này rất ngắn ngủi nhưng vô cùng quan trọng trong quá trình tiến hoá của vũ trụ, vì hiện tượng lạm phát đã tạo ra được một vũ trụ rộng lớn đủ để chứa biết bao thiên hà, sao và hành tinh, để ngày nay chúng ta mới có đủ không gian sinh sống trên trái đất.

Vũ trụ nguyên thủy bị tràn ngập bởi ánh sáng dưới dạng những "tia gamma" và proton cùng "phản proton". Phản proton giống proton nhưng có điện tích trái ngược với proton. Khi hai hạt này gặp nhau thì tự hủy và phát ra một hạt photon (hạt ánh sáng) gamma. Trong vũ trụ nguyên thủy, số proton và phản proton không hoàn toàn cân đối, cứ một tỉ proton lại có một tỉ phản proton kèm theo, nhưng cộng thêm với một proton đơn độc. Kết quả là một tỉ proton và một tỉ phản proton tự hủy để sản xuất ra một tỉ photon gamma và chỉ để lại một hạt proton dư thừa. Chính số proton ít ỏi còn sống sót lại đã tạo ra vật chất. Nếu không có những proton dư thừa thì vũ trụ hiện nay chỉ tràn đầy ánh sáng, không có chúng ta ở trong. Thiên nhiên đã tạo ra một thế giới vật chất sản sinh từ một chút vật chất không đáng kể còn dư lại, sau khi vật chất bị tiêu hủy gần hết với "phản vật chất", cách đây đã ngót 14 tỉ năm. Sinh vật trên trái đất cũng có thể được coi là "con cháu" xa xôi của vật chất dư thừa nguyên thủy.

Hai phút sau khi vũ trụ ra đời, cơ chế sản xuất nhân của các nguyên tử nhẹ như hêli và đơteri bắt đầu hoạt động. Vài nghìn năm sau, vật chất dưới dạng các hạt nguyên tử mới xuất hiện. Khoảng một tỉ năm sau, những thiên hà và những ngôi sao thế hệ đầu tiên mới được hình thành ở những nơi vật chất tập trung và ngưng tụ dưới ảnh hưởng của lực hấp dẫn. Sau này những nguyên tử nặng như cacbon, oxi, sắt, v.v..., cùng những phân tử phức tạp mới được chế biến trong tâm những ngôi sao.

Một phát hiện bất ngờ : vũ trụ dãn nở ngày càng nhanh

Lực hút hấp dẫn của vật chất trong vũ trụ phải có xu hướng làm vũ trụ co lại và dãn nở chậm dần. Mấy năm gần đây, muốn đo tốc độ dãn nở của vũ trụ để xác minh dự đoán này, các nhà thiên văn đã quan sát những "sao siêu mới" (supernova) trong những thiên hà xa xôi. Loại sao này là "sao lùn trắng" nhỏ nhưng rất chắc đặc nên có trường hấp dẫn lớn. Nếu sống thành cặp với một ngôi sao lớn hơn, ngôi sao lùn sau khi hút và tích đầy vật chất của ngôi sao đồng hành, bỗng sập sụp và bùng nổ dưới sức nặng của vật chất. Lúc đó ngôi sao lùn bùng sáng và trở thành sao siêu mới, nhưng chỉ tồn tại trong khoảng một

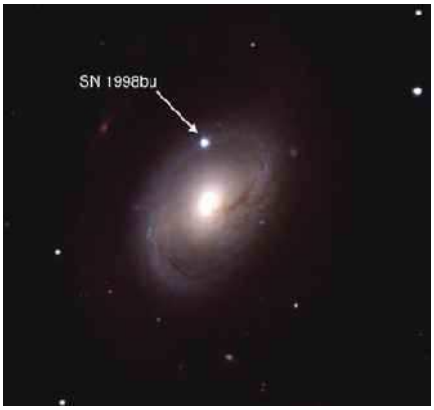

Một sao siêu mới (chỉ bằng mũi tên) đang nở trong một thiên hà (ảnh NASA).

tháng. Loại sao siêu mới này được coi là những ngọn hải đăng phù du rất sáng trong Vũ trụ, nên quan sát được từ xa. Nếu ở cùng một khoảng cách thì chúng có độ trưng (hiệu suất phát sáng) như nhau. Sao nào ở xa hơn thì mờ hơn. Các nhà thiên văn so sánh độ trưng của những sao siêu mới nằm trong những thiên hà ở khoảng cách khác nhau và đo được khoảng cách của các thiên hà ở những vị trí rất xa trong vũ trụ.

Các nhà thiên văn nhận thấy là độ sáng đo được của các ngôi sao siêu mới thường thấp hơn và khoảng cách đo được thường lớn hơn những giá trị tính bằng những mô hình vũ trụ. Có nghiã là vũ trụ đáng lẽ phải dãn nở ngày càng chậm dưới ảnh hưởng của lực hấp dẫn, nhưng thực tế lại dãn nở ngày càng nhanh. Các nhà thiên văn kết luận là trong vũ trụ phải có một "lực đẩy" nào đó hoạt động chống lại và chi phối "lực hút hấp dẫn" để rút cục làm tăng tốc độ dãn nở của vũ trụ. Chính Einstein vào đầu thế kỉ 20 đã đưa vào phương trình của ông một hằng số gọi là "hằng số vũ trụ", tương đương với một lực đẩy chống lại lực hút hấp dẫn, nhằm tìm thấy một vũ trụ "tĩnh" (statique) không dãn nở. Sau này Einstein lại phủ nhận ý kiến của mình, khi được biết Hubble đã tìm thấy là không gian vũ trụ dãn nở. Einstein tự nhận đã mắc một lầm lỗi vụng về lớn trong khoa học ! Không ngờ 70 năm sau, các nhà thiên văn vật lí lại phát hiện được tác động của một lực đẩy tương đương với hằng số vũ trụ của Einstein, tuy bản chất của lực đẩy này chưa được xác định rõ ràng.

Đa phần vũ trụ là phi vật chất

Sự thăng giáng hỗn độn nhiệt độ của bức xạ phông vũ trụ phản ánh một vũ trụ lổn nhổn những khối vật chất quy mô lớn, mầm mống của những chùm thiên hà. Bức xạ phông vũ trụ chứa đựng những thông tin quý báu liên quan đến trạng thái của vũ trụ nguyên thủy. Sau khi dùng kỹ thuật thống kê để xử lí số liệu của bức xạ phông vũ trụ, các nhà thiên văn so sánh kết quả quan sát với kết quả của những mô hình vũ trụ. Trước đây họ vẫn cho rằng trong vũ trụ có nhiều vật chất dưới dạng cơ man nào là thiên hà lóng lánh nhìn thấy trong kính thiên văn cùng những thiên thể vô hình siêu nặng như lỗ đen, nên chính những vật chất này phải chi phối sự dãn nở của vũ trụ.

Lần đầu tiên bức xạ phông vũ trụ tiết lộ những kết quả bất ngờ. Đa phần vũ trụ không phải là vật chất mà là năng lượng ! Năng lượng chiếm tới 70 phần trăm tổng số năng lượng của vũ trụ. Lượng vật chất quy ra năng lượng chỉ chiếm 30 phần trăm còn lại, trong đó 25 phần trăm lại là " vật chất tối " vô hình. Chỉ còn khoảng 5 phần trăm năng lượng trong vũ trụ là dưới dạng các nguyên tử tạo ra vật chất trong các ngôi sao và các thiên hà mà ta có thể nhìn thấy bằng mắt trần hay bằng kính thiên văn. Nhân loại trên trái đất cũng thuộc vào thành phần 5 phần trăm vật chất thật là không đáng kể trong vũ trụ. Tóm lại đa phần vũ trụ là "phi vật chất " (immatériel) !

Vật chất tối gồm những chùm thiên hà đang được hình thành, hãy còn non nên chưa phát ra ánh sáng, hoặc những thiên thể vô hình siêu nặng đã bị sập sụp dưới sức ép của lực hấp dẫn, như những lỗ đen. Những hạt vật chất rất nhẹ và ít khả năng tương tác với vật chất như nơtrino, cùng những hạt "ngoại lai" (exotique) tiên đoán bằng lí thuyết nhưng chưa phát hiện được, cũng thuộc vào loại vật chất tối.

Bản chất của năng lượng tối vẫn còn là điều bí ẩn, tác động của năng lượng này át hẳn tác động của vật chất quá ít ỏi trong vũ trụ. Năng lượng tối là nguyên nhân của lực đẩy chi phối lực hút hấp dẫn của vật chất và tương ứng với hằng số vũ trụ trong phương trình Einstein.

Sự nghiên cứu bức xạ phông vũ trụ còn cho thấy vũ trụ gần như là phẳng có bán kính lớn. Không gian của vũ trụ phẳng là loại không gian mà chúng ta quen biết và đang sống ở trong, gọi là không gian "Euclide". Trong vũ trụ này nếu ta kẻ hai đường thẳng song song với nhau thì chúng không bao giờ gặp nhau, hoặc tổng số góc trong một hình tam giác bằng 180 độ, v.v..., như chúng ta đã học trong các sách cấp phổ thông. Còn có những loại vũ trụ khác tiên đoán bởi những mô hình lí thuyết, như vũ trụ hình cầu hay hình yên ngựa, trong đó những định luật hình học này không có giá trị. Tuổi của vũ trụ hiện được xác định là 13,7 tỉ năm.

Kết luận là vật chất mà ta nhìn và quan sát thấy trong vũ trụ cũng như vật chất tạo ra sinh vật và thực vật trên trái đất hoá ra rất hiếm ! Và trong tương lai, trên đà cứ dãn nở ngày càng nhanh, toàn thể vũ trụ sẽ loãng dần và trở thành vô tận. Hệ mặt trời sẽ tan rã và loài người cũng sẽ không còn tồn tại, nhưng kịch bản này chỉ xẩy ra sau hàng chục tỉ năm nữa.

Tìm kiếm những hành tinh ngoài hệ mặt trời và dấu hiệu của sự sống

Quan niệm cho rằng trong cả vũ trụ chẳng lẽ chỉ trên trái đất mới có sự sống, đã thúc dục các nhà khoa học tìm kiếm những thế giới khác trên các hành tinh. Những trạm tự động đã thám hiểm trực tiếp bề mặt hành tinh Hỏa nhằm phát hiện dấu vết của sự sống và sự hiện diện của nươ'c, một yếu tố cần thiết cho sinh vật. Sự phát hiện những hóa chất hữu cơ trong môi trường chung quanh một số sao, chứng tỏ có khả năng có sự sống trên những hành tinh trong các hệ sao trong dải Ngân hà. Bởi vì những ngôi sao nóng hàng nghìn độ nên sự sống chỉ có thể tồn tại trên những hành tinh, nơi nhiệt độ vừa phải. Do đó phát hiện những hành tinh ở ngoài hệ mặt trời là điều kiện tiên quyết cho công việc tìm kiếm sự sống ngoài trái đất. Sự phát hiện những hành tinh ngoài hệ mặt trời là vấn đề rất nan giải. Giả thử nếu ta bay được tới ngôi sao gần nhất chỉ cách trái đất khoảng 4 năm ánh sáng và ngoảnh lại nhìn hệ mặt trời, ta sẽ thất vọng bởi vì ta chỉ phát hiện được mặt trời dưới dạng một ngôi sao sáng. Ta sẽ không trông thấy trái đất và những hành tinh quay chung quanh, kể cả hai hành tinh khổng lồ Mộc và Thổ. Lí

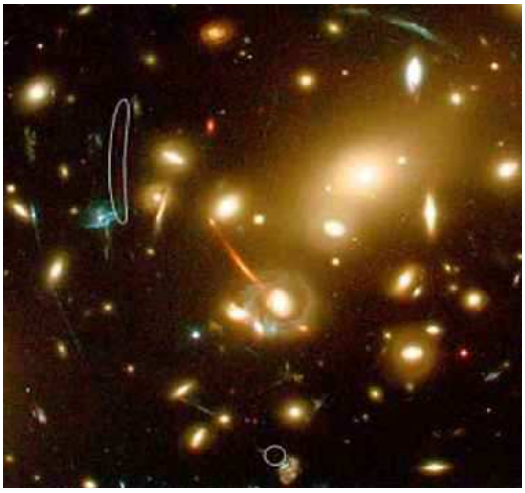

Một chùm thiên hà nhìn qua một màn "vật chất tối" vô hình ở cận cảnh. Vật chất tối đóng vai trò một thấu kính khuếch đại cường độ của ánh sáng phát ra bởi chùm thiên hà. Hiện tượng này gọi là "ảo ảnh hấp dẫn" (mirage gravitationnel) (ảnh NASA).

do là trái đất và các hành tinh trong hệ mặt trời, cũng như các hành tinh trong các hệ sao khác, không tự phát ra ánh sáng mà chỉ phản chiếu ánh sáng của mặt trời hay của ngôi sao trong hệ. Cho nên ánh sáng của các hành tinh chỉ yếu bằng một tỉ lần ánh sáng của mặt trời hay của những ngôi sao khác. Muốn dùng kính thiên văn để phát hiện những hành tinh ngoài hệ mặt trời, cũng tương tự như muốn dùng kính để nhìn thấy, từ Vũng Tàu, một con đom đóm bay bên cạnh một ngọn hải đăng đang chiếu sáng ở tận cảng Hải Phòng !

Sở dĩ không quan sát được trực tiếp hành tinh trong những hệ sao ở bên ngoài hệ mặt trời, nên các nhà thiên văn tìm cách phát hiện sự nhiễu loạn của quỹ đạo của ngôi sao gây ra bởi những hành tinh đồng hành. Cũng như một cặp nhẩy múa quay chung quanh nhau, tốc độ của ngôi sao thay đổi chút ít một cách định kì. Hành tinh đồng hành càng nặng và càng gần ngôi sao thì lực hấp dẫn trong hệ sao càng lớn và tốc độ của ngôi sao càng thay đổi nhiều. Biên độ (amplitude) của sự thay đổi tốc độ của ngôi sao, do tác động của một hành tinh đồng hành tương tự như Mộc, chỉ bằng khoảng 12 m/giây. Dùng phương pháp đo sự thay đổi tốc độ của sao, các nhà thiên văn đã phát hiện được hơn một trăm hành tinh trong các hệ sao. Tuy nhiên họ chỉ phát hiện được những hành tinh cỡ lớn, đủ nặng để làm thay đổi tốc độ của ngôi sao. Các nhà thiên văn đang nghiên cứu những dự án phóng lên không gian một loạt kính thiên văn, hoạt động tương quan với nhau. Họ sẽ sử dụng những kĩ thuật quang học che ánh sáng của ngôi sao để đỡ lóa ánh sáng yếu ớt của hành tinh. Với những phương pháp hiện đại này, họ hi vọng sẽ phát hiện trực tiếp những hành tinh nhỏ, loại trái đất. Đồng thời những phổ kế sẽ được dùng để phân tích khí quyển của hành tinh. Nếu trong khí quyển có những loại khí quen thuộc như oxi, ôdôn, CO_2, hơi nước và mêtan như trong khí quyển trái đất, thì hành tinh có khả năng có sự sống.

Triển vọng

Khoa học đã tiến những bước khá dài từ nửa thế kỉ nay. Trong những thập niên đầu của thế kỉ 21, với những thiết bị hiện đại dùng trong ngành thiên văn, chúng ta sẽ được chứng kiến những khám phá quan trọng và lí thú để hiểu thêm những hiện tượng thiên nhiên. Vũ trụ là một phòng thí nghiệm phong phú dường như đã được tạo hoá ban cho loài người sử dụng. Thiên văn học không còn là một ngành khoa học xa vời. Những chất quen thuộc như muối, đường, rượu và các phân tử hữu cơ đã được phát hiện trong dải Ngân hà. Các nhà thiên văn vẫn cố gắng tìm axit aminê, thành phần cơ bản của chất đạm (protéine), bởi vì sự hiện diện của axit này trong vũ trụ là dấu hiệu của sự sống ở bên ngoài trái đất.

Các nhà khoa học đang xúc tiến việc tìm kiếm một lí thuyết thống nhất các lí thuyết vật lí, nhằm giải thích toàn thể các các hiện tượng thiên nhiên, từ thế giới vi mô đến thế giới vĩ mô, bằng một lí thuyết độc nhất. Einstein đã mất bao nhiêu năm nghiên cứu để tìm ra lí thuyết "tao nhã" này mà không thực hiện được ước vọng của mình. Trong những năm gần đây, một lí thuyết được đưa ra, cho rằng các hạt nhỏ nhất như hạt "quark" không phải là thành phần cơ bản của vật chất. Trong những hạt này còn có những "dây" cực kì nhỏ, dao động như những dây đàn. Tất cả những lực cơ bản và những hạt vật chất trong vũ trụ đều chỉ là những biểu lộ của phương thức dao động của những "dây vũ trụ", tương tự như những nốt đàn. Một số nhà khoa học nghĩ rằng "lí thuyết dây" có khả năng là "lí thuyết giải thích tất cả mọi thứ" (theory of everything) trong thiên nhiên.

Ngành thiên văn chưa được phát triển tại Việt Nam. Một số cán bộ chuyên ngành đang được đào tạo, nên chúng ta hi vọng sẽ có sự tham gia của các nhà khoa học trong nước vào phong trào chinh phục vũ trụ trên toàn cầu. Các ngành khoa học, cả thực nghiệm lẫn cơ bản, nên được phát triển đều và cần được phổ biến rộng rãi. Thiên văn học là một trong những ngành khoa học có khả năng phổ biến hấp dẫn đối với quảng đại quần chúng.

Nguyễn Quang Riệu

Muốn tìm hiểu thêm :

F. Hoyle, G. Burbidge, J.V. Narlikar : *A different Approach to Cosmology* (Cambridge University Press, 2000)

S Hawking, R. Penrose: The Nature of Space and Time (Princeton University Press, 2000)

Nguyễn Quang Riệu : Vũ trụ, Phòng Thí nghiệm Thiên nhiên Vĩ đại (Nhà Xuất bản Giáo dục, 1995) .

Diễn Đàn *Forum*

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ

* Imprimé par Quick Print – Vitry-sur-Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : http://www.diendan.org

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS,...) ; hoặc qua e-mail (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)